Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NĂM THỨ BA, SỐ 41

1er Avril 1923

Hữu-Thanh

Nº 949

CƠ-QUAN CỦA HỘI BẮC-KỲ CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP

Tùng-thư của hội Ích-Hữu Thư-Xã

Sáng-lập : NGUYỄN-HUY-HỢI

Chủ-nhiệm : NGHIÊM-VỊNH

YẾU-MỤC

VẤN-ĐỀ DI-DÂN VÀO NAM-KỲ III 423

VẤN-ĐỀ SÁP-NHẬP BẮC-KỲ VỚI TRUNG-KỲ 430

NGHIÊN-CỨU VỀ TÍNH-CHẤT NGƯỜI NHẬT-BẢN. 437

THẦN-KINH THẮNG-CẢNH 444

CƠ-KHÍ PHÁT-MINH LƯỢC-SỬ 451

VĂN-THƠ 456

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA 460

GÁI PHỤC THÙ CHA 467

THỜI-ĐÀM 475

CÔNG-VIỆC HỘI CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP 481

Mỗi tháng xuất bản hai kỳ : mồng một và rằm

DIRECTION — RÉDACTION
ADMINISTRATION

53, Rue du Coton, HANOI

IMPRIMERIE PAPETERIE

Téléphone nº 346

1923

Mỗi số 0p. 25

HỮU-THANH TẠP-CHÍ

Luân-Lý. — Học-Thuật. — Thực-Nghiệp. — Kinh-Tế. — Văn-Nghệ

Organe de l'Association Amicale des Employés Indigènes de Commerce et d'Industrie du Tonkin

Édition de la Société «Ích-Hữu-thư-xã»

ÂN-NHÂN CỦA « HỮU-THANH »

MM. Phạm-Văn-Thụ . . . . . *Thượng-thư bộ Hộ*
Vũ-Ngọc-Hoánh . . . . . *Tuần-phủ Thượng-thẩm-viện*
Trần-Mỹ . . . . . *Tuần-phủ Thái-bình*
Nguyễn-Tất-Tế . . . . . *Thương-tá Hà-đông*

Chủ-nghĩa và mục-đích « Hữu-Thanh »

Hữu-Thanh tạp-chí *này, lấy « Hữu-ái » làm chủ-nghĩa, mục-đích để cổ-động cái tinh-thần tương-ái trong đồng-bào mong người trong nước cùng yêu mến nhau như ruột thịt, để nương-tựa nước Pháp lên đường văn-minh.*

Biên-tập đủ các môn luân-lý, học-thuật, văn-nghệ, thực-nghiệp, kinh-tế để giúp quốc-dân về mọi đường phổ-thông tri-thức. Phàm biên-tập cốt lấy thông-thường làm trọng.

Giá tạp-chí « Hữu-Thanh »

Sáu tháng... 2 p. 50 Một năm... 5 p. 00 Ngoại-quốc mỗi năm... 6 p. 00

Mua tạp-chí « Hữu-Thanh » xin giả tiền trước

Tòa tạp-chí « Hữu-Thanh » ở số 58 Phố Hàng Bông **(58 Rue du Coton)** *Hanoi*



AU BONHEUR DES TONKINOIS

HAI-CHINH

53, 74 et 76 rue du Pont-en-Bois

HANOI



Nhà chế-tạo ra các kiểu mũ và các thức khăn sếp sản, xuất-hiện đã 10 năm nay được nhiều cái quang-cảnh hân-hạnh như sau này :

Hoàng-Thượng ban kim-tiền.

Nhà-nước thưởng médaille chương-mỹ bội-tinh.

Hội Ái-Mỹ tặng những bằng khen ngoại hạng (Hors concours).

Nghề làm mũ và khăn của bản-hiệu cũng suy xét được nhiều, dùng toàn thợ khéo làm rất kỹ lưỡng mà hợp-thời-trang ; giá bán phải chăng, qui-khách mua buôn hay mua lẻ xin cứ gửi thơ cho bản-hiệu và gửi cho một phần tiền đặt trước ; tiếp được thơ xin gửi ngay theo cách lĩnh-hóa giao-ngân đi tỉnh nào cũng được.

Nay Kính : **HAI-CHINH**

TA NÊN DÙNG ĐỒ NỘI-HÓA

Hiệu CHÂN-THỤY *ở số 4 Phố Mới Hanoi (4 Rue Jean Dupuis Hanoi) có bán đủ các thứ màn chẳng, màn gọng, màn cưới, đủ các mùi. Cũng ở phố ấy số 13 và đường Bờ sông số 6 (6 Quai Clémenceau Hanoi) hiệu ấy lại chuyên cả nghề làm chiếu bằng các thứ cói se nữa. Đồ nội-hóa chế ra theo lối kim-thời đã rất khéo, rất đẹp, lại rất tốt, rất bền, ta nên dùng.*

Các ngài ở xa có lòng chiếu-cố đến xin viết thư cho bản-hiệu hay là cho ông ĐÀO-THAO-CẢNH *Tổng-thư-ký tòa tạp-chí* HỮU-THANH *ở số 58 phố hàng Bông Hanoi (58 Rue du Coton Hanoi) cũng được.*

CHÂN-THỤY cẩn-bạch.

南 NAM-THÁI 泰

昌 商 濟 相 益

SOCIÉTÉ COMMERCIALE TONKINOISE

SUCRERIE — PATISSERIE — CONFITURERIE

Hộn đường, Nấu mứt, Làm bánh

DIPLÔME DE MÉRITE A LA FOIRE DE HANOI 1920

TONKIN — 77, Rue Maréchal Foch, 77 — NAM-DINH

(Số nhà 77, Phố hàng Trống)

Các bạn đồng-nghiệp ở Nam-kỳ gửi các thứ đường ra bán nhiều lắm

Bán buôn và bán lẻ

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

HÃNG TÀU CHẠY SÔNG Ở BẮC-KỲ

F. SAUVAGE, Armateur

SERVICE SUBVENTIONNÉ

Nhà giấy — Số 138, Phố Bờ Sông — **Hanoi.**

GIỜ TÀU CHẠY

ĐƯỜNG HANOI — TUYÊN-QUANG		ĐƯỜNG HANOI — CHỢ-BỜ		ĐƯỜNG TUYÊN-QUANG — CHIÊM-HÓA	
Lúc đi và lúc về đỗ ở : Sơn-tây, Việtri, Thum, Phan-lương, Lemy, Kim-xuyên, Phố-doan, Đìa,		Lúc đi và lúc về đỗ ở : Sơn-tây, Việtri, Trung-hà, Laphù, Tu-vu, Đạc-bong, Hóa-bình.		Lúc đi và Lúc về đỗ ở : Song-Gam, Ngòi-cham, Phô-Trình	
ở Hanoi lúc đi	Đến Tuyên-quang	ở Hanoi lúc đi	Đến Chợ-bờ	Tuyên-Quang lúc đi	Đến Chiêm-hóa
Lúc đi		*Lúc đi*		*Lúc đi*	
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu	Thứ ba Thứ năm Thứ bảy	Thứ ba Thứ bảy (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi)	Thứ tư Chủ nhật (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi)	Thứ tư và Chủ-nhật	Cùng trong một ngày
Hồi 10 giờ sáng	Hồi 6 giờ sáng	Hồi 10 giờ sáng	Hồi 6 giờ chiều	Hồi 7 giờ sáng	Hồi 3 giờ chiều
ở Tuyên-quang Lúc đi	Đến Hà-nội	ở Chợ-bờ Lúc đi	Đến Hanoi	*Lúc về*	
Lúc về		*Lúc về*		Thứ ba và Thứ năm	Cùng trong một ngày
Thứ hai Thứ tư Thứ sáu	Cùng trong một ngày	Thứ năm Thứ hai (Từ tháng giêng đến tháng 5 tây thôi)	Cùng trong một ngày	Hồi 6 giờ sáng	Hồi 9 giờ sáng
Hồi 7 giờ sáng	Hồi 6 giờ chiều	Hồi 7 giờ sáng	Hồi 6 giờ chiều	Từ tháng năm đến tháng chạp tây thôi.	

NHỜI DẠN : Tàu ở Hanoi chạy hôm thứ hai, thứ tư và thứ sáu, thì đỗ ở Việtri để sáng hôm sau hồi 5 giờ thì chạy Tuyên-Quang.

NHỜI DẠN : Tàu chạy ở Hanoi ; hôm thứ ba và thứ bảy, đỗ một đêm ở Việtri để sáng hôm sau hồi 6 giờ thì chạy Chợ-bờ.

ĐƯỜNG TÀU THƯƠNG-MẠI

Đường Haiphong — Hanoi

Haiphong : Những lúc đi cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Đường Haiphong, Nam-định và Hanoi — Nam-định, Haiphong và Hanoi : Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi thì khi nào cần đến mới phải chạy mà thôi

Hàng hóa thì phải xếp xuống tàu ít là trước khi một giờ tàu chạy.

Nhận hàng chở thẳng tới tận bến hay là đỗ hàng cả các chỗ mán-xế

Nộp hộ thuế thương-chính, trữ hàng — Cho thuê tàu cả chuyến hay chở các phà các thuyền hàng

Tổng sự-vụ : Haiphong

Đường Hanoi — Haiphong

Hanoi : Những lúc đi. Cứ cách 2 ngày hồi 5 giờ chiều thì đi

Các chi-quán : Sơn-tây, Việtri, Tuyên-quang và Chợ bờ

Établissements TIẾN-ĐỨC

84-86, Avenue Paul Doumer, 84-86

HAIPHONG

AMEUBLEMENT GÉNÉRAL

SPÉCIALITÉ

MEUBLES ARTISTIQUES DÉMONTABLES

THĂNG-LONG

15, Rue du Chanvre, 15

HANOI **(Tonkin)**

Bản-hiệu chuyên nghề làm khăn-xếp, xin các ngài chiếu-cố cho. hãn-hiệu sẽ xin chiều được lòng các ngài.

THĂNG-LONG *cẩn-bạch.*

GRANDS MAGASINS RÉUNIS

ĐONG-PHÁP ĐẠI-THƯƠNG-CỤC

NHÀ GỖ-ĐA HÀ-NỘI

HÃNG BUÔN RỘNG NHẤT Ở ĐÔNG-PHÁP

Nhiều thứ hàng nhất

NÀY THỬ XEM KHU HÀNG MỚI SANG :

NÀO HÀNG PHA-LÊ, ĐỒ DÙNG TRONG NHÀ, ĐỒ BÀY TRONG NHÀ, ĐỒ ĐIỆN, HÀNG GIẦY

HÀNG THỢ MAY

MỘT NGƯỜI CAI CẮT ÁO VÀ MỘT NGƯỜI CAI THỢ GIẦY NGƯỜI PHÁP CHUYÊN LÀM CHO HIỆU

CÓ MỘT KHU RIÊNG BÁN CÁC VẬT-THỰC

Nên đến lấy quyển mẫu hàng về mà xem.

ĐÔNG-PHÁP YÊN-THẢO CÔNG-TY

SOCIÉTÉ DES TABACS DE L'INDOCHINE

SOCIÉTÉ ANONYME AU CAPITAL DE 6.000.000 FRANCS

Administration et Manufacture à Hanoi

Sản xuất những thứ THUỐC-LÁ như sau này :

(PRODUITS RECOMMANDÉS)

Thuốc thái (Tabacs) — Coq et Scaferlatl

Thuốc cuốn (Cigarettes) — Coq, Alliés. Métropole, Favorites. Dragon d'or, Midinettes

Thuốc Si-gà (Cigares) : Mandarin, Bouquet.

DEMANDEZ LE PRIX-COURANT

Annam : nên hút thuốc lá « hiệu con gà vì giống giọt tại xứ ta, vừa ngon vừa rẻ. Ai ôi nên hút thuốc lá hiệu con gà ».

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

HANOI — số 73, Phố Mới, số 78 — HANOI

HỮU-HẠN TẬP-CỔ CÔNG-TY

Vốn 42.500 p. 00

Đóng, chữa, sơn lại, các thứ xe tay, xe ngựa.

Xe nhà cao-su kiểu mới, thực đẹp, thực nhã ; các quí-khách muốn đặt kiểu nào cũng được.

Có nhiều kiểu xe đã bầy tại Hội-chợ mới rồi và có nhiều xe chạy trong thành-phố Hà-nội.

Giá tinh phải chăng, Làm cẩn-thận và thật mau.

Các ngài ở nơi xa muốn đóng xe, bản hiệu xin đóng cẩn-thận mà gửi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được xe của bản-hiệu đóng gửi thơ ra ban khen bản-hiệu.

Xin các quí-khách chiếu cố, bản-hiệu hết lòng hoan-nghênh.

NGUYỄN-HUY-HỢI Công-ty

廣東二天堂大葯房

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

PHỤ-KHOA KIM-PHỤNG-HUỜN

Tiệm lớn tại Quảng-Đông tỉnh-thành. Một tiệm tại Nam-kỳ ở tại đường Canton số 38, Cholon

Extrait du Certificat délivré par l'Institut Pasteur de Saigon le 15 Octobre 1921 :

Ces préparations peuvent être considérées, toutes, comme des préparations ou substances de la Pharmacopée chinoise. Elles paraissent ne présenter aucun danger, à condition de se conformer, pour leur emploi interne ou externe, aux indications des notices ou des étiquettes. Enfin, elles sont en très bon état de conservation.

Sao lục tờ vi-bằng Institut Pasteur, Saigon ngày 15 Octobre 1921 chứng rằng :

Các thứ thuốc của tiệm tôi nói trên đây đều làm bằng mấy vị thuốc bên Trung-huê. Thuốc của tiệm tôi không có món chi làm hại hết, miễn là trong khi dùng hoặc uống hoặc thoa, thì phải cứ coi theo các lời dặn hay là coi theo nhãn. Nói tắt một điều là thuốc của tiệm tôi để lâu chẳng hư.

Phàm đàn-bà khác hơn đờn-ông thì chỉ có hai điều : 1° đường kinh, 2° sanh dẻ mà thôi. Nếu hễ muốn sanh con thì trước hết phải lo cho đường-kinh đều đặng. Nếu đường-kinh chẳng đều thì khó mà có thai cho đặng, ấy là phần nhiều, gốc bởi ngoại-cảm, lục-dâm, hoặc tại ho, rầu, buồn-bực, ưu-huất trong lòng, làm cho khí-huyết hao-mòn, sanh nhiều chứng bịnh, đều cùng do nơi đường-kinh không đều mà ra.

Tiệm tôi đây, từ ngày đặng phương thuốc mầu-nhiệm của ông Tổ truyền lại đến nay, hằng gìn lòng giúp cho đời, lựa những thuốc tốt, gia công chế ra mà làm hườn, để trị cho các chứng-bịnh đờn-bà đều dùng đặng hết.

Còn như bình thời mà thường uống thuốc này, thì khí-huyết đầy đủ, chẳng hề sanh bịnh, mà rồi sanh con dẻ cháu cũng nhiều, chí như đờn-bà có thai mà uống thuốc này, thì lại đặng an thai bảo sản, chừng sanh con lại đặng mạnh mẽ nữa, ấy là một phương thuốc rất hay, để trị các chứng-bịnh đờn-bà hiệu-nghiệm như thần đó.

Chủ-trị các chứng kể ra sau này :

1° Đường-kinh hoặc trồi, hoặc sục, hoặc ít, hoặc nhiều ; 2. Bạch-đái, Bạch-dâm, ra hoài không dứt ; 3. Đường-kinh hoặc vàng dợt, hoặc đen bầm ; 4. Khí-huyết đều hư, đường-kinh không có ; 5. Hoặc đường-kinh ra nhiều quá, như muốn làm băng ; 6. Đường-kinh đi nghịch, sanh ra thổ huyết, trong bụng thì đau : 7. Thân-thể chẳng yên, xây-xẩm mặt mày, ăn uống không tiêu : 8. Đau lưng, mỏi cẳng, vàng mét, ốm gầy ; 9. Thai động chẳng yên, trong bụng đau hoài ; Đẻ rồi ứ huyết mà đau, hoặc lá-nhao không ra.

Cách dùng : Mỗi ngày phải uống 1 hườn, uống với nước trà Tàu. Còn đờn-bà đẻ thì phải dùng nước đái con nít mà uống với thuốc.

Cử ăn : Những đồ sống-sit, lạnh-lẽ, cùng là đồ rang-nướng, nóng-nẩy, độc-địa chẳng nên dùng.

Mỗi hộp 2 hườn giá là . . . 1p.00

Xin các vị có mua thì phải nhìn cho kỹ cái hiệu NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG có hình ÔNG PHẬT, kẻo lầm đồ giả.

Như chư-vị ở đàng xa xuôi mà muốn dùng thuốc chi xin viết thơ gởi cho tiệm tôi rõ, thì tôi sẽ gởi thuốc lập tức, mà gởi contre-remboursement, nghĩa là đem tiền lại nhà thơ mà lĩnh thuốc. Còn để bao thơ như vầy;

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG

Pharmacie Asiatique

Rue de Canton, n° 38 — CHOLON

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MEUBLES ET CARPETTES EN JONC RETORS

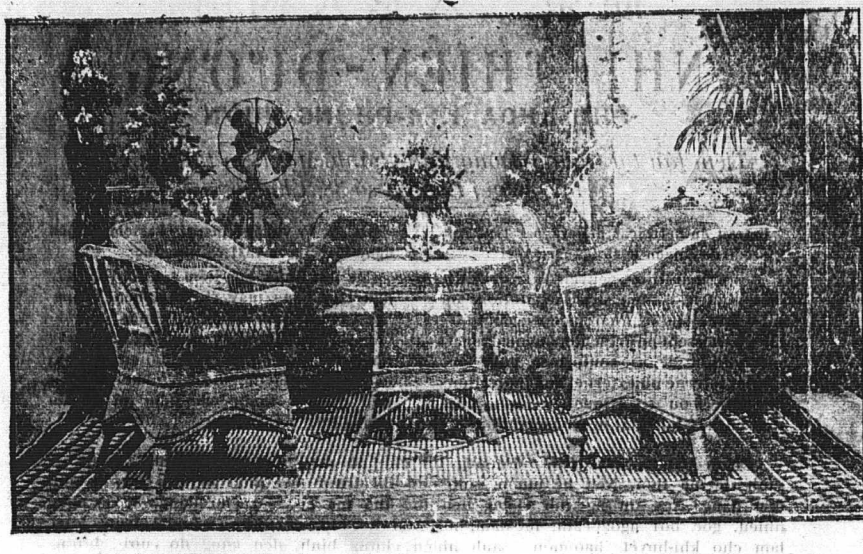

CHÂNTHỤY, 6, Quai Clémenceau, Hanoi

COMPAGNIE DE COMMERCE ET DE NAVIGATION D'EXTRÊME-ORIENT

ALLATINI & Cie

36, rue Harmand, HAIPHONG

1° Bán gia đóng giầy

của các nhà thuộc-gia đã có gianh-tiếng bên nước Pháp tại tỉnh STRASBOURG.

Gia boxcalf, gia chevreau, gia vachette vernie, gia dế, gia cổ giầy (giầy mỏng đủ các hạng và các mùi).

Sắp sang gia đế cả cuộn, kiểu giầy, đinh đồng, và chỉ khâu giầy. Lại bán cả các thứ gia cần dùng, như gia làm cương ngựa, yên ngựa, làm đồ gỗ và các giầy chạy máy.

2° Bán rầu máy, hiệu TEXAS OIL ở CITY.

Thứ Summer Black : bán lẻ p. **0.30**, *bán cả thùng p.* **0.275** *một cân.*

3° Đồ dùng về ngày tết Annam.

Rượu mùi, rượu mạnh và các thứ khác.
Kẹo và mứt mới ở bên tây sang đủ các thứ.

AI CẦN DÙNG MUA XIN HỎI TẠI :

Haiphong : số nhà 36 phố Harmand, và Hanoi số 33 phố Đồng-Khánh.

ƯA NGỘ QUÁ HỚ !!!

PHẠM-NGỌC-TY

MYTHO — Cửu-Viễn, Thuận-Trị — MYTHO

NHỰT-TÂN-ĐƯỜNG

Tôi có bán sỉ và bán lẻ, các thứ thuốc **Hườn, Tán, Cao, Đơn.** Trị-bịnh rất nên thần-hiệu vô-cùng, giá tịnh phải chẳng, bào-chế rất kỹ-lưỡng.

Các ngài ở xa muốn dùng thuốc chi, chúng tôi xin làm cẩn-thận mà gởi đi.

Đã có nhiều ngài trong Nam-kỳ nhận được thuốc chả chúng tôi gởi thơ ban khen chúng tôi.

Xin các Qui-khách chiếu-cố, chúng tôi hết lòng hoan-nghinh.

PHẠM-NGỌC-TY
Kính-mời

BẰNG-HỮU

Sách có câu rằng : **Quân-tử chi giao cửu nhi kỉnh chi, tiểu-nhơn chi giao cửu nhi hỗi chi** (người quân-tử mà kết bạn lâu chừng nào lại càng cung-kính nhau chừng nấy, còn đứa tiểu-nhơn kết bạn lâu chừng nào lại càng dễ vui nhau chừng nấy). *Phàm hễ kết bạn với nhau, thì phải tin cậy thương-yêu nhau, có hoạn-nạng phải cứu giúp nhau, có túng ngặt phải tư trợ nhau; mà thứ nhứt là chữ* **Tín** *chẳng nên quên sót, dầu việc chi nhỏ mọn cách mấy mà mình đã hứa với anh em rồi, thì chẳng nên sai chạy, đều ấy là thứ nhứt trong đạo bằng-hữu; phải lấy sự thiệt-thà chắc-chắn mà ở với nhau, thì mới gọi là bằng-hữu chỉ ư tín.*

Đời nhà hán có người Phạm-cự-Khanh với người Trương-ngươn-Bá là anh em bạn, ở học với nhau tại kinh sư, qua tiết xuân hay người bèn từ-biệt nhau mà đi về thăm nhà.... Phạm-cự-Khanh hứa với Trương-ngươn-Bá rằng : (qua tiết thu ngày trùng-cửu, tôi sẽ đến nhà lại thăm bác một phen) chừng đến ngày hẹn ấy, Trương-ngươn-Bá bèn thưa với mẹ xin làm gà nấu cháu mà đợi Phạm-cự-Khanh, bà mẹ nói : « Anh em biết nhau lâu ngày, đường xa ngàn dặm, lời hứa lo là sau mà con tin lắm vậy : » Trương-ngươn-Bá thưa rằng : « Phạm-cự-Khanh là người tín sĩ không lẽ nói chơi » mẹ con còn đang bàn luận, thì Phạm-cự-Khanh đã bước vào nhà, hai đàng mừng rỡ nhau, rồi vào lạy mừng bà mẹ Trương-ngươn-Bá, khi ấy anh em chuyện vãn vui cười, ăn uống no say rồi mới từ-biệt nhau mà đi, đáng khen-ngợi thay !!! đáng làm gương thay !!! đáng kính-mến thay !!! người xưa kết bạn với nhau, tuy là một chuyện nhỏ mọn như vậy, mà cũng chẳng hề thất-tín những người anh em bạn mà hay lường gạt và xảo-trá nhau, chẳng biết thương-xót giúp-đỡ nhau trong cơn hoạn-nạng cũng nên hổ-thẹn với hai người tín-sĩ nầy lắm ru !!!

PHẠM-NGỌC-TY
Cửu-viễn— Mytho

cuối cùng cần phải giải-quyết, là làm sao cho những đảng nhân-công ngoài này vào, mà khỏi lo cái nông-nỗi chưa có công ăn việc làm, thì cần nhờ có hai mặt sau này giúp sức cho mới được.

Một mặt là những dân Trung, Bắc hiện đã ở trong Nam-kỳ rồi, vô-luận là người làm việc, người buôn-bán, người làm nghề, cũng tới được ngoại 6 ngàn người. Trong 6 ngàn người ấy đã từng ở Nam-kỳ, hoặc mới hoặc lâu, tất đã hiểu sự sinh-kế doanh-nghiệp trong Nam-kỳ là dễ-dàng phát-đạt như thế nào rồi, vậy thì có anh em bà con, người nhà người họ, nên dắt-díu cho họ vào, mà bao-dung cho họ lấy chỗ ăn ở, chỉ dẫn cho họ lấy công-việc làm ; cứ như thế, mỗi người dắt-díu lấy năm ba người anh em bà con vào, tức-thị là di được đến hàng mấy vạn người ngay. Vả lại, trong nghề đi làm ăn buôn-bán nơi xa, một sự dắt-díu nhau, dễ thành đoàn-thể to và thế-lực lớn lắm. Nhờ có dắt-díu nhau mà người làng Phượng-lâu (Hưng-yên) mới mở hàng buôn tơ lụa khắp 13 tỉnh Trung-kỳ ; nhờ có dắt-díu nhau mà người làng Chợ-dầu, Nội-duệ mới sách gói đi bán dong khắp trong lục-tỉnh ; trông xa ra nữa, thì cũng nhờ có dắt-díu nhau, mà người Nhật di-dân hàng mấy mươi vạn sang Californie bên Mỹ, người Tàu đến mấy triệu dân đi kinh-thương hầu khắp hoàn-cầu, nhân đó mà kết đoàn-thể to, gây thế-lực lớn, khó lòng có sức mạnh gì mà lung-lay nổi họ cho được. Trước kia, người Trung, Bắc vào Nam-kỳ chẳng qua mới một vài trăm người, mà hiện nay đã tính phỏng đến ngoại 6 ngàn người, tức là cũng đã từng dắt-díu nhau lắm rồi, mới được đến thế. Nay những người đó, có một cái phận-sự, nghĩa là lại phải tìm-tòi mà dắt-díu anh em bà con vào cho đông, và chỉ-bảo cho họ những cách-thức buôn-bán làm ăn mà mình ở lâu đã từng thạo ; mỗi người làm trọn được một cái phận-sự ấy, thì dân Trung, Bắc-kỳ không lo gì không vào nhiều, vào nhiều mà không lo gì đến nỗi có cái sợ thất-nghiệp nữa vậy.

Một người vào rồi dắt-díu năm bảy người vào, đó là thuần về mặt « cá-nhân », còn một mặt nữa về «toàn-thể», nghĩa là phải làm sao cho có một cái cơ-quan gì để một là chiêu-mộ lấy nhân-công, hai là bảo-hiểm cho sự lao-động mới được. Mà cái cơ-quan này cần phải có ngay. Trong kỳ trước, có đoạn đã nói rằng : bao nhiêu người Trung, Bắc-kỳ ở trong Nam bây giờ, bất quá là khi trước nhờ có bà con dắt-díu, hay là ông chủ cho vay tiền trước, mới vào đó mà sinh-nhai được, tức như vừa nói ở trên này ; còn lại biết bao nhiêu người, không nương-nhờ trông-cậy vào

ai, thì dẫu muốn vào cũng không vào được, vì lọ vào thì làm gì, mà làm gì thì biết ai dùng mình, cho nên thế nào cũng phải lập ra một cái cơ-quan gì ở giữa để ứng-tiếp cả hai bên, một bên là những người di-cư vào, một bên là những người mướn nhân-công, đều được tiện việc cả ; hễ dân Trung, Bắc-kỳ kéo nhau vào, tùy tài sức ai làm được việc gì, thì giới-thiệu cho họ làm ; hễ những nhà điền-chủ và mấy nhà tư-gia, muốn mướn nông-phu hay thuê đứa ở, thì chỉ-dẫn cho họ mướn ; thế thì dân nghèo đói ngoài Trung, Bắc-kỳ này, muốn vào Nam cứ việc vào, không lo gì bơ-vơ không có việc làm ăn nữa. Đảng di-dân vào làm ăn đó, toàn là đảng lao-động cả, vậy thì cũng phải cho họ hưởng, chẳng nhiều thì ít, những cái quyền-lợi trong lao-động-giới, nghĩa là giờ làm giờ nghỉ, khi ốm khi đau, nhất thiết phải bảo-hiểm cho họ mới được, để cho họ yên bụng vui lòng mà làm ăn, không nhớ nhà nhớ cửa, mà nay đi mai về, thì có hại trong sự doanh-nghiệp lắm. Trong kỳ Hội-đồng Chính-phủ năm 1920 tại Saigon, có người yêu-cầu với Chính-phủ cho nông-phu ngoài Bắc vào khai-khẩn trong Nam-kỳ, mà trợ-cấp cho cả vợ con họ đi, cũng tức là một ý-nghĩa này vậy.

Xét kỹ ra, mấy xứ trong nước mình, đều ở trong cái cân của tạo-hóa cân-nhắc rồi, bên hơn cái nọ thì thiếu cái kia, bên được đảng này thì kém đảng khác, tuy đều là thăng-bằng, song cần phải san-sẻ nhau mới được. Thật thế, xứ Nam-kỳ nhiều *tiền*, Trung, Bắc-kỳ thừa *sức*. Theo nghĩa tư-bản, thì có tiền mới làm được mọi việc, theo nghĩa lao-động, thì có lao-động mới nảy được ra tiền, mà theo nghĩa kinh-tế, thì *tiền* và *sức* phải nhờ lẫn nhau, nếu li-khai nhau ra thì chẳng thành được việc gì, cho nên thế nào mấy xứ tất cũng phải trao-đổi giúp đỡ lẫn cho nhau, Nam-kỳ đương cần dùng nhân-công, thì Trung Bắc-kỳ di-dân vào mà sinh nghiệp, thật là thuận theo lòng người, ứng theo lẽ công lắm. Mấy kỳ trước, tôi đã nói rõ vì lẽ gì mà Trung Bắc-kỳ phải di-dân đi, vì lẽ gì mà Nam-kỳ còn thiếu nhân-công, cùng là cách-thức đi thế nào, vào trong ấy làm những nghề gì, mới đoạn trên này lại bàn phải làm sao mà khuyến-khích cho đảng di-dân, bảo-hộ cho đảng lao-động v. . . v. . . Vấn-đề di-dân là một vấn-đề rất to, muốn nghiên-cứu cho được rõ ràng thứ-tự, thì phải viết thành sách, chớ không phải đâu mấy kỳ báo này mà đã nói hết, song cũng đủ được mấy điều cần-kíp phải thi-hành ngay, thế thì viết đến đây đã có thể hãy tạm kết-luận được rằng: di-dân Trung, Bắc vào Nam-kỳ, là có lợi về sự sinh-hoạt của dân Trung, Bắc, là có lợi về cuộc khai-thác Nam-kỳ, lại là có lợi cho cả cuộc kinh-tế toàn-quốc lắm vậy.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Song, trước khi kết-thúc bài này, tôi còn một vài điều muốn nói ra nữa, là đảng di-dân ấy có quan-hệ đến cuộc tương-lai nước mình ra thế nào ? Chỗ này là một chỗ hơi xa, dám chắc ít có người trông thấy.

Ít lâu nay, có người gọi là yêu nòi yêu nước, có báo gọi là công-ích công-tâm, đều ồ nhau xướng lên cái thuyết « tam-kỳ liên-lạc ». Tôi tuyệt-nhiên không rõ « tam-kỳ liên-lạc » là nghĩa gì ? Tam-kỳ vốn là đất của Liệt-Thánh khai-cơ từ trước, Tam-kỳ vốn là chịu ơn của Đại-pháp bảo-hộ ngày nay, nước cũ bốn ngàn năm, dân đông hai chục triệu, chung một giống nòi, chung một phong-tục, chung một ngôn-ngữ, chung một tính-tình, nào đã giao-tranh đấu-chiến nhau bao giờ, đến nỗi thù ghét lia-bỏ nhau, mà bây giờ nói rằng phải liên-lạc ? Chẳng qua mới lâu nay, chính-thể mỗi xứ có hơi chia-rẽ, giao-thiệp với nhau có hơi thưa-thưa, cho nên một vài bọn dân vô-ý-thức ở trong nước, mới đem cái lòng « *phong mã ngưu bất tương cập* » (1) mà coi nhau, thành ra những người ưu-thế mới xướng lên nói rằng : phải liên lạc ba-kỳ, cũng chỉ là một câu nói « cửa miệng » đó thôi, chớ đến cái phương-pháp liên-lạc thế nào chẳng thấy ai xét đến. Ừ ! cho rằng phải liên-lạc ba kỳ đi nữa, thì cái cách làm thế nào mà liên-lạc được ? Nói rằng : đi-dân Trung, Bắc vào làm ăn sinh-nghiệp trong Nam-kỳ, tức là một cách liên-lạc nhau rất kín-đáo, rất mau chóng, mà rất có hiện-quả vậy.

Hãy lấy người trong một làng ra mà nói, người ở đầu xóm-người ở cuối làng, nếu không đi lại chuyện trò với nhau luôn, thì nghĩa tuy chòm rau cắt rốn với nhau, mà tình cũng hóa ra người nước lã ; phương chi đến một nước, kẻ cuối mũi biển, người giáp mạn rừng, xa nhau đến mấy ngàn ki-lô-mét, không năng đi lại gì, khi gặp nhau cho là người lạ mặt, không năng chuyện trò gì, khi gặp nhau cho là tiếng khó nghe, những hạng dân vô-học-thức, không biết chủng-tộc là gì, không biết lịch-sử là gì, thì đều như thế cả. Mà những dân vô-học-thức vốn là chiếm một số to, nếu cứ để cho họ ăn só mó niêu, chỉ sợ khỏi nhà ra thất-nghiệp mãi, thì dẫu có đem những cái ý-nghĩa cao-xa về chủng-tộc về lịch-sử mà nhồi vào óc họ cho mấy, cũng không đời nào họ hiểu được là thế nào, chi bằng làm cho họ được gần gụi nhau luôn, thì lần lần phải

(1) Nghĩa là ở xa-cách nhau mỗi người mỗi xứ, không có dính-dáng gì với nhau cả.

hiểu biết nhau, đã hiểu biết nhau, thì tất phải yêu-mến nhau, tức thị là liên-lạc.

Một mai, dân Trung, Bắc-kỳ vào làm ăn sinh-nghiệp trong Nam-kỳ cho thiệt đông, lan khắp cả Lục-tỉnh, nào là khai-khẩn được ruộng hoang, mở-mang được kỹ-nghệ, cùng là đi buôn đi bán, làm mướn làm thuê, đều là mấy việc công-ích lớn lao, thuộc về mặt vật-chất, thì đã từng bày tỏ ra ở mãi trên kia rồi, không cần phải nhắc lại làm gì nữa. Còn như sự ích-lợi thuộc về mặt tinh-thần, thì nghĩa là dân ba kỳ đã cùng gần gũi với nhau, làm việc với nhau, lần lần thế tất là hiểu-biết nhau có cái nghĩa nặng về lịch-sử, tình nặng về giống nòi, mới có thể điều-hoà biến-hóa với nhau mọi điều mà xưa nay ta vẫn cho là ngăn-trở, như ngôn-ngữ tính-tình và lễ-nghĩa phong-tục được giống in như nhau, mà trước hết là có thể dung-hòa được tiếng nói.

Tiếng nói của nước mình vốn chung một nguồn gốc từ xưa truyền lại mà thôi, duy mỗi xứ chịu một cái phong-thổ khí-hậu khác, hoặc là vì sự kiêng-kỵ khác, mà thành ra có một đôi tiếng, ngoài Bắc gọi thế này, thì trong Nam gọi thế kia, những người Nam Bắc ít đi lại trò chuyện với nhau, mới nghe nhau nói, mà không nhận kỹ, thì bảo ngay rằng : tiếng Nam Bắc khác nhau cả từ thanh, âm, từ, điệu, chớ không hiểu rằng: sự khác đó là chỉ bởi một vài cái danh-hiệu mà thôi, thiệt thì tiếng của mình chung một thứ tiếng độc-vận (langue monosyllabique) từ dân Giao-chỉ là ông tổ ngày xưa mà sinh ra vậy.

Chỉ vì một sự nhận sai cho là tiếng Nam-Bắc khác nhau, nên trong mấy xứ, sự trao-đổi ý-tình với nhau, nhân đó mà sinh ra ngăn-trở, hãy nói ngay như một cái vấn-đề « chấn-chỉnh quốc-văn », thì người Nam-Bắc đầu ai cũng cho là phải là cần, thế mà cái quan-niệm tưởng sai kia vẫn chưa bỏ đứt được, thành thế ra những sách-vở công báo và tạp-chí trong nước xuất-sản đã nhiều, mà vẫn không có cái tiêu-lộ rộng được khắp, người Nam đọc văn Bắc cho là nhiều chữ Nho khó hiểu người Bắc đọc văn Nam thì cho là mò-tẻ răng-rứa khó nghe; thế là ác-cảm từ tiếng nói, rồi ác-cảm đến giọng văn, rồi đến cả tính-tình, cũng có một vài chỗ ác-cảm với nhau nữa. Trong ba kỳ, dân mỗi kỳ có một cái tính-tình khác nhau, là vì phong-thổ, là vì khí-hậu, là vì tập-quán; mỗi người sinh trưởng một nơi, chịu một cái phong-

thổ, khí-hậu, và tập-quán khác nhau, bỗng chốc gặp nhau, tuy thấy ăn mặc cũng thế, tiếng nói cũng thế, những cái tình anh em đối với nhau vẫn ra lạt-lẽo, mà không mặn-mà, lại còn diễu-cợt nhau, nào là *ghe bầu*, nào là *vàng chàm*, nào là *cọc-cạch* v...v..., trừ ra những hạng có ý-thức đã biết nhau rồi, thì không nói gì, còn nhất-ban xã-hội, mà như thế, tưởng rất ngạnh-trở cho sự liên-lạc lắm, không những thế, người trong ba kỳ — nói ngay là những hạng người có tư-bản, có tri-thức — cũng vẫn là chưa tin nhau lắm, chưa tin nhau cho nên chưa hề thấy người Nam người Bắc hùn-hiệp nhau mà làm được một công-cuộc gì gọi là công-cuộc lớn-lao cả, chưa hề thấy người Nam người Bắc, trong khi làm một công-cuộc gì lớn-lao, mà tỏ ra cùng một ý-kiến như nhau cả, phỏng như thế mãi, thì bao giờ mới làm nổi những công-việc gì cho to tát được.

Tóm lại mấy điều ngăn-trở ở trên này, hoặc cho là tại ngôn-ngữ, thì ngôn-ngữ cũng có một vài tiếng khác thật, hoặc cho là tại tính-tình, thì tính tình cũng có một vài chỗ khác thật, nay muốn làm sao cho nhất-ban xã-hội, thông-đồng về ngôn-ngữ, điều-hòa về tính-tình, mà nay bài diễn thuyết, mai bài luận-văn, thống-thiết hùng-hồn bao nhiêu, cũng không có kết-quả, vì những những hạng dân trí-thức tầm-thường thì hiểu làm sao được, tất phải làm sao cho người ba xứ được dịp gặp mặt nhau luôn, thông-đạt ý-tình với nhau luôn, lần lần cùng lòng cùng sức mà làm việc, bởi thế cho nên nói rằng di-dân Trung, Bắc và Nam-kỳ, lức là một cách để liên-lạc ba kỳ vậy.

Có người — tức là ông Trần-Quang-Nhiêm, đại-biểu cho hội Khuyến-học và Thương-công Nam-kỳ ra Bắc mới rồi phát-biểu thêm ra một cái ý-kiến « Nam Bắc liên-hôn », nghĩa là người Nam người Bắc lấy lẫn nhau, cái đó tức là một cách liên-lạc. Ý kiến ấy hay mà dễ làm nhất. Thường cái tập-tục người nước mình, chỉ thích quanh-quẩn ở chỗ gia-hương xứ-sở mình đã quen biết đi rồi, thì lấy đó là thú-vị, cho nên đến ngay sự trai gái lấy nhau, rất e về những nông nỗi xa-sôi riệu-vợi, chỉ sợ dỗ-tết đi về không tiện, cách nhau chỉ mấy làng mấy tỉnh còn sợ là xa, phương chi xa cách đến Nam Bắc, nay nói đến chuyện « Nam Bắc liên hôn » thì tưởng đảng dân Trung, Bắc đi vào làm ăn trong Nam-kỳ, thật dễ thực-hành hơn cả. Thực-hành được sự liên-hôn như thế, có ích-lợi được nhiều mặt, lợi về mặt

tinh-thần, là ngôn-ngữ tinh-tình nhờ đó mà dễ dung-hợp, lợi về mặt vật-chất, là sinh-kế nghệ-nghiệp nhờ đó mà dễ mở-mang, có lợi đến thế thì tưởng nên làm lắm vậy.

Nói tóm lại, việc di-dân vào Nam-kỳ là một việc rất quan-hệ trong cái chương-trình « tự-phú tự-cường » của nước ta, chẳng những gì quan-hệ cho hiện-tại mà quan-hệ cho cả tương lai nữa. Muốn cho dân Trung, Bắc khỏi những cái nạn đói khát khổ sở là ở đó ; muốn cho xứ Nam-kỳ cải-lương được nông-nghiệp, và mở-mang được kỹ-nghệ là ở đó ; muốn cho sự buôn-bán công-nghệ nước mình ngày thêm phát-đạt, có thể chống lại được người Tầu và người ngoại-quốc là ở đó ; muốn cho Nam, Bắc-kỳ liên-lạc nhau cũng là ở đó, cái lợi-ích ngay trước mắt cũng vô-cùng, cái lợi-ích mai sau này cũng vô-cùng, vậy thì một sự di-dân vào Nam-kỳ mà có lợi được trăm mặt, ta phải làm sao khuyến-khích và tán-thành ngay cho mau có kết-quả to lớn, thì cái tiền-đồ của nước ta nay mai tự-phú tự-cường được đến thế nào, có thể ngồi mà đợi được.

QUÂN - CHI



Vấn-đề sáp nhập Bắc-kỳ với Trung-kỳ

Sáp-nhập Bắc-kỳ với Trung-kỳ thì thế nào? Đó là một câu hỏi khó trả lời lắm. Ý-kiến tư-nhân, không lấy gì làm xác-đáng; dư-luận toàn-quốc, cũng chưa biết ra thế nào. Nay có một hội-đồng (*Comité Républicain du Commerce, de l'Industrie et de l'Agriculture*) đã khảo-xát về vấn-đề ấy, đăng lên báo tây. Xem đó thì dư-luận của người qui-quốc đối với vấn-đề ấy thế nào, cũng biết được đôi chút, vậy xin lược-dịch ra sau đây để các bạn độc-giả cùng rõ:

« Cái tin đồn rằng có một vài người tai mắt bàn nên sáp-nhập Bắc-kỳ với Trung-kỳ làm một, khiến cho các người Tây Nam ở Bắc-kỳ đều lấy làm nao-núc.

Những người am-hiểu các sự-vật ở xứ này đều không tin chắc rằng cái ý-kiến ấy có thể thi-hành được không, vì rằng cái ý-kiến ấy có phương ngại đến cái chánh-sách thuộc-địa của ta, là cái chánh-sách làm cho người bản-xứ được lợi-dụng những cái công-đức của văn-minh, ban-bố những cái ơn-trạch của việc y-tế và vệ-sinh, sửa sang cái cách sinh-hoạt của những người lao-động cho dân được hưởng cái cuộc an-lạc chánh-đáng, để mà làm trọn cái công-cuộc mở mang các thuộc-địa, nói tóm lại là tất cả những cái mà một nước văn-minh tiến-tiến phải đem đến khai-hóa cho những dân-tộc mà mình tự nhận cái chức-trách bảo-hộ.

Thế nhưng thực tình thì có một vài người cũng không khỏi bị hoặc vì cái ý-kiến thuần-nhiên thuộc về lý-luận là cái ý-kiến hợp Trung, Bắc-kỳ làm một ở dưới quyền đế-chánh, vậy chúng tôi tưởng cần phải chỉ rõ những lẽ vì làm sao mà nếu Bắc-kỳ sáp nhập với Trung-kỳ thì đó sẽ là một bước giật lùi có thiệt-hại cho dân bản-xứ là dân mà ta đã hứa cho được hưởng có Công-lý và Công-pháp, đó cũng lại là sự làm uổng mất cả cái công-phu to-tát của người Pháp sang thực-dân và cai-trị xứ này.

Những lẽ phản-đối sự sáp-nhập này là những lẽ thuộc về lịch-sử, thuộc về chính-trị, thuộc về kinh-tế; nay chúng tôi cứ lần-lượt xét qua cả.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Những điều khảo-xát thuộc về lịch-sử về thời-kỳ trước khi Đại-Pháp Bảo-hộ.

Về một thời-kỳ mập-mờ và xa-lắc thì người An-nam là những quân xâm-chiếm từ phương Bắc kéo lại, đi qua Bắc-kỳ.

Từ năm 111 trước Thiên-chúa đến năm 968 sau Thiên-chúa, nước Nam thay đổi nhiều tên, cứ cách quãng hoặc lâu hoặc chóng lại nội thuộc về Tầu.

Trước kỷ-nguyên ít lâu, quân Chiên (gốc-tích ở đảo Mã-lai) sang đánh được nước Nam rồi chiếm cả một giải ven bờ bể, dựng nước Chiêm-thành đặt kinh-đô tại Huế, phía bắc ăn ra mãi miền núi, là chỗ về sau các Chúa Nam-kỳ truyền xây cái lũy ở Đồng-hới, bây giờ hãy còn di-tích. Lũy ấy xây nên là để ngăn giữ cho các chúa Nam-kỳ khỏi bị những quân cường-bạo ở Bắc-kỳ tràn vào.

Đến năm 980, quân Chiêm bị đánh đuổi ra ngoài đèo Hải-vân, và đến năm 1445 Chiên-thành bị diệt, những dân sống sót chạy cả về miền nam Trung-kỳ (Phan-Rang, Nha-trang v.v...), hiện này nòi giống cũng thấy còn, nhưng ít lắm.

Từ thế-kỷ mười một đến thế-kỷ mười sáu, bờ cõi về phương nam của nước Nam chỉ đến có đèo Hải-vân là hết.

Vào khoảng ấy (cuối thế-kỷ mười lăm), đặt ra làm hai thái-địa: Bắc-kỳ giáp giới đến Đồng-hới; Nam-kỳ, gồm có cả các miền ở phương nam chiếm lấy được của nước Chiên-thành. Bắc-kỳ thì các Chúa Trịnh cai-trị; Nam-kỳ thì các Chúa Nguyễn cai-trị, nhưng là cai-trị hộ cho nhà Lê đóng đô ở Bắc-kỳ. Ấy chính là ở Bắc-kỳ mà các vua đời trước đã định-đô, như là: Hoa-Lư (Ninh-bình) Đại-La (Hanoi), Tức-Mặc (Nam-định) Cổ-Loa (Phúc-yên).

Đức cha Cadière có chép rằng: Đến đầu thế-kỷ mười bảy, nước An-nam, vua vẫn đóng đô ở Bắc-kỳ mà nước chia ra làm hai.

« Từ năm 1620 đến năm 1672, các Chúa Trịnh sợ các Chúa Nguyễn muốn vận-động độc-lập, bèn khởi-quân đánh các chúa Nguyễn những trận dữ-dội. Trịnh thua. Thế là từ năm 1672, Nam-kỳ độc-lập. Từ ngày ấy trở đi thì hai xứ mỗi xứ có lịch-sử riêng cho đến mãi năm 1774, là năm các quan ở Triều-đình Huế vời Trịnh-Sâm ở Bắc vào trừ giặc Tây-sơn đã nhóm lên ở Bình-định (Qui-nhơn). Trịnh-Sâm chiếm được phía bắc Nam-kỳ » (Trích trong sách của Đức cha Cadière).

Việc chiến-tranh của phương Bắc và phương Nam kéo dài mãi cho đến cuối thế-kỷ mười tám, rất là kịch-liệt.

Quân Tây-sơn đã chiếm được miền nam Trung-kỳ thì kéo đến Huế, đánh đuổi người Bắc (1786) mà tràn ra Bắc-kỳ. Nhà Lê trị-vì từ thế-kỷ mười lăm và các chúa Trịnh cầm quyền-chánh trong nước, đến đó là hết.

Khi Tây-sơn nổi lên thì nhà Nguyễn phải lùi về Nam-kỳ, đến đó đức Thế-tổ mới lại khởi quân ra đánh. Đức thế-tổ nhờ được có người Pháp và ông Giám-mục Pigneau de Béhaine (Bá-đa-lộc) giúp đỡ mà năm 1801 lấy lại Huế, chiếm được Bắc-kỳ rồi đến năm 1802 thì tức-vị Hoàng-đế, niên-hiệu Gia-long.

Cứ xét trong lịch-sử như vậy thì trước khi đức Gia-long lên ngôi uy-quyền của Triều-đình Huế vẫn không ra đến Bắc-kỳ, và đến bấy giờ (1802), Bắc-kỳ vẫn là độc-lập. Coi đó, chánh quyền của nước Nam thống-nhất chưa được một thế-kỷ thì tà sang can-thiệp đến Đông-Dương.

Ta cũng lại phải xét rằng sau khi đức Gia-long lên ngôi rồi, Bắc-kỳ thực lại vẫn là độc-lập. Nhà Cố-Lê đã lâu vẫn muốn phúc lại Hanoi làm kinh-đô thì vấn đề cho những trung-thần của mình ở đó nhiều lắm. Những

kẻ trung-thần ấy tuy vẫn chịu cái quyền-chính của Triều-đình Huế, nhưng thực thì không phục-tòng.

CHƯƠNG THỨ HAI

Đại-Pháp sang bảo-hộ

Đại-Pháp đem quân sang can-thiệp đến nước Nam là vì Triều-đình Huế thất-tín không chịu tuân-theo những điều-ước ký với Đại-Pháp.

Sự can-thiệp ấy kết-cục đến lập tờ hòa-ước ngày 6 Juin 1884 đặt ra chức quan Thống-đốc Trung-Bắc lưỡng-kỳ. Cái chủ-ý của tờ hòa-ước ấy là thực-hành cái chánh-sách hợp đất chia quyền, cũng như trước kia đã thế, Bắc-kỳ thì ở dưới quyền tá cai-trị; còn dư-gia thì tạm thời-giao mặc Triều-đình Huế.

Đạo chỉ-dụ ngày 27 Janvier 1886 tổ-chức nền Bảo-hộ và đặt ra hai chức Khâm-sứ Thống-sứ giúp việc quan Thống-đốc: một chức ở Bắc-kỳ, một chức ở Trung kỳ.

Đạo Chỉ-dụ ngày 17 Octobre 1887 đặt ra chức Toàn-quyền Đông-Dương, lại một đạo Chỉ-dụ nữa ngày 9 Mai 1889 bãi chức Thống-đốc ở Huế, chỉ để còn có hai chức Khâm-sứ Thống-sứ riêng quyền cai-trị.

Xét kỹ thì nhận ra rằng hai xứ khác nhau mà cái cách bảo-hộ mỗi xứ cũng một khác, thì cái chủ-quyền không thể giao cho một ông quan kiêm cả được.

Triều-đình Huế bấy giờ vẫn chống-cự với những cách khai-hóa, thường làm các việc ngăn-trở cho ta, vậy muốn trừ khỏi sự ngăn-trở và cái lòng bất-tín của Triều-đình thì ta lại cần được hoàn-toàn tự-do hành-động.

Tờ trình về việc thi-hành đạo Chỉ-dụ ngày 9 Mai 1889 có một đoạn sau này tưởng cũng nên nhắc lại: «Để cho quan hành-chánh mà ta đặt ra ở Huế và quan chủ-trương việc cai-trị ở Bắc-kỳ được riêng quyền hành-động thì thực là rất có ích-lợi.

« Cái cách tổ-chức ấy bởi những điều khẩn-yếu về phương-diện thực-hành xui ra, cũng không có gì là trái ngược với cái tinh-thần những việc giao-thiệp nó đã khiến cho ta liên-lạc. Chiếu theo tờ hòa-ước năm 1884, thì xứ Trung-kỳ đặt dưới một cái chánh-thể bảo-hộ khác hẳn với cái chánh-thể thi-hành ở xứ Bắc-kỳ. Những tờ giao-ước về sau, nhất là tờ dụ trao cho quan Kinh-lược những quyền-chánh của vua ở Bắc-kỳ, lại thuận-tiện cho sự phân quyền, chánh trị ấy nữa.

« Còn về phần quan Toàn-quyền, thuộc ngay dưới quyền có các quan Khâm-sứ, Thống-sứ ở Huế và ở Hanoi, thì trong sự chủ-trương các việc thuộc về chánh-thể bảo-hộ sẽ đều trông coi như một cả. »

Nói tóm lại thì cái thái-độ của Nam-triều thực là bất-trắc, sinh ra cho ta hết nỗi khó-khăn này, đến nỗi khó-khăn khác, lại cố lập-kế chối từ những khoản giao-ước với ta để làm cho ta phải đổi phương-châm chánh-trị, cái thái-độ ấy ngay từ lúc đầu đã khiến cho chánh-phủ Đại-Pháp phải khu-biệt phân-minh cái chánh-thể thi-hành ở Bắc-kỳ với cái chánh-thể thi-hành ở Trung-kỳ.

Chức Thống-đốc đặt ra ở Huế, theo như đạo chỉ-dụ ngày 1er Septembre 1884, cũng không tiện cho cuộc hành-động của ta. Cái sự bắt-buộc các quan cai-trị ở Bắc-kỳ động một việc tí-ti gì cũng phải cần

có quan Thống-đốc ấy mới được giải-quyết, thực đã thành ra một sự ngăn-trở rất to. Bấy giờ mỗi một lần ở Bắc-kỳ, định tổ-chức, chỉnh-đốn hoặc mở-mang việc gì thì cứ bị phải những viên quan không quyền hoặc hay kháng-cự làm ngăn-trở. Quan Thống-đốc ở Huế thì những cái tư-trào đột-khởi ở Bắc-kỳ, đều không biết đến, dân-tâm thế nào, trong xứ cần dùng những gì, cũng không biết rõ, lại bị Triều-đình hay lừa-dối cứ đem những cái âm-mưu mà lấp mắt che tai, thành ra các vấn-đề, thường không mấy khi được biết rõ cả.

Bấy giờ là lúc phải sửa bỏ những điều tệ ấy vừa thiệt-hại đến quyền-lợi của ta lẫn của dân bản-xứ, là dân trông mong ở sự bảo-hộ của ta những thế kia thế khác.

Việc âm-mưu ở Huế — Việc đặt nhà Kinh-lược

Ai cũng còn nhớ rằng đêm mồng bốn rạng mồng năm tháng Juillet 1885, ở Huế có xảy ra việc âm-mưu phá sứ-quán Đại-Pháp. Việc âm-mưu ấy thất-bại rồi vua Hàn-Nghi xuất-bôn.

Đến ngày 30 Juillet thì quan Nguyên-soái de Courcy làm Thống-binh và làm Thống-đốc bấy giờ, họp một cuộc hội-nghị có quan Phụ-chánh Nguyễn-văn-Tường dự-hội. Tranh-luận rất lâu, rất kỹ, cũng lại rất sung-đột nữa. Xem ra đại-biểu Nam-triều có cái ý quanh-quoéo. Nhưng đứng trước cái thái-độ cương nghị của các quan hội-đồng Đại-Pháp, chung-qui quan Phụ-chánh Tường cũng phải cúi đầu chịu theo, rồi cùng với quan Tổng-đốc Hanoi Nguyễn-hữu-Độ và các quan khác đến dự-hội cùng thuận một tờ giao-ước ký ngay ngày hôm 30 Juillet, sau khi đã sửa-đổi theo như Chánh-phủ Đại-Pháp chỉ định. Tờ giao-ước ấy là để bảo-thủ cái chánh-sách chia quyền bảo-hộ đã đặt ra từ năm 1884.

Tờ giao-ước ấy lại nói đến sự đặt nha Kinh-lược ở Bắc-kỳ nữa.

Nha Kinh-lược đặt ra, chiếu theo chỉ-dụ của nhà vua ngày 3 Juin 1886. Một tờ chu-tri của quan Paul Bert, ngày 30 Août 1886, thông-cáo về việc ấy, có nhắc lại rằng các quan Công-sứ đặt ra là để chủ-trương các việc chánh-trị, cai-trị và lý-tài ở trong tỉnh mình và giám-đốc các quan-lại bản-xứ, ai có lỗi thì quan Công-sứ có thể xin bãi-chức được.

Sự lập ra một Hội-đồng tư-vấn Bắc-kỳ (Conseil consultatif Tonkinois) cũng làm thuận tiện cho cái chánh-sách chia quyền.

Bấy giờ ai cũng bỏ hẳn cái ý-kiến thi-hành cái chánh-thể bảo-hộ duy-nhất cho toàn-quốc mà phải nương tựa vào quyền-chánh của nhà vua.

Sự lập ra nha Kinh-lược thực là một sự lầm, một sự giải-quyết không được chánh đáng mà thường thấy nhan-nhản ở trong lịch-sử ngoại-giao của ta. Quan Paul Doumer đã có giải rõ ở trong quyển sách « *L'Indochine Française* » của ngài.

« Nhà nước Đại-Pháp thực là có cái ý-kiến quái-lạ mà đặt ra một Chánh-phủ An-nam hữu-danh vô-thực thuộc dưới một chức phó-vương hay là Kinh-lược ở Bắc-kỳ, chức quan ấy cũng chịu dưới quyền nhà nước Đại-Pháp bảo-hộ thì về cuộc hành-chánh chỉ là đứng ở ven ngoài. Chức quan ấy là quan Thẩm-phán-trưởng một tòa Nam-án phúc-thẩm và là người chủ-trương về những việc thăng-thưởng của các quan tỉnh, thì trong cái phạm-vi đó

muốn làm gì thì làm, không ai chỉ dẫn, không ai giám sát.

« . . . . Trong nhiều cái lề-thói của cái cơ-quan ấy di-truyền lại, có điều rất là bất tiện, lại cũng có khi nguy hiểm nữa. Các quan-lại ở nước An-nam, cũng giống như các quan-lại ở nước Tầu, quen thói cứ cái quyền binh của mình được thế nào thì áp-chế dân thế ấy. Không những là lấy thuế vô-độ, vừa đề nhét chặt túi tham của mình, vừa đề đồ đầy vào kho tàng nhà vua; lại còn dem công-lý mà bán rẻ, đem chức-vị mà lợi-dụng, đem tất cả các cái ân-điển mà phàn-phát lấy tiền. Các quan Khâm-sứ Thống-sứ thì hết sức trừ bỏ cái tệ ấy đi ; nhưng có quan Kinh-lược thì cái tệ ấy lại vẫn còn mãi, không sao khỏi được. »

Vì nha Kinh-lược chính ta đã đặt ra mà không có bổ-ích gì cho nền bảo-hộ của ta, cho nên năm 1897, quan Paul Doumer bãi nha ấy đi và giao quyền-chánh lại cho quan Thống-sứ Bắc-kỳ, thực là phải lắm. Cái nghị ấy, dân gian đều công-nhận, không hề ta-thán tí nào. Từ đó trở đi, sự tiến-bộ ở trong xứ, về tất cả các phái người lao-tâm lao-lực, đều rất là nhanh-chóng.

Chức-vụ của các quan tại Triều-đình Huế từ khi có Đại-Pháp bảo-hộ

Từ trước năm 1884 cho chí sau năm ấy cũng vậy,các quan tại Triều-đình Huế cũng hầu như là đóng hai vai, xét ra thực lấy làm ngán thay : Bề ngoài đối với các quan Pháp ở Huế họ vẫn giả-mạo tỏ ra cách hòa hảo, tất cả các việc mà ta phải nhờ giảng-giải cho thì họ đều giao các hàng bộ-thuộc phải làm, nhưng bề trong thì họ không bỏ mất một dịp nào để làm ngạnh-trở cuộc hành-động của ta, họ toan sự phá-hoại cái chánh-cục của ta, mà họ thực sự làm những cho cơ-quan hành-chánh của họ đều đình-trệ lại, khiến cho lòng sốt-sắng của các viên quan cai-trị của ta phải vì đó mà nhụt lại, như khi có sự truất giáng hay là thuyên-chuyển bất-thời, thì họ không giáng những người đã vâng lời họ mà bỏ trễ-nải công-việc, họ cũng không đổi những người chỉ trốn tránh khỏi phải thi-hành một cái mạnh-lệnh gì của quan Pháp.

Ai cũng tưởng rằng lâu dần mãi các quan Triều-đình Huế, đã thấy nhà nước Pháp thi nhân-chính cho dân An-nam thế nào thì rồi sau cũng đến hiểu rõ cả, mà bỏ những cách vận-động âm-hiểm khi trước đi.Nhưng khốn-nạn nào có thế đâu, chẳng bao lâu nữa thì các viên quan An-nam nào trung-thành với Đại-Pháp đều thấy bị quở-trách cả.

Xem như các quan ở Trung-kỳ về sự thăng hàm được hưởng phần hơn các quan ở Bắc-kỳ,lấy cớ rằng các quan Trung-kỳ thực là quan của Nam-triều, thì đó chẳng phải là một điều trái-lẽ rành rành ra ư ? Dù cho các quan Triều-đình hết sức cẩn-thận giữ kín cái ý-định của mình thế nào mặc lòng, những cái hình-tích mỗi ngày một hiển-lộ ra cũng không để cho họ lầm mãi về cái mục-đích hiện họ theo đuổi ở Bắc-kỳ một cách khôn-khéo hoặc ít hoặc nhiều, để làm cho các quan Bắc-kỳ dù không muốn nữa thì tất cả cũng đều hiểu rằng có thể liên-lạc trực-tiếp với Nam-triều.

Những điều bất-tiện về sự sáp-nhập Bắc-kỳ với Trung-kỳ

Những điều bất-tiện về phương-diện chánh-trị như trên kia đã nói, dù sơ-lược, song cũng đủ biết quan-hệ là thế nào, ngoài những điều ấy ra, thì sự sáp-nhập Bắc-kỳ với

Trung-kỳ cùng là sự thiết-lập chức Thống-đốc và nha Kinh-lược đồng-thời lại phát-sinh nữa, sẽ là một bước giật lùi rất dài.

Xứ Bắc-kỳ sẽ phải thiệt thòi nhiều về cái bước giật lùi ấy lắm, chớ chẳng sai đâu.

Người bản-xứ thấy thế sẽ tưởng rằng Chánh-phủ Đại-pháp từ xưa đến nay vẫn lầm mãi ; mà thế lại như xui giục cho những kẻ phản-đối mà nhà-nước Bảo-hộ vẫn xét có ở trong một vài đẳng-cấp, xuất-đầu lộ-diện lần nữa mà mưu toan những sự làm càn.

Giật lùi như vậy thì người ta sẽ coi như là mình thú-thực rằng không đủ mãnh-lực để tiến-hành, như là mình phải thoái-vị, mà cái ảnh-hưởng ra đến khắp dân-gian, ra đến những người đã đem cả quyền-lợi lẫn vận-mạnh liên-lạc với ta, đã trở nên kẻ giúp việc thành-tâm kiệt-lực với ta, thì rất đáng phàn-nàn. « Một cái phương-pháp khai-hóa thuộc-địa hoàn-thiện thì không nên bao giờ lại làm quanh lại những điều đã phế-trừ đi rồi, không thế thì tất sẽ làm cho dân rối loạn, làm cho dân nguy-cụ, làm cho dân mất lòng tin cậy những kẻ đưa đường dẫn lối cho mình. » Đó là lời nói của ông Nghị-viên Archimbaud, (trong bài diễn-văn về việc xét sổ chi-thu các thuộc-địa năm 1921), ai cũng công-nhận là xác đáng, vậy xin mượn lời ấy mà dẫn vào đây.

Ta sẽ thấy lại phục lại cái thời-kỳ những người giúp việc cho ta phải chịu các sự ngược-đãi, rồi đến các công-cuộc cùng làm, ta bảo-hộ không có hiệu-lực nữa, cũng dần dần xa mãi ta ra. Những người nào ra ý phục-tòng với Bảo-hộ sẽ thành ra những người nghi-kỵ của Triều-đình, rồi phải chịu những sự ngược-đãi, phải ghép vào tội đồ mười năm, nói thế cũng không phải là nói vống đâu, mà điều ấy thực nên xét tới vậy.

Cứ xem như những việc đã xảy ra ở Huế trong ít năm gần đây, thì đủ chứng rõ rằng cái tình-tình của phần nhiều các quan trong Triều vẫn không đổi khác, và cái thế-lực của ta chỉ mới hơi lan đến một xứ có cái thói di-truyền hay làm ngăn-trở những sự tiến-hóa.

Những việc cải-lương vài năm vừa đây thi-hành ở Trung-kỳ, không phải đã thi-hành được mà không bị các quan trong Triều toan ngăn trở và từ chối không chịu thực-hành, viện lẽ rằng những việc cải-lương đó sẽ làm rối loạn trong xứ hay là chia rẽ quyền-chánh đâu.

Nhiều viên quan Đại-pháp, sợ phải sung-đột với cái tinh cố-thủ và phục-cựu của các quan trong Triều, thành ra cứ chịu đứng sau cái kiểu mẫu Bảo-hộ mà khoanh tay xưng-dương sự bảo-thủ những cái tập-quán cũ, những cái tục-thượng cùng những cái chế-độ quá-đáng.

Ấy cũng vì các viên quan ấy không có nghị-lực, không đủ tài giỏi để khiên-dẫn cho Chánh-phủ Nam-triều hoặc bằng lòng hoặc chịu theo những sự cải-lương vì cái thời-đại tiến-hóa, cái nhân-sự mở-mang xui nên phải có, cho nên xứ Trung-kỳ ngày nay là một xứ hậu-tiến nhất ở Đông-Pháp, cũng lại vì thế mà các quan trong Triều có lẽ vẫn chưa thôi không làm ngăn-trở cái cuộc tiến-hóa nó dìu-dắt các xứ khác ở trong cõi Đông-Pháp lên một bước đường tương-lai rực-rỡ.

Nói thế không phải là vô-bằng đâu ; cho được chứng rõ như thế, ai cũng đều tin được, thì chúng tôi lại xin giãi bày cái thái-độ của các quan tại Triều tỏ ra trong nhiều dịp

thực là kỳ-dị, và những sự thương-thuyết của quan Khâm-sứ phải dằng-dai mãi, như độ tháng bảy tây năm 1919, để thi-hành sự cải-lương việc học ở Trung-kỳ và để năm sau dựng ra một Nghị-viện Tư-vấn của người bản-xứ.

Dân Trung-kỳ có đại-biểu bầu lên ở bên quan Khâm-sứ, thực chỉ mới từ năm 1920. Quan quyền Toàn-quyền Monguilllot định đặt cho Trung-kỳ một Nghị-viện cũng như ở Bắc-kỳ, thì từ tháng chín tây năm 1919. Thế là quan Khâm-sứ phải thương-thuyết, phải hội-nghị mất sáu tháng trời mới khiến cho các quan tại Triều biểu-đồng-tình với điều khởi-nghị của nhà-nước Đại-pháp.

Khi M. Long lên làm Toàn-quyền Đông-Pháp, thì cái vấn-đề ấy mới quyết-định được. Bởi một cái tâm-tư rất là tinh-mật, quan Monguillot đã bàn giao lại cho quan Toàn-quyền Long cái việc tuyên-cáo và thi-hành tờ chỉ-dụ lập nghị-viện ấy; khi nghị-viện mới xuất-hiện thì dân gian đều tỏ lòng hoan-nghênh không thể che giấu được, điều đó nhân đây ta cũng nên nhận biết.

Trước kia, vào hồi năm 1919, phủ Toàn-quyền đã nhiều lần nghĩ đến sự tổ-chức cho dân Trung-kỳ có nghị-viện do dân tuyển-cử. Nhưng mỗi lần định như thế thì lại bị phải Chánh-phủ bản-xứ đỡ lời cho các quan trong Triều mà một mực không chịu, đều đồng-ý lấy cái chánh-thể quân-chủ ra làm cớ mà phân-giải tại sao không bằng lòng, nói rằng : một cái dân-hội nghị-viện, dù thế nào mặc lòng, cũng trái với đại-cương của vương-quyền mà nay nên bồi đắp vào chớ không nên làm tước-nhược đi.

Lời biện - luận ấy ra tự miệng những ông quan lớn bo-bo về quyền-vị của mình, chỉ lo sao giữ được trọn-vẹn mà cũng hợp ý với lời quan Đại-biểu của Đại-pháp giải bày. Lời biện-luận ấy chỉ rõ ra đôi bên đều có điều bất-như-ý. Nó lại tỏ ra rằng : một là các quan trong Triều bao giờ cũng hết sức ngăn chống lại với sự cưỡng-bách truyền-bá những ý-tưởng mới lạ, và những sự cải-lương có lợi cho dân, mà xem ra có thể làm hẹp bớt cái phạm-vi quyền-chánh của mình xưa kia phụng mạnh vua mà làm thì được chuyên-chủ, thì cũng trái mặt cho các quan ; hai là đối với sự cố-chấp của các quan mà muốn giữ khỏi lôi thôi sinh chuyện thì quan đại-biểu của Đại-pháp cũng muốn đành bỏ cái chánh-sách khai-hóa là hơn.

Nhân tiện đây, lại xin nhắc lại cái việc phản-đối về sự quan Sarraut định thay đổi ngạch thuế sưu ở Bắc-kỳ trong năm 1918 và 1919, khi ngài đương nhậm chức Toàn-quyền Đông-Pháp.

Chính quan Sarraut không giải-quyết xong cái vấn-đề ấy, rồi sau đến quan Monguillot và quan Khâm-sứ Trung-kỳ bấy giờ là quan Tissot mới làm xong được, song cũng không phải không có nhiều nỗi khó-khăn. »

(Còn nữa)

NGUYỄN-THƯỢNG-HUYỀN

Nghiên-cứu về tính-chất người Nhật-bản

III

Tính mô-phỏng

Tính mô-phỏng tức là cái tính hay bắt-chước. Tính mô-phỏng không dân-tộc nào là không có. Nếu không có tính mô-phỏng, quyết không tài nào phát-hiện ra sự văn-minh được.

Đời xưa, nước La-mã văn-minh, ấy cũng bởi tự học-thuật của nước Hy-lạp ; mà lâu nay các nước Âu Mỹ, sự văn-hóa đều phát-nguyên tự nước Hy-lạp và La-mã đời xưa.

Vậy mới biết tính mô-phỏng tức là sinh ra trí sáng-tạo. Nếu không mô-phỏng, chắc không sáng-tạo được. Cái ý-nghĩa sáng-tạo, chẳng qua tự mô-phỏng mà ra, rồi tùy-tiện thay đổi cho được mới thêm, mới có thể đem truyền-bá trong xã-hội được.

Song các dân-tộc trên thế-giới, phàm dân-tộc nào có biết mô-phỏng sự văn-minh của người khác bao nhiêu, rồi tự mình mới có trí sáng-tạo bấy nhiêu, và để người sau lại mô-phỏng những sự của mình đã sáng-tạo. Quyết không ai chỉ biết mô-phỏng của người, mà mình không có một chút gì sáng-tạo.

Cứ đem lịch-sử ra mà xét, thì dân-tộc nước Nhật-bản, về sự sinh-tồn, thời-đại nào cũng gặp một giống văn-minh ngoại-tộc có trình-độ cao hơn tiếp-xúc hòa lẫn với họ ; mà khen thay họ đã tiếp-xúc được cái văn-hóa của ai, thì họ mô-phỏng ngay, không ngập-ngừng một chút nào cả. Nhưng sau khi họ đã tiếp xúc được rồi, lại không biết dung-hóa mà sáng-tạo cho mới thêm đâu. Đến khi tiếp được cái văn-hóa khác mới hơn, thì họ lại bỏ những cái đã mô-phỏng trước. Bởi thế dân-tộc Nhật-bản không chiếm được cái vị-trí nào ở lịch-sử phát-minh trong thế-giới.

Nước Nhật-bản đời xưa, cơ-sở trong xã - hội chưa có sác - định, dần-dà gián - tiếp dân - tộc nước Tam-Hàn, đem văn-hóa của đời Chu, Tần nước Trung-quốc, lựa-chọn mà theo.

Về sau lại mời những học trò đời Hán, Ngụy bên Trung-quốc đến dạy ; sai quan lưu-học ở đời Tùy-Đường. Vậy nên bao nhiêu điển-chương văn-vật của Nhật-bản đời xưa, không có một tí gì là không mô-phỏng Trung-quốc : nào là văn-chương đời Hán, tôn-giáo học Phật, và lý-học của họ Trình họ Chu họ Lục họ Vương, xã-hội Nhật-bản đều bắt chước cả. Đến như dùng hán-văn làm sách, mượn lối chữ Hán mà đặt làm lối chữ « hòa-văn » của họ, đều do ở văn-tự Trung-quốc cả.

Này khi nào chúng ta đến nước Nhật-bản không cứ đi đến chùa chiền ở chỗ nào, trông thấy những kiểu mẫu xây dựng, cùng là đồ vật trần-thiết, hình như không phải xã-hội Nhật-bản chút nào, vì họ bắt chước Trung-quốc, mười phần giống đến tám chín phần. Ngay như nhà cửa các nhà thế-gia qui-phái, trừ ra họ có bắt chước lối Tây một ít, còn thì đều hệt như kiểu-mẫu Trung-quốc cả.

Còn như những cái chiêu-bài ở hiệu buôn, biển đề ở nha-môn, học-hiệu ; hay là số hiệu đường phố,

danh-thiếp của con trai, con gái và cách đề phong-bì ở ngoài bức thơ, đặt tên nhà ga xe lửa, vân vân. . . đều theo lối văn-tự của Trung-quốc cả.

Đến cuối đời phong-kiến (tức là bắt đầu vào lúc Minh-trị duy-tân). học-thuật Tây-dương tràn vào, sự văn-minh Trung-quốc, ngày một suy kém, bởi thế Nhật-bản lại xoay đổi phương-diện, hết sức mô-phỏng văn-minh của Tây-dương :

Kể từ đời Minh-trị duy-tân đến nay, chẳng qua hơn năm mươi năm, mà cái khi-tượng xã-hội Nhật-bản mười phần biến-đổi. Các khoa học-thuật kỹ-nghệ, đều học tự Tây-dương : nào là qui-chế hải-quân, lục-quân ; đường thông-hành như xe-hỏa, tầu-thủy, nhà trạm, giây điện-báo ; mở-mang nhà học, nhà thương, nhà băng, thảy đều bắt chước kiểu-mẫu Tây-dương cả. Cả đến con trai Nhật-bản cũng bắt chước mặc quần áo Tây, đội mũ cao, gặp bạn bè thì bắt tay chào, chớ không phải chào cúi rạp đầu như trước.

Các tiệm cà-phê ở các phố lớn nhỏ, những thức rượu trà và món ăn, đều bắt chước lối Tây. Nguyên người Nhật-bản vốn ưa thích những món ăn lối Tàu, nhưng hiện nay những món ăn lối Tây ở xã-hội Nhật-bản lại thông-dụng bội-phần hơn trước.

Lịch Nhật-bản khi xưa, dùng âm-lịch theo như Trung-quốc ; hiện nay cũng đã theo dương-lịch gần hết rồi.

Cái lệ cứ ngày chủ-nhật nghỉ làm việc, không những các nha-môn, các trường học tuân theo, cả đến những hiệu buôn thường, những xưởng thợ lớn đều đã thực-hành cả.

Đó, xem nước Nhật-bản tự lúc thoát-ly cái chế-độ phong-kiến, đến nay mới có mấy chục năm, thời-gian ngắn ngủi là thế, thế mà hay bắt chước cách-thức Tây-dương, đến bây giờ tấn tới không biết chừng nào. Vậy thì cái tài mô-phỏng của họ, thực cũng đáng kính đáng phục vậy.

Đại-phàm dân-tộc nào đã sáng-tạo được văn-minh, không kể cái văn-minh có sẵn ấy có thích-thời nữa hay không, nếu muốn bỏ mình theo người, cũng là khó lắm. Ví như có một nhà giầu, không cứ nhà ấy làm nghề gì, nếu có ai bảo nên thay đổi nghề khác, chắc hẳn nhà ấy không nghe. Người Trung-quốc cũng vậy, học văn-minh Tây-dương mà không được thực-hiệu, đại-khái cũng chỉ vì cái bệnh câu-nệ ấy mà thôi.

Người ta thường nói : nguyên Nhật-bản vốn không có học-thuật văn-minh gì, cho nên không cứ họ bắt chước dân-tộc nào, không ngập-ngừng gì cả. Xem như những phái thủ-cựu của họ trách phái Âu-hóa rằng : sao phút chốc nỡ bỏ cái văn-hóa đã vài nghìn năm ? Phái Âu-hóa đáp rằng : cái văn-hóa vài nghìn năm ấy, đều mô-phỏng của Trung-quốc cả, chứ Nhật-bản có được chútgì, bây giờ bỏ một nơi, học một nơi, sao mà không được. Thế cho nên Nhật-bản học cách giáo-dục của Tây-dương, mới hơn năm mươi năm mà bây giờ đã phổ-cập chóng như thế.

Đương đời Minh-trị, người chấp-chính trong nước Nhật-bản thấy nước Đức đánh được nước Pháp, ai cũng khen ngợi vô cùng, bao nhiêu vấn-đề quan-dân giáo-dục, họ đều bắt chước Đức cả. Quả-nhiên chưa được bao ngày, mà họ đã thành-công rất lớn. Lần thứ nhất đánh được nước Nga, lần thứ nhì

đánh được nhà Thanh, chiếm-cứ Đài-loan, thôn-tính Triều-tiên ; vừa rồi lại cướp Thanh-đảo và quần-đảo thuộc về nước Đức ở phía nam Thái-bình-dương ; cách cử-động của họ, chỉ cậy cái thiết-huyết liều lợn mà thôi, chứ không có công-lý chút nào cả. Hiện nay danh-tiếng nước Nhật-bản, đã vang lừng thế-giới, người thế-giới ai cũng coi nước Nhật-bản như nước Đức ở phương Đông, đó không phải là cái thời-kỳ người Nhật-bản thành-công rất lớn ư?

Nhưng mà, hiện nay Nhật-nhĩ-man đế-quốc ở Tây-Âu (*là nói nước Đức*) đã khuynh-phúc rồi, mà Nhật-nhĩ-man đế-quốc ở Đông-Á (*là nói Nhật-bản*) chưa biết tỉnh-ngộ, chắc cũng phải một phen thất-bại mới chịu cam-tâm.

Chúng ta thử xét cái thế-lực nước Đức ngày trước giầu-có là nhường nào : trước khi chưa có việc Âu-chiến, vốn nước Đức có ba trăm triệu mã-khắc ; năm 1914, những số chi hết ba triệu mã-khắc. Nước Đức giầu như thế, còn không đương được một trận đánh với Đồng-minh, vậy thì hơi sức Nhật-bản đã được bao nhiêu, ở năm 1921 số chi của nước Nhật-bản chẳng qua có năm mươi vạn đồng mà thôi. Cái thế-lực như thế, lại muốn tranh-hùng với thế-giới được sao ?

IV

Tính phản-nghịch

Dân-tộc Nhật-bản phải thụ-trị trong vòng đế-quốc chủ-nghĩa và phong-kiến chế-độ đã mấy ngàn năm, cho nên tư-tưởng « quốc-gia » rất là phát-đạt. Lại còn một phương-diện nữa, là vì dân-tộc Nhật-bản là dân-tộc bởi các giống khác hỗn-hợp mà ra, nên cái quan-niệm « dân-tộc » lại bạc-nhược lắm ; cả đến cái quan-niệm « tứ-hải đồng-bào » lại càng khuyết-bám nhiều. Họ nghĩ : trong trời đất trừ hai chữ « quốc-gia », chỉ biết có mình thôi.

Cái ý-vị « quốc-gia » ở thời-đại phong-kiến thì lấy vua Phiên làm chủ ; thời-đại đế-quyền thì lấy đức Thiên-hoàng làm chủ. Vua Phiên và đức Thiên-hoàng, cũng như người gia-trưởng trong một nhà ; mà nhân dân tức như con cái tôi tớ. Bởi thế người Nhật-bản thường nói : « cái đặc-điểm Nhật-bản quốc-gia, tức là cái chủ-nghĩa gia-tộc lớn vậy ».

Chủ thể trong nước, đã không ở dân, cho nên sự ái-quốc với sự trung-quân, hai đường cũng giống như một ; nghĩa là hễ ai biết trung-quân, tức là ái-quốc đó. Xem như tờ sắc của vua Minh-trị có nói : « Phải tôn-trọng điển-hiến nhà-nước, tuân theo phép-luật nhà-nước. Nếu có việc nguy-cấp gì, thì phải đem lòng nghĩa-dũng hết sức mà làm, để giúp ngôi vua được trường-thọ như trời đất. Thế thì không những là kẻ thần-dân trung-lương của trẫm, mà lại tỏ rạng cái di-phong của tổ-tiên chúng mày ».

Vì lẽ đó nên nhân-dân đối với nhà-nước, chỉ biết phục-tòng mà thôi. Cổ-nhân có nói : « Vua phải lo, bày tôi phải chết, bày tôi tất phải chết để báo vua. » câu nói đó, trong lịch-sự Nhật-bản thực chiếm số nhiều vậy. Thế cho nên người võ-sĩ muốn đem cái mũi dao thí-nghiệm trên đầu kẻ bình-dân, thì kẻ bình dân chỉ việc quì sẵn đợi giết mà thôi. Vì người võ-sĩ là của báu của nhà-nước, thế nào kẻ bình-dân cũng phải phục-tòng.

Đời xưa nước Nhật-bản, không cứ quan dân, nếu ai sợ chết mà

trốn-tránh, tất phải giáng xuống cái giai-cấp cuối cùng trong xã-hội, là một kẻ rất xấu, không phải loài người, không được ngang hàng với kẻ bình-dân nữa. Vì đã sợ chết, thì tức là cừu-địch với nghĩa trung-quân ái-quốc vậy.

Đến như con trai, con gái, tất phải theo mình cha, vợ tất phải theo mình chồng, so với chế-độ Trung-quốc, có lẽ lại nghiêm-khắc hơn. Bởi thế vợ đối với chồng, trừ cái chủ-nghĩa phục-tòng, không còn có nhân-cách gì nữa. Ngay như đời hiện-tại đây, sự giáo-dục của Nhật-bản cũng đã phổ-cập, thế mà cái tôn-chỉ về mặt dạy con gái, cũng chỉ có : « lúc trẻ sao cho ra người vợ hiền, lúc già sao cho ra người mẹ tốt » mà thôi.

Về thời-đại quân-chủ nước Tàu ai cũng có cái hi-vọng làm đế-vương, nên hễ trông thấy vị đế-vương, thì hình như có cái tư-tưởng muốn tranh mà làm.

Nước Nhật-bản thì tuyệt không thế ; tự xưa đến nay chưa từng thấy nói kẻ thần-dân chiếm cướp ngôi vua bao giờ, mà trong lịch-sử Nhật-bản cũng không thấy chép qua một chuyện nào thế, chỉ thấy chép đầy những chuyện kẻ thần-dân đem tinh-mệnh hi-sinh cho phái đế-vương mà thôi. Kìa, ta xem vài mươi châu xứ Đông-doanh (tức là nước cổ-phiên Nhật-bản), mấy ngàn dặm nước Tam-hàn, tỉnh Liêu-đông, phía bắc Mãn-châu, nước Tây-bá-lợi-á, đất Thanh-đảo và các đảo phía nam bể Thái-bình, phơi biết bao nhiêu xương trắng người dân-tộc Đại-hoà ! (tức Nhật-bản). Đó chính là cái kết-quả về sự chiến-tranh của bọn trung-quân ái-quốc Nhật-bản vậy.

Phàm người nào đã có cái tính-chất nô-lệ, phục-tòng, thì cái tinh-thần người ấy tất bao-tàng những thói ghen-ghét, hờn-dận và thâm-hiểm. Đối với giai-cấp bình-đẳng, thường hay khuynh-loát nhau, chẳng bài-bác tất là chiến-đấu. Thế mà đối với người có thế-lực hơn, thì lại rụt-rè, e sợ, không dám đối-kháng bao giờ.

Nhưng cũng có lúc củ-hợp nhiều người, mưu cùng làm loạn. Xem ở lịch-sử Nhật-bản đời trước, những việc ấy thường thường có luôn ; mà về việc phản-đối những kẻ phú-hào và quan tham, lại những, thì về đời Đức-xuyên lại càng nhiều lắm. Xem ngay như quyển sách « Lao-động-niên-giám » của ông Sơn-khẩu cô-kiếm thì biết :

1. Việc Mộc-nội-tôn-ngô. — Cuối đời Khánh-an (niên-hiệu vua Hậu-quang-minh Thiên-hoàng, giữa thế-kỷ thứ 16), nhân dân trong 380 thôn về hạt Hạ-tổng-tá-thương, vì lãnh-chủ (tức là Phiên-chủ) bắt đóng góp nặng nề quá, nên lũ Mộc-nội-tôn-ngô tố với Đức-xuyên Gia-khang Tướng-quân, Tướng-quân dận dân không biết kính, đem xử-tử người khiếu-tố ấy, và bắt tội cả vợ con ; rồi sau khiển-trách kẻ lãnh-chủ, bắt giảm tô-thuế.

2. Việc phản-loạn ở đời Chính-đức. — Đời Chính-đức nguyên-niên (niên-hiệu vua Trung-ngự-môn Thiên-hoàng, đầu thế kỷ thứ 18), nông-dân 27 thôn về hạt An-phòng-bắc-điều, nhân lãnh-chủ bắt đóng góp nặng quá, phải đi khiếu-tố, người thủ-lãnh trong bọn khiếu-tố ấy lại phải bắt giam, nên lũ dân nổi loạn. Sau phải trừng-phạt những kẻ biện-sự, và tịch-ký tài-sản của người lãnh-chủ, mới giải-quyết xong.

3. Việc phản-loạn đời Hanh-bảo. — Năm thứ 5 đời Hanh-bảo (cũng thuộc niên-hiệu vua Trung-ngự-môn Thiên-hoàng), phương đông-bắc mất mùa, nông-dân làm loạn. Năm thứ 18, bị hại sâu hoàng, người chết nhiều lắm, người tỉnh Giang-hộ biến-động, đại-đội dân đói kéo đến vây đánh nhà quan Truyền-binh-vệ, phá tan nhà cửa, đem quần áo và đồ khí-dụng ném cả xuống sông.

4. Việc phản-loạn đời Khoan-duyên. — Đời Khoan-duyên năm thứ 2 (niên-hiệu vua Hậu-đào-viên Thiên-hoàng, giữa thế-kỷ thứ 18), nông-dân khổ về ngược-chính, nổi loạn rất lớn, đánh cướp các nhà giầu, đốt đánh quan-nha, đến hai năm mới thôi.

5. Việc phản-loạn đời Bảo-lịch. — Trong năm Bảo-lịch (cũng niên-hiệu vua Hậu-đào-viên), nông-dân các nơi vì mất mùa đói kém mà nổi loạn, cũng đến hai năm mới bình.

6. Việc phản-loạn đời Minh-hòa và Thiên-minh. — Từ đời Minh-hòa đến Thiên-minh (Minh-hòa là niên-hiệu vua Hậu-đào-viên Thiên-hoàng, Thiên-minh là niên-hiệu vua Quang-cách Thiên-hoàng, cuối thế-kỷ thứ 18), cũng vì mất mùa đói khát mà dân nổi loạn, có việc Phi-thuyền và việc Tín-châu là trọng-đại hơn cả.

7. Việc phản-loạn ở Thượng-châu, Thượng-điền và Trường-cương. — Đời Thiên-minh, nông-dân về hạt Thượng-châu vì việc quyên thêm tơ bông, nổi lên làm loạn, cướp bóc thành-trì, rối loạn rất lớn. Về sau hạt Thượng-điền và Trường-cương cũng vì đói khát, nổi loạn như ong, đến nỗi Phiên-chủ phải mở kho phát-chẩn, mới được yên định.

8. Thảm trạng ở tỉnh Giang-hộ. — Lúc hạt Trường-cương nổi loạn, thì tỉnh Giang-hộ cũng đói khát lắm, người chết như rạ. Sau khi giặc cướp loạn lạc, lại xảy ra sự hỏa-tai rất lớn, cái thảm trạng ở địa-phương ấy thực là cổ-lai chưa có thế bao giờ.

9. Việc đánh giết lũ gian-thương. — Từ năm mất mùa về sau, các thức đắt-đỏ, lũ gian-thương nhân dịp, tích-trữ lương-thực hóa-vật rất nhiều, bởi thế sự sinh-hoạt càng thêm khốn-đốn. Những nạn-dân ở tỉnh Giang-hộ vì thế tức dận, nổi loạn ầm ầm, cướp phá các hiệu buôn của lũ gian-thương trong thành, bị sát hại đến một nửa ; của cải những nhà giầu, bị cướp lấy hết sạch.

10. Cả nước phản-loạn. — Hạt Phi-tiền, Trường-kỳ, Đại-bản và Thường-lục, giặc cướp như ong, lan khắp đến cả nước ; nhân-dân các xứ, trốn tránh không có đường nào, giầu, khó, sang, hèn, trong mười nhà thì chín nhà khốn-nạn ; chính-lịnh muốn thi-hành cũng không được ; dùng quân tiễu-phủ cũng không xong, thôi thì cả nước Nhật-bản bấy giờ thành ra có cái trạng-thái không có chính-phủ.

11. Việc phóng-hỏa ở đời Khoan-chính. — Đời Khoan-chính (niên-hiệu vua Quang-cách Thiên-hoàng) năm thứ 6, tháng giêng, đêm hôm 21, ở thôn Bát-thành xứ Lục-áo phát ra một cái giấy gọi là giấy « *hỏa đề chú-ý* », trong giấy nói rằng : « giờ dậu hôm 24, phải đến hội-họp ở trước làng Bát-thành, Bát-phan, ai đi cũng phải đem dao, búa, câu-liêm, nếu không ai đến thì phóng

hỏa đốt nhà v.v.....». Đến kỳ, những người đến hội có tới vài nghìn. Nghị rằng : « bao nhiêu kẻ phú-hào làm khổ nhân-dân, đều phóng hỏa đốt tiệt ». Hôm ấy đốt những nhà phú-hào đến hơn 80 nhà.

12. Việc phản-loạn ở đời Hanh-hòa. — Năm Hanh-hòa nguyên-niên (niên-hiệu vua Quang-cách Thiên-hoàng), nông-dân hạt Cao-điền khởi loạn, quan-binh đến trấn-áp, lại đánh nhau với quan-binh, mãi mãi mới dẹp yên được.

13. Việc phản-loạn ở đời Văn-hóa. — Năm Văn-hóa (cũng niên-hiệu vua Quang-cách Thiên-hoàng) thứ 11, dân làng Việt-hậu vì Phiên-chủ đánh thuế mới (như thuế thợ mộc, thuế cờ bạc, thuế cheo cưới), thì tức dận gây loạn. Sau lại nhân những kẻ buôn gạo làm cho dìm giá gạo phải ế, lại càng bạo-động hơn xưa, lan khắp rất lớn.

14. Việc phản-loạn của Đại-diêm. — Năm Thiên-bảo (niên-hiệu vua Nhân-hiếu Thiên-hoàng, đầu thế-kỷ thứ 19) lụt lội, mất mùa, cả nước đói khát. Có người hảo-hớn ở hạt Đại-bản, tên là Đại-diêm-bình bát-lang, dận những kẻ phú-hào tích gạo để dành, không cứu dân đói, lập tức đem quân đến đánh, cứu được vài vạn nông-dân, đốt phá những nhà hào-phú ; trong thành Đại-bản, nhiều chỗ hóa ro. Về sau, Đại-diêm thất - bại, những nông - dân nhiều người muốn nối chí. Năm Thiên-bảo thứ 8, những dân nghèo ở Việt-hậu và Bách-kỳ mở cờ làm loạn, đánh cướp xưởng gạo, cướp nhà hào-phú, thiêu đánh quan-nha, rồi loạn đến vài năm mới định.

15. Việc phản-loạn ở hạt Giang-châu. — Năm Thiên-bảo thứ 12, nông-dân ở hạt Giang-châu, dận những quan tham, lại nhũng, bạo-ngược nhân-dân, (như việc mượn tiếng đạc-điền, bắt nông-dân đóng tiền), tức khắc rủ nhau khởi-loạn, bao nhiêu kẻ quan lại ăn tiền của dân đều phải trốn tránh đi đêm mới được khỏi chết. Các địa-phương ấy, đốt giết tàn phá, mãi mãi không thôi.

Mười lăm việc vừa thuật trên này, đều là dân chúng phản-kháng những kẻ phú-hào và quan-lại cả. Vì bấy giờ vua Thiên - hoàng không có quyền - binh chi, bao nhiêu việc ngược-chính hại-dân, đều bởi những tay Tướng-quân, Phiên-chủ, quan-lại, phú - hào làm ra, vua Thiên-hoàng không có quan-hệ gì cả.

Đến lúc Minh-trị duy-tân, bỏ phong - kiến đặt làm phủ huyện, chính-trị ngày một mở-mang, địa-phương ngày một bình - tĩnh, dân gian chỉ việc làm ăn yên-ổn, không có sự gì.

Không ngờ đến cuối đời Minh-trị, cái đảng đại-nghịch lại khởi lên làm loạn. Trong bốn mươi năm đời vua Minh-trị, phát sinh những việc sau này :

1. — Lũ người Hạnh-đức thu-thủy và Đại-sam vinh xướng lên chủ-nghĩa phản-đối, bị quan Cảnh-sát cấm-chỉ, lũ ấy trèo lên nóc nhà, ngảnh mặt ra đường diễn-thuyết với những người qua lại. Lúc bấy giờ gọi là « việc khởi loạn trên nóc nhà».

2. — Lũ Hạnh-đức, Đại-sam kéo ngọn cờ đỏ, trong lá cờ viết mấy chữ lớn rằng : « *Suy đảo ma-vương, xã-hội cách-mạnh, thực hành công-sản* », nghĩa là nói : đình đánh đổ chính-thể quân-chủ, diễn ra cuộc xã-hội cách-mạnh, thực-hành cái chính-sách của cải giầu ng.èo đều nhau ; ngày nào cũng vác cờ ấy kéo nhau lũ lượt đi lại các phố lớn ở Đông-kinh. Bấy giờ gọi là loạn « cờ đỏ ».

3. — Về sau lũ Hạnh-đức phản-đối nhà vua, lại làm những sự hành-động nguy-hiểm, nhưng nửa đường phát giác, lũ Hạnh-đức và nhiều người đồng mưu đều bị giết cả. Bấy giờ gọi là việc « đại-nghịch bất đạo ».

Từ khi bắt đầu vào đời Đại-chính (tức là vua Thiên-hoàng bây giờ), tuy rằng kỷ-cương pháp-luật của Chính-phủ, ngày càng nghiêm-nhặt, thế mà cái đảng hoạt-động trong xã-hội, kẻ trước thất-bại, kẻ sau lại khởi lên ; vì thế nhân-dân nhiễm phải cái ảnh-hưởng của đảng ấy, sinh ra tư-tưởng hằn ghét quan-lại, và những nhà có tư-bản, càng ngày càng thấm thía mãi. Cái việc bạo-phát rất lớn, tức là cái vấn-đề «gạo» về năm 1918.

Cái nguyên-nhân phát ra sự loạn này, là vì mất mùa gạo kém, những nhà giầu thường cứ tích gạo lại để bán giá cao. Thứ loạn lớn này, sắp thành ra cuộc cách-mạnh, cứ xem quyển sách « *Tinh-thần vận-động xã-hội vận-động* » của ông Hạ-xuyên-phong-nghiện, thì cái phạm-vi sự phản-loạn bấy giờ, lan khắp đến ba phủ và hơn ba mươi huyện, khởi sự ngày mồng ba tháng 8, đến 17 tháng 9, trước sau hơn 40 ngày. Mà trong bấy nhiêu ngày nổi loạn, lúc thì đánh cướp xưởng gạo ; lúc thì đánh giết kẻ dan-thương ; bách-hiếp các chỗ quan-nha, đốt phá các nhà hào phú, và hủy–hoại những công-ti ngân-hàng ; dầu có hải-quân, lục-quân, cũng không tài nào trấn-áp được. Mỗi ngày bọn loạn-dân tụ-tập ở các chỗ, ít cũng vài trăm người. nhiều thì vài nghìn người, lại như ngày 12, 13 tháng 8, những loạn-dân khiếu-tụ ở Đông-kinh, Đại-bản, Ái-tri, Bình-khố, Cương-sơn và Ca-sơn các chỗ, có tới vài vạn người ; chóng thì tụ họp vài giờ, lâu thì từ sớm đến tối, có khi lại suốt đêm không thôi, những tiếng kêu gọi hò reo, rất là huyên-náo. Cái tình-hình lúc ấy, dẫu có phép vua luật nước nghiêm-nhặt đến đâu, chúng cũng không quản ngại gì cả.

Đến sau khi loạn ấy đã yên, Chính-phủ Nhật-bản bắt tội những người khởi loạn có tới 40.619 người.

Trừ khi cuộc cách-mịnh ở nước Nga đã thành cái phong-trào « quá-khích », lan khắp toàn-cầu, bởi thế mà dân - chúng Nhật - bản nhiều người cảm-nhiễm. Đảng lao-động và đảng xã-hội đều xướng lên cuộc vận-động về cái chủ-nghĩa xã-hội.

Về phần đảng xã-hội thì không cứ phái « sắc đỏ » hay phái « sắc đen», đều thi nhau truyền-bá cái chủ-nghĩa của đồng-minh.

Về phần đảng lao-động, đều kết hợp đoàn-thể, vận-động tranh-cạnh về cái giai-cấp của mình.

Cứ những chuyện người ta đã mắt thấy tai nghe, trong hai ba năm gần đây, dân Nhật-bản đã sinh hàng trăm hàng chục cái đoàn-thể « sắc đen » « sắc đỏ ».

Sắc đỏ là sắc cờ đỏ của phái quá-kích ; sắc đen là sắc cờ đen của phái đại - nghịch không có chủ-nghĩa gì. Trong những phái ấy, không cứ bực tri-thức hay là hạng lao-động, phàm cứ động các việc như mở hội diễn-thuyết, hoặc là đình-công, đều có cái ý-khí phản-bạn cả ; như ngày tháng chạp năm trước, đã lập thành cái đoàn-thể lớn là « xã-hội chủ-nghĩa đồng-minh » ; và ngày tháng năm năm ngoái, lập cái đoàn-thể « lao-động » ; cùng là việc đình-công ở mỏ đồng Túc-vĩ và đảng làm công sở đóng tầu ở Thần-hộ, chiếm cứ xưởng thợ không lần nào không đánh nhau dữ dội với quân cảnh–binh. Xem thế thì biết cái tinh-thần bạn nghịch của dân-tộc Nhật-bản cũng dủ hiển-hiện ra vậy.

QUẢN-CHI

Thần-kinh thắng-cảnh

Bài ký chơi chùa Thúy-vân và làng Mỹ-lợi

Cuối mùa đông, đang tiết gió mưa lạnh lẽo, ai mà có cái hứng đi chơi chùa Túy-Vân là một cảnh chùa làm trên hải-đảo bao giờ. Nghĩ mình thiệt là cuồng! Nhưng, dầu gió mưa lạnh lẽo, gặp lúc thừa hứng thời đi, chẳng hơn rằng để đến lúc hứng tận mà trở lui thời vô-ích! Dầu có khi cảnh-vật ở ngoài như gấm-thêu như là-dệt, giữa chốn đô-hội phiền ba mà không thừa hứng, thời một bước cũng không muốn ra khỏi ngõ thời sao? Như thế thời tự mình nghĩ cũng chưa phải là cuồng vậy.

Nhân có việc riêng được ba ngày nghỉ, liền xếp đặt mọi việc dâu đó cho xong, để dư ra đôi chút thời giờ hưu-hạ mà đi chơi cho thỏa dạ ước-ao.

Thường nghe bên kia đầm Câu-hai có làng Mỹ-lợi là nơi dân-cư phong-phú, nghề lập vườn trồng cau, trầu, dừa, quít, thuốc-lá vân vân... rất nhiều, kể về địa - lợi thời vào bậc nhứt tỉnh Thừa-Thiên. Gần đó độ năm sáu dặm có núi Túy-Vân, trên núi có chùa, là chùa Thánh-duyên, cảnh sắc cũng sinh, đã được Ngự-tứ sắc-danh là « Thần-Kinh đệ cửu thắng-cảnh ».

Vậy muốn đi chơi Túy-Vân thời tiện đường ghé lại chơi làng Mỹ-lợi rồi sẽ lên Túy-Vân, tưởng đã chẳng bỏ phí thời giờ vậy,

Ngày 22 tháng chạp năm Khải-Định thứ bảy, cùng với một đứa cháu trai; hồi 5 giờ chiều ra bến chợ Câu-hai xuống thuyền qua làng Mỹ-lợi, ngủ lại đó một đêm, qua ngày mai lên bộ lưu-lãm trong làng Mỹ-lợi. Đến 9 giờ xuống thuyền lên chơi Túy-Vân, đến 2 giờ thẳng lèo về Câu-hai vừa kịp chuyến xe chiều lên Huế.

Chiều hôm ấy chú cháu ra đến bến vừa gặp lúc thuyền nhổ sào, bèn ra trước cột buồm ngồi. — Gió riu riu thổi, thuyền từ từ đi, đoái nhìn lại dãy núi Câu-hai mới biết là đẹp. Rứa mà sưa nay ta đi qua đất Câu-hai mấy trăm lần, ở đất Câu-hai hàng mấy tháng, mà vẫn chưa rõ hình-thế núi Câu-hai, nay được ra giữa phá (1) mênh-mông thời mới thâu được vào trong nhãn giới, mới biết hình-thể núi ấy hùng-tráng là dường nào! Trùng điệp đến 5, 6 lớp, ngoài thời thấp, càng vào trong thời núi càng cao, đọt núi muốn chấm trời, hai bên tả hữu bỏ ra hai cuội, càng ra xa lại càng thấp, phía Bắc ra đến đèo Mủi-né, phía Nam đến đèo Phước-tượng. Thế núi như hai cánh tay vòng, hùng tráng dị thường! Hình như uy trấn cho cả huyện Phú-Lộc, hùng-cứ cả đầm Câu-hai. Khi thuyền đi ra hình như dang hai cánh tay bảo hộ sự bình-yên cho ta. Khi đi về hình như có tình trông đợi, dang hai tay mà đón ta về.

Quá 6 giờ, sương-sa mù-mịt, gió bấc thổi lạnh như băng rưới, và thuyền cũng đã vào lạch rồi, không còn cảnh vật gì mà thưởng ngoạn nữa, bèn vào thuyền nằm. Lúc đó chỉ nghe thuyền lúc-lắc, mái chèo xao-xát, giọng hát nỉ-non, là biết thuyền đi, ngoại giả không còn biết gì nữa.

Ký-giả không mấy khi được hưu-hạ, nay được thong-thả mới chưa

(1) Phá tức là đầm gần liền với biển

quá nửa ngày, mà nghe trong mình khoan-khoái lắm, bèn nằm xuống nhắm mắt mà tưởng-tượng ngay hai bức tranh ám-tả: một là chùa Túy-Vân, hai là làng Mỹ-lợi. Hai cảnh ấy sẽ có lắm vẻ diệu-tuyệt thanh-kỳ!

Sẽ sẽ tiếng con đò hát theo giọng mái-nhì. (1) êm-ái như ai ru, khi lên bổng, lúc xuống trầm, chắp nối vắn dài, thỉnh-thoảng điểm-chuyết thêm tiếng vặn mái chèo như hát có dịp, như đàn có phách vậy. Khiến lòng du-tử bát-ngát nghĩ đến đâu đâu.

Trong khi hát, ký-giả có nghe được một câu, mà hồi-tưởng lại một đoạn lịch-sử rỏng dài về mấy đời trước: hát rằng: « Hỡi người công-đức ngày xưa, ơn người còn tạc, nắng mưa dễ sờn ».

Cảm-động thay! Nhân câu hát mà nghĩ đến nỗi xa xuôi rằng: « Đầm này có cửa thông ra bể. Ngày xưa lối thủy-đạo của ta ở Kinh-đô muốn đi đâu cũng phải do cửa này mà ra bể. — Cửa ấy xưa gọi là Ô-Long-tấn ».

Tiền-triều có bà Công-chúa gả cho nước lân-bang cũng đưa ra cửa bể này, về sau vua nhớ đến dung-nhan Công-chúa, bèn đặt tên cửa bể là Tư-dung. Đến bản triều, có ông Đào-duy-Từ lưu-lạc đến, đâu cũng vào đất nầy, sau gặp người tiến - cử lên làm quan đến bậc công-thần, có sự-nghiệp rực-rỡ. Khi ông ấy thác, vua thương-tiếc, bèn đổi tên cửa Tư-dung làm cửa Tư-Khách. Đến đời Trung-hưng đức Cao-Hoàng nhứt thống chi hậu, Ngài nhớ đến các tôi hiền đã giúp Ngài nên công-nghiệp, mà phải bỏ mình, bèn lại đổi tên Tư-Khách làm Tư-hiền, đến nay cũng vẫn còn gọi là cửa Tư-Hiền vậy ».

Ôi, một cái cửa bể mà có duyên-do với lịch-sử, có cảm-tình với đời người, cũng ít có thay! Đến nay trải mấy phen biến đổi, năm thời bị lấp, năm thời cạn, cho nên chuyện vẫn ấy cũng tùy thời theo cửa bể ấy mà vùi lấp dần đi. Nhưng dầu cửa bể hầu lấp, chuyện vẫn hầu mòn, mà cái đức kẻ hiền-tài vẫn còn trơ trơ ở miệng.

« Nghìn năm bia đá thì mòn, nghìn năm bia miệng hãy còn trơ trơ »! thực là có vậy.

Thuyền đã vào đập, mở bửng ra xem trời đã tối mịt, nhưng nhờ có ánh nước sáng cũng phân biệt được nơi ruộng nơi làng.

Lòng sông sao điểm xương mù-mịt,
Về mực làng xa nét đậm-đà.

Độ 8 giờ thuyền đến bến, bèn lên bộ vào làng đi thăm mấy nhà quen. Trong khi đêm tối, sự chiêm-nghiệm thổ-địa, nhân-vật hãy để lại ngày mai, chỉ có vài điều tôi lấy làm lạ xin viết ra đây; một là khi vào chơi một chốn thôn quê nào, mà nhứt là đi đến những làng có vườn tốt, vào tiết đông-thiên nầy, thời đường xá bùn-lấm bần-thỉu, có nhiều nơi không thể sao đi được; huống chi tôi là một người khách lạ, mới để vết giầy vào đất nầy là lần đầu, thời tránh sao cho khỏi những câu ta-thán thường tình. Rứa mà không, đường đi tuy hẹp nhỏ, mà từ từ đầu làng đến cuối làng, đi vào những nơi hóc-hiểm, mũi giầy không hề vấy một giọt nước một vết bùn nào, mà lại sạch sẽ lắm, không có những mùi ô-uế súc-vật như các nơi khác. — Hai là, hai bên đường đi là cây cối trong vườn tốt như rừng, dáng lẽ thời dưới đất bóng tối đen mò,

(1) Người chèo đò dùng lối hát này để chèo-đò; giọng véo-von chắp nối, đêm khuya nghe hay lắm.

huống chi trong khi đêm đông, không trăng không đèn, thời còn thấy gì mà đi nữa. Thế mà đi được bình-yên như đi trên đường cái, mà lại có thú vị hơn.

Hai cớ ấy là bởi làng ấy toàn đất cát cả, dân trong làng khéo đào ao xẻ rãnh thông nhau, nước có chỗ thoát ra được, cho nên khi đi trên đường gặp không biết bao nhiêu là cầu nữa, có khi trong một khoảng đường độ 3, 4 mươi bước mà gặp đến 6, 7 cái cầu. Một cớ nữa là nhờ cát trắng ấy, dầu đêm tối, lại dưới bóng cây im, nhưng cát trắng ấy phóng ra một thứ ánh sáng tự-nhiên tờ-mờ, khiến cho người đi phân biệt được nơi thấp nơi cao, khỏi sỉa khỏi té. Trong làng tịch mịch lắm, xem ra nhà nào cũng còn đèn thắp người thức, mà ngoài đường đi không hề gặp một người, nếu muốn hỏi thăm một việc gì thiệt là khó lòng. Còn nhớ khi đến cửa một nhà kia, hỏi thăm đường ra chợ. Hỏi đã 5, 6 lần, trong nhà vẫn thời nghe tiếng mà không đáp, sau hỏi mãi mới có một người đáp rằng : « Muốn hỏi chi, mai hãy hỏi » Một câu đáp lãnh-đạm thay ! Chỉ một câu ấy mà thôi, về sau hỏi gì cũng không nói nữa. Có lẽ đường lối trong làng họ khúc-chiết nhiều nơi, không thể chỉ mách được, cho nên họ không chỉ cho chăng ? Nhưng dầu vì những lẽ ấy mặc lòng, sao họ nỡ dãi người lạc đường trong khi đêm tối bằng một câu lạt-lẽo đường ấy ? Lại nhớ đến khi ra bến chợ, vào hỏi thăm nhà người quen trong một nhà lạ kia. Người chủ nhà đã toan đi ngủ, song chẳng những lấy lời minh-bạch mà chỉ bảo cho tôi mà lại còn sợ tôi lầm nhà, bèn đứng dậy đưa tôi tới tận nhà, đánh thức trong nhà dậy mà giới-thiệu cho tôi. Tôi cảm tạ không xiết, mà tôi lại cảm-động nhứt là khi người hảo tâm với tôi đó đẩy cửa đi ra, thời tôi trông rõ là một người có tật ở chân, hai chân so-le bước thấp bước cao, xem ra gian-sáp lắm. Sách địa-dư có dạy : « Người ở gần nước thời tính vui vẻ, hay hoạt-bát lưu-thông. — Người ở gần núi gần rừng, thời tính câu-nệ cố-thủ, gắt - gỏng mà không lưu-thông »,

Nay tôi gặp một người ở giữa làng dãi tôi một cách lạt-lẽo dường ấy, mà người ở gần bến đò lại đãi tôi cách mặn-mà dường kia. Như vậy thời lời sách dạy không sai, duy chỉ việc lớn nhỏ khác nhau đó mà thôi.

Đêm đã khuya vừa lạnh vừa buồn, văng vẳng chỉ nghe có tiếng hát ru-con hoặc xay-đậu, tỉ-tê trong vườn rộng nhà xa. Hai bên đường thời cây mọc như rừng, hai chú cháu theo ánh cát sáng tờ-mờ, mà bước chân lên trên đường cát trắng, nghe phập-phềnh như bước lên trên vải trên bông-nệm vậy, nếu muốn hiếu-kỳ mà bảo rằng bước lên cung-trăng, hay là trên mây cũng chưa phải là ngoa. Cần gì những đêm hội-hỷ yến-ẩm, đèn điện thắp dày như sao ngân-hà, mới gọi là : « bất-dạ chi-thành », nhưng thử xem cái ánh sáng tự-nhiên của cát trắng ở làng Mỹ-lợi này, mà xưng rằng : « bất-dạ chi-lương » cũng chẳng là lạm xưng vậy.

Đêm đã hầu quá nửa, chú cháu trở về thuyền ngủ. Rạng ngày mai thức dậy, nhìn vào làng ấy thời chỉ thấy một cái rừng cây xanh nghịt còn đang phong kín trong đám yên-lam, xem như nàng Thanh - nữ quàng cái sương cầu khi giấc xuân bảng tỉnh vậy.

Chúng tôi đợi sương tan, bóng dương-quang có khi ấm rồi mới lên đi lịch-lãm trong làng.

Làng Mỹ-lợi ở vào một chuỗi đất dài, bên này thời là đầm Câu-hai, bên kia là bể đông. Giữa làng có một cái cồn-cát dài, hai bên cồn ấy tức là làng Mỹ-lợi ở ra hai dãy dài. Trên cồn ấy là nơi trồng thuốc lá rất nhiều, còn dưới làng thời đất bằng thẳng, toàn là cát trắng cả. Người ta lấy rong-rêu ngoài bể về bón đất cho nên đất tốt lắm, trong đất lại có nhiều mạch-nước nổi, xẻ một cái rãnh độ lút lống chân, đã thấy nước rỉ, cho nên vườn nào cũng có giếng nước tốt lắm, có vườn đào đến hai ba cái giếng, giếng đào không sâu, cái nào cũng độ lút đòn gánh, bề rộng chỉ độ một thước tây, xây bằng gạch, hoặc bằng vôi xi-măng tử-tế lắm. Người ta lại khéo đào ao đào rãnh trong vườn, cho nước thông ra ao lớn rồi lại truyền đi nơi khác, cho nên không có nơi nào nước ứ, mà khe rãnh nào cũng có nước chảy trong-sạch luôn. Có mấy xóm ở về phía trên làng, thường ao rãnh thông với nước bể, đến mỗi khi thủy-triều lên xuống, thường có cá, tôm, cua, rạm vào cả trong ao vườn. Đất ấy trồng cau, trầu, quít, mía, dừa, chuối, thơm, mít v.v... đều tốt cả, mà nhiều nhứt là cau và trầu, vườn nào cũng toàn là cau cả, mỗi gốc cau đều có một bụi trầu ; có nhiều buồng-cau trái bằng quả cam tàu, có câu : « mỏng-vỏ, nhỏ-xơ, tơ-lòng, trong-ruột », là một câu ca kể tính-chất trái cau ngon, mà cau làng Mỹ-lợi đều có đủ tính-chất ấy. Số cau, nếu đốn tất cả ở trong làng tưởng làm được một dịp-cầu bắc qua đầm Câu-hai.

Có việc nầy chứng cho làng nầy, cau trầu nhiều nhứt : năm trước làng góp tiền các chủ có vườn, hễ ai có một cây cau thời góp một đồng ăn sáu, một bụi trầu thời góp một đồng ăn ba, khi góp xong đem ra làm rạp, gọi bạn hát-bội về hát ba ngày đêm, lại vật bò, heo, rượu, thịt, say sưa trong ba ngày mà tiền góp ấy vừa đủ. Như vậy thời số cau, trầu nhiều biết là bao nhiêu ! — Quít thời cũng nhiều lắm, chẳng kém gì quít Hương-cần là xứ sản quít ở Thừa-Thiên. — Mía thời trong vườn nào cũng có đôi ba hàng, cũng có nơi trồng nhiều, nhưng phần nhiều là trồng mía-voi, to cây lắm, có vị ngọt ngon, không phải như mía voi các nơi, ăn thời chua mà cứng. — Dừa thời không được nhiều như làng Mỹ-Am, dừa trồng thành mẫu cũng ở gần đó, mà lác-đác vườn nào cũng có độ năm mười cây lên xuống, vừa đủ ăn chơi quà cáp, chớ không chú ý để trồng mà bán. Còn các thứ chuối, cam, thơm mít, v.v. thời cũng sàng sàng như các nơi.

Cách lập vườn giản-tiện lắm, không như vườn các nơi ; bốn phía vườn trồng cây kin mít, đào ao, làm rào cẩn-thận, mà đây họ chỉ đào một cái rãnh con, hoặc trồng một hàng chè tàu, một hàng thơm, hay một hàng hoa-bụt là đủ làm giới-hạn ; Chung quanh vườn là đường đi thông trong làng. Có nhiều nơi cau, dừa trồng ra cả ngoài đường đi, trái đủ xuống chấm đầu người. Tôi nghĩ rằng : sao họ không sợ kẻ gian, nếu như các nơi khác mà cách rào giậu đơn sơ như vậy, thời chẳng những chúng hái trộm hoa quả mà thôi, e chúng lại bới trộm đến cả gốc, nhưng không, vì lệ trong làng nghiêm lắm ! Hễ ai có lòng tham hái trộm một ngọn trầu, sẽ phải phạt đến heo, xôi.

Cách nhà cửa họ ở thanh-cảnh sạch sẽ lắm, thiệt là hợp với cách vệ-sinh, trừ ra chỉ có mấy nhà buôn

bán ở gần chợ, thời không được sạch, ít có nhà ngói, nhà to, săng gỗ chạm-trổ gì, mà cũng không có những lều, những túp, những nhà thiếu trước hụt sau, như các làng khác, xem ra nhà nào cũng có vẻ tĩnh-mịch phong-lưu cả. Tôi còn nhớ trong khi đêm khuya có nghe mấy câu hát như vầy, đủ biết là họ nhờ nghề lập vườn mà phong-lưu : « Một đôi sào-thổ đủ rồi, khuyên anh chớ bắt chước người xa phương ».

Xa-phương nghĩa là kẻ đi buôn. Năm ba sào-vườn vừa đủ ăn tiêu quanh năm, không cần gì phải đi buôn bán đâu xa nữa. — Lại có câu rằng : « Em ơi, bụi quít đỏ hồng, bán đi sắm lễ cưới chồng cũng xuê. » Câu ấy có ý nói rằng : một vài bụi quít cũng đủ làm vốn để khi ra lấy chồng.

Cách đường xá cũng là nhỏ hẹp, vì trâu bò nuôi có chỗ, đi đứng có lối riêng ; cho nên đường xá trong làng chỉ đắp nhỏ vừa một vài người đi. Mỗi buổi sáng người trong nhà vác cái cuốc rất dài cán ra vét cát dưới ao lên để chữa lại những chỗ sứt-xuể hôm qua, cho nên dầu rằng con đường đi chẳng qua cũng là một vồng cát vun lên, có chắc-chắn bền chắt gì, chơn người dẫm lên độ trong mươi ngày thời đường phải biến mất, tuy vậy mà có thói quen, mỗi ngày mỗi chữa mỗi đắp, thời con đường có yếu nhỏ, song bao giờ cũng vẫn còn, vẫn ngay thẳng tử-tế, chẳng hơn như các làng, ta thường làm gì lúc đầu thiệt là kiên-cố, mà về sau hoang-phế đời đời, thời dẫu có kiên-cố mà bỏ-hoang cũng phải thua cái yếu đuối mà thường được chăm nom kia vậy.

Nhân-vật xem ra thuần-nhã lễ-nghi, không có những hạng người áo ba-ba, quần đen, guốc ngập-nghệu, người nào đi ra cũng là khăn áo tử-tế. Nghe người ta nói lúc trước có ông thủ-chỉ trong làng tính nghiêm-khắc, đè nén bạn con em lắm. Nay có ông thủ-chỉ khác tính lại hay khoan-dung, mà dân được rả cái vòng lao-lung kiềm-chế ấy. Tuy vậy song cũng nhờ tính nghiêm-khắc của ông thủ-chỉ trước mà dân trong làng cách phục-sức cách nói-năng không có lố-lăng ngạo-ngược như các làng khác. Đàn ông thời chăm nghề lập vườn, trồng thuốc, đàn bà thời làm nghề nuôi tằm, hoặc là dệt vải dệt lụa, đều là việc nhẹ mà đủ ăn tiêu thanh-nhàn, không phải lam lũ. Chỉ có một xóm ở gần chợ hay đi buôn xa mà thôi. Đàn ông, đàn bà, trẻ con xem như không mấy người được chắc-chắn mạnh-mẽ có lẽ đó một là bởi cớ họ ở nhà vườn cả ngày, ở trong bóng cây im mát, có bao nhiêu sanh khí trong không-khí thời cây cối đã hút hết cả, cho nên đã hết sanh khí thời người cũng bởi đó mà kém sức lực đi vậy. Hai là trong đất nhiều mạch nước, cây trái dầu tốt, nhưng không có nhiều chất bổ chất béo, cho nên người cũng bẩm-thụ không được nhiều chất bổ chất béo mà kém sức khỏe đi. Thức ăn một miếng trầu thời biết, mình thấy trái cau to bằng trái cam tàu, khi bửa ra thấy thiệt là ngon, nhai vừa miệng thiệt là mềm, mà chỉ trong một chút thời miếng cau đã hóa ra một cái bã nhỏ lạt-lẽo không có khí-vị gì nữa, bởi trong trái cau toàn là chất nước mà kết thành.

Tôi mới đi đến làng Mỹ-lợi có một lần, mà lại đi qua chỗ này chỗ nọ ; trước sau chỉ độ vài ba giờ thời đã rõ đâu được thổ-địa nhân-vật phong-tục mà dám nghị-luận, nhưng có phải nghị-luận gì đâu, chẳng qua chỉ viết ra một đôi cảnh-vật đã trông thấy mà thôi.

Khi đến thăm nhà ông Ng. . . . và ông T. . . . Ng. . . . với tôi cũng là trong vòng tộc-thuộc. Tuy cả đời chưa biết mặt biết tên, mà nay gặp nhau trong mấy phút đồng-hồ cũng hóa ra tình thân-mật. Khi đến nhà ông T. . . Ng. . . thời ông đi vắng chỉ có bà vợ ở nhà. Bà tuy người nhà quê mà cách tiếp khách lạ đến nhà thiệt là vui vẻ thành-thực. Người hàng phố dễ đã được mấy người. Bà thấy chúng tôi khát nước ra vườn hái mấy quả cam-sành đã chín trên cây đem vào mời, rồi lại gọi trẻ ra vườn hái dừa. hái hơn hai chục trái. Cách đếm dừa rơi xuống thiệt là tài, trong khi đứa này hái cây này đứa kia hái cây nọ, bà chủ nhà vừa chỉ thị vừa tiếp chuyện mới khách, mà đến lúc hái xong, thì những trái nào rơi chỗ nào, đều nhớ mà chỉ cho lượm, không sót trái nào cả. Họ quen cho đến nỗi chỉ nghe tiếng trái dừa rơi xuống đất, đã đoán được trái dừa ấy vừa nạo non, hay già, đến cách chặt dừa nạo dừa cũng linh lợi lắm. Bà chủ bèn chặt ra trái nạo ra làm năm bát, để mời chúng tôi. Tôi lấy lẽ sớm mai bụng không, vả trời lạnh ăn dừa sợ không được yên lòng. Bà chủ cười mà giải ngay cho chúng tôi biết rằng : « Càng buổi mai bụng không, càng trời lạnh lẽo, ăn được một bát dừa nạo buổi mai mới thức dậy, lại càng khỏe hơn là mùa nắng mà ăn dừa buổi chưa ; ăn như vậy thời bao nhiêu khí uất nhiệt trong mình đều tiêu-tán cả ». Tôi tưởng đó là một câu nói tốt để khiến cho khách khỏi chối từ. Tôi không dám khước, bèn thử ăn một thìa, không ngờ rằng hết thìa này lại đến thìa khác, hết bát này lại muốn bát nữa ; ăn mỗi thìa nghe mát lạ, dường đứa cháu tôi ăn đến ba bát mà chưa chán. Cả ngày hôm ấy nghe trong cân-tràng thư thái bình yên. Đi lên đi xuống không thấy mệt. Bà chủ lại tặng tôi 48 trái dừa, 3 trái cam để gọi là chút vật thổ-sản.

Khi ra về theo con đường khuất-khúc trong làng, nơi đều có cảnh-vật ưa nhìn cả, chốc chốc lại qua một cái cầu, dưới có dòng nước chảy trong veo, luồn mình qua dưới bóng cam bóng dừa, hoặc là bụi chuối hay là hàng trúc, không lối nào là lối đất bỏ không, thỉnh-thoảng lại nghe hương hoa-quít, hoa-cam đưa đến ngào-ngạt, thiệt là một cái thanh-thú như xóm « Đào-nguyên », nếu nói là nơi nầy là một tiên-hương cũng không đến quá lạm. Lòng tôi lưu-luyến quá, đi về mà chỉ muốn cho đường thêm xa ; nếu qua tiết hạ, thời chỗ nầy sẽ có lá xang dườm-dà, hoa thơm ngào-ngạt, có cát-trắng, có nước trong, có tôm tươi cá tốt ; thật đã có cảnh sắc mà thêm thú-vị là dường nào ! Chợ Mỹ-lợi cũng to, có đình ngói phố ngói hai bên. Tôm cá nhiều lắm, vì có kho tôm cá vô tận là cái đầm Câu-hai, gần một bên ; vải-bò cũng khá ; Còn các đồ vẩn vặt hàng - xén thời cũng giống các nơi, duy chỉ thấy cau và trầu nhiều quá, chất lên thành vồng thành đống, trông thấy mà nhợp mắt. Có câu tục ngữ rằng : « Miếng trầu nhả bã, miếng thuốc hả hơi », ai ai cũng biết là vật vô-dụng, mà cả làng nầy lại chuyên về một nghề nghiệp để cung-thụ cho sự vô-dụng ấy mà được giàu-có, câu

tục ngữ ấy, nghề ấy thiệt là một sự hãn-hữu trong hoàn-cầu, nghĩ cũng nực cười. Một bên chợ cũng có một vài người mình buôn bán cũng khá, lại cũng có hai ba cái phố khách. Trước chợ có bến đò, thuyền đậu cũng nhiều, thuyền ấy đi thông được đến Hàn đến Huế, cho nên con buôn ở đó để làm giàu, vì muốn chở hàng vô Quảng ra Huế hoặc chở qua Câu-hai lên xe lửa đi các nơi bán đều tiện cả.

(Còn nữa)

Vân-Phong
Tôn-thất-Phương

MỘT CÁI KINH-ĐÔ NHỎ NHẤT TRONG HOÀN-CẦU

Từ khi chiến-tranh xong, nước Anh chiếm được của Đức một cái cù-lao, là cù-lao Salomon.

Người Anh chiếm được chỗ đó, thích được một điều rằng : cù-lao ấy có một cái kinh-đô nhỏ nhất trong thế-giới, là kinh-đô Toulagi.

Cả thảy nhân-dân trong kinh-đô Toulagi, tính ra chỉ vừa đúng có 31 người da trắng và một người lầu, chỉ độc có một con đường mà thôi, chớ chẳng có đường xe hỏa nào cả.

CƠ-KHÍ PHÁT-MINH LƯỢC-SỬ

I

Thời-đại bây giờ là thời-đại cơ-khí, cơ-khí phát-đạt cho đến nỗi khắp trong thế-gian nội cái gì là cái cần dùng của nhân-loại, là cũng có thể lợi-dụng cơ-khí mà cung-cấp cho được đủ hết ; cơ-khí phát-đạt cho đến nỗi đã thấy dần đoạt mất cả thiên-công ; cơ-khí phát-đạt cho đến nỗi cái nhân-công cũng đã thấy ngày một xút kém đi một cách rất mau. Cái hiệu-dụng của cơ-khí lớn-lao cần-thiết cho người đời như thế nào, không cần phải nói, hẳn ai cũng biết, ai cũng đã phải công-nhận hết thảy cơ-khí bây giờ chỉ có cái cơ càng ngày càng phát-đạt ; cơ-khí mà càng phát-đạt bao nhiêu, tuy về phương-diện nhân-công có phải chịu cái ảnh-hưởng thiệt-thòi rất lớn, đường sinh-nhai phải chịu nỗi eo-hẹp khó-khăn ; song cơ-khí mà càng phát-đạt bao nhiêu, thì cuộc văn-minh của nhân-loại, cái hạnh-phúc của nhân-loại lại càng hoàn-toàn mỹ-mãn lên bấy nhiêu. Người đời đã được hưởng-thụ biết bao cái hạnh-phúc khoái-lạc nhờ về có cơ-khí, cái đó thật đã hiển-nhiên. Song, cơ-khí bởi đâu mà có? Ta đầu không phải học về khoa-học chuyên-môn, nhưng cái lược-sử phát-minh ra cơ-khí ta cũng cần phải nên biết lắm vậy.

1. — Thuốc-súng (La poudre à canon)

Ai chế ra thuốc súng không biết, chỉ biết đích rằng người Trung-Hoa và người A-Lạp-Bá biết những chất sinh hỏa đã lâu lắm. Những quân Thập-tự (Les Croisés) bị hại nhiều về những chất sinh-hỏa ấy bèn gọi là « feu grégeois », là một chất sinh-hỏa của người Hi-Lạp dùng để đốt các tầu bè ở dưới nước. Làm thế nào hỏa chất sinh-hỏa (feu grégeois mà diêu-toan-diêm (salpètre) lại thành được thuốc-súng ? Cái đó những nhà chép lịch-sử chưa có ông nào nghiên-cứu ra được. Nói về niên-hiệu thì người ta chỉ biết đích rằng năm 1273 vua Abou-Yousouf nước Ma-Lạc-Kha có dùng thuốc súng bắn những viên đạn sắt vào tường thành Sidjilmessa trong khi ngài đang bổ vây. Năm 1230 ông Marcus-Grachus ở bên Âu-châu chứng-minh cái định-tắc của thuốc-súng đen (tiêu-toan-diêm, lưu-hoàng) tan ra lần thứ nhất. Đến sau cũng một thời ấy lại có ông Roger-Raon chứng-minh ra lần thứ hai nữa. Người ta ngộ nhận là ông này chế ra được thuốc súng, nhưng chẳng qua ông chỉ theo như cái định-tắc người A-Lạp-Bá mà chế ra thôi. Người ta lại nhận ông cố Berthold-Schawartz là người chế ra thuốc súng, thì lại càng không đúng lắm ; ông này nguyên chỉ có nghĩ ra cách phóng-hỏa và đúc ra đạn bằng chì mà thôi, chớ tuyệt-nhiên ông không có chế ra thuốc súng bao giờ cả.

Nói tóm lại thì không ai chế ra được thuốc súng mà ai cũng chế ra cả. Đó là một sự phát-minh cần-kíp cũng như là xe, tầu, mà các dân-tộc hiếu-chiến phải nghĩ cách chế riêng để dùng vậy.

Nhưng lúc nào ta cũng có thể nói rằng cái tin đích thực về sự phát-minh đó vẫn là tin « đồn ngôn và sai lạc cả ».

Cứ xem như thuốc súng gần đời bây giờ thì thuốc đen chính là một viên kỹ-sư người Pháp tên là Vieille

có chân ban khoa-học hàn-lâm-viện mà lại là học trò ông Berthelot sáng chế ra.

2. — Súng (L'Armes à feu)

Súng thì hình như của người A-Lạp-Bá phát-minh ra. Ta đã biết đích rằng chính vua Ma-Lạc-Kha dùng súng năm 1273, trong khi vây thành Sidjilmessa. Những nhà chép-sử người I-Pha-Nho là ông Conde chép không được tường-tận lắm. Ở bên Âu-châu thì chắc chỉ có người Ý-Đại-Lợi chế ra súng bằng sắt trước tiên. Bản chứng-chỉ của dân-quốc Florence ra ngày 21 tháng hai năm 1273 có nói đến những viên đạn bằng sắt cũng là súng ống bằng kim-khí, chế tạo ra để giữ những lâu-đài lăng mạc của dân-quốc.

Sự dùng súng chẳng bao lâu đã lan sang nước Pháp và các nước « văn-minh ». Người ta chứng-minh cả sự dùng súng trong khi vây thành Puyguihem hồi năm 1239, và người ta lại còn bắt được những tờ chứng-chỉ về việc dựng một nhà đúc súng ở Cahors hồi năm 1345 nữa.

Những súng chế ra trước tiên là súng thần-công là một thứ ống lịnh, lúc nào bắn thì phải châm vào một cái bấc ở đằng sau. Được ít lâu thì đến thứ súng gọi là Venglaires, thứ súng này đằng sau hoạt-động bằng một cái quai, khi bỏ đạn vào súng thì cái đáy đằng sau đỡ lấy.

Những súng có thể mang được cũng cũng chế ra một thời với những thứ súng nặng. Kiểu súng thứ nhất là kiểu súng tay ngắn, đến khi có thứ súng couleuvrine là thứ súng nhỏ, và dài mà nhẹ thì thứ súng ấy mất tăm.

3. — Máy in (L'imprimerie)

Cứ kể không theo như chuyện huyền hoặc, thì không chắc máy in có phải do ông Gutemberg nước Đức phát-minh ra thực hay không, nhưng trước thời ông vào khoảng đầu thế-kỷ thứ mười lăm, người ta đã biết dùng chữ in bằng gỗ, người ta cũng biết phiết mực vào những chữ ấy mà in được ít bản. Cái đó là do tự nước Hà-lan chế ra.

Thế là căn-nguyên máy in người ta đã tìm thấy, còn như ông Gutemberg chẳng qua chỉ là khéo bắt chước mà thành ra đoạt được cái tiếng phát-minh của người khác. Ông Jean-Geinfleich tức Gutemberg sinh năm 1397 ở thành Magence. Đến năm 1450 ông hùn vốn với một nhà tư-bản là Jean Fust để tổ-chức ra cuộc in lần thứ nhất. Ông Gutemberg bấy giờ mới nghĩ ra cách in bằng tay (presse à bras) cái máy in này cũng như là máy để ép rượu vang vậy. Những chữ thì sếp cả vào những cái khuôn theo hàng lối mà sếp cho điều rồi vặn đinh ốc vào. Bởi thế người ở thành Strasbourg mới khoe là đã phát-minh ra máy in ; sau lại có dựng tượng ông Gutemberg ở một chỗ công-địa ở thành phố ấy nữa. Thế là kinh-đô A-Tân lại càng rành được nhiều sự vẻ vang nữa. Hai nhà chung vốn là ông : Gutemberg và Fust trước thì thực-thà sau sinh ra lừa dối lẫn nhau. Về phần ông Fust vẫn theo đuổi công-việc với một người tên là Schœuffer, còn ông Gutemberg thì cùng với một người tên là Conrad Homery tổ-chức một nhà in khác, rồi in được một quyển Thánh-kinh rất hay, gọi là » quyển kinh giấy 42 dòng » xuất-bản hồi năm 1457, ông Gutemberg mất năm 1468.

Chẳng bao lâu thì nghề máy in lan sang cả bên Pháp và in được lắm pho sách kiệt-tác rất có giá-trị.

4. Thước đo đường (Le taximètre)

Thước đo đường bằng bánh xe taxi là do một nhà y-sĩ người Pháp tên là Jean Fermel nghĩ ra. Ông sinh ở Clermont-en-Bauvoisis năm 1497, mất ở thành Ba-Lê năm 1558.

Ông là một nhà y-sĩ trứ-danh, lại chuyên khoa thiên-văn-học. Trong năm 1828 ông đo con đường thẳng từ Amiens đến Ba-Lê mà chuẩn-định được bề dài của một kinh-tuyến-độ.

Nhân dịp đó ông chế ra một cái thước đo lường bằng bánh xe (le taximètre) ông đo cái đường trung tâm của chiếc bánh xe sau để xem từ Amiens về Ba-Lê, chiếc bánh xe ấy quay được mấy vòng, rồi ông nhờ một người thợ đồng-hồ làm cho một cái thước chia làm mười phần song đem cheo vào chiếc bánh xe ấy. Cái thước ấy thì vận-động bằng một cái then gắn chặt vào một cái tay hoa xe, thế mà cứ mỗi ngày quay một vòng thì cái then ấy lại ấn bộ máy của cái thước nhỏi lên được một răng cưa.

Đó là người ta mới được thấy cái thước đo đường lần thứ nhất vậy.

Cái kết-quả cách đo của ông thì rất đúng : mỗi độ đo được 57070 toises (toises là một thứ thước ngày xưa mỗi toises đo được thước 949). Cách một thế-kỷ sau, những nhà có tài về việc đo đất (les géodésiens) đo được 57060 toises. Sai nhau có 10 toises. Cách thi-nghiệm hồi bấy giờ tỏ ra rằng, cho dầu một cái đồ dùng vào đo lường chưa được hoàn-toàn nhưng cũng vẫn có những cái kết-quả hay của tay « người biết sự-thực » làm ra.

Trong những cuộc đi đo lâu dài và tốn kém để cho một thế-kỷ sau được tin đích thực thì trong một nghìn phần một mình ông Fermel cũng giúp được sáu phần.

Bây giờ không mấy ai nhắc đến ông Fermel nữa mà cả trong các lớp thiên-văn-học cũng vậy, nhưng ta cũng có thể nói rằng ông là người hướng-đạo rất có công to.

Thế mới rõ rằng cái ý-nguyện của người ta muốn thế nào thì được thế, nhưng chỉ duy có mình ông thực-hành cái ý-nguyện ấy mà thôi.

5. — Kính hiển-vi (Le microscope)

Nhờ có kính-hiển-vi mới có những sự tiến-bộ cũng là những sự phát-minh về khoa sinh-mệnh-học.

Ông Pasteur nhờ có kính hiển-vi mà lập được sự-nghiệp lưu để nghìn thu. Vậy thì kính hiển-vi tức là một cái trụ của khoa-học trên thế-giới này vậy.

Cái đột-kính (là cái kính lồi lên) tiếng tây là (la loupe) hình-thể rất tầm thường. Hình như người đời xưa cũng đã biết đến. Ông Sénéque cũng có nói đến ; trong khi bới tìm ở Ninive là kinh-đô xứ Assyrie ở trên sông Tigre, người ta có tìm thấy một mảnh pha-lê bằng chất đá.

Nhất là nhờ có cái kính hiển-vi thì mới mở được đường tiến-bộ về khoa vật-lý-học.

Cái vật-dụng quý báu ấy, là do một người tên là Zacharias Jansen, làm nghề chế kính hạng-đại ở thành Middelbourg nước Hà-Lan chế ra trong năm 1590. Cũng một ông ấy chế ra kính cận-thị. Những kính hiển-vi mới chế ra lần thứ nhất thì rất là tầm thường, chưa được hoàn-toàn ; chỉ có một cái ống để ngắm và một cái kính để soi mà thôi ;

những từ thế-kỷ thứ 19 trở đi thì nhờ có những sự tiến-bộ trong nghề làm kính đeo mắt, mà kính-hiển-vi chế ra mới được hoàn-toàn lắm.

Có một chuyện huyền-hoặc của người Đức quảng-cáo định làm cho người ta tin rằng những sự tiến-bộ trong kính hiển-vi đều là nhờ của người Đức tên là Zeiss, chớ không còn gì sai nữa.

Chính những người này mới làm ra kính hiển-vi trong đời gần đây: Amici, Ch. Chevalier và nhất là một nhà sáng-tạo người Pháp tên là Nachet. Người ta có thể nói được rằng những sự tu-bổ sau này cũng là nhờ ông cả. Chính ông nghĩ ra cách vận-động chiếu kính hai lần, cùng là đặt cái đĩa soay ở trong cái kính hiển-vi, ông lại nghĩ cách chế ra được kính hiển-vi, có thể soi hai mặt được; nhờ có thứ kính ấy mà người ta có thể xem được cả cái nết gồ ghề ở trong những vật nhỏ nữa.

Người Đức hình như chỉ hay ăn cắp kiểu mà thôi, chớ có tự-chế ra được đâu! Hiện bây giờ người ta có những thứ kính hiển-vi soi thì thấy chiều dài của vật mình soi hơn lên 3000 lần, tính bề mặt thì thành ra 9.000.000 lần lớn hơn.

6. — Thiên-lý-kính (Le télescope)

Cái chữ télescope, thiên-lý-kính là bởi chữ: (téle-scopein) nghĩa là trông xa được. Sự sáng-chế ra thiên-lý-kính cũng như sự sáng-chế ra kính cận-thị.

Sự sáng chế ra thiên-lý-kính cũng là một sự ngẫu-nhiên; những sự tiến bộ về khoa thiên-văn đều nhờ cả ở thiên-lý-kính.

Nguyên có hai thằng bé con một người thợ làm kính, tên là Zacharias Jansen ở thành Middelbourg nước Hà-lan, một hôm lấy hai cái mắt kính của bố ra chơi nghịch lờ ngờ để cái nọ sau cái kia, một cái lồi một cái lõm. Chúng nó soi kính xem thấy con gà ở trên gác chuông nhà thờ, thấy to hơn là trông bằng mắt, chúng rất lấy làm lạ lắm, liền về báo cho bố biết để bố ra xem, người bố liền lợi-dụng ngay được mà chế ra kính cận-thị, trước hết đặt tên là (lunette batave).

Ông Galilé nghe nói đến cái kính soi thấy vật gì cũng to lên, liền không trông chỉ đoán mà chế ra, đến năm 1609 thì chế xong. Nhà bác-học trứ-danh ấy liền nghĩ ra cách soi kính lên trời xem, nhờ có cái kính của ông mà ông soi thấy những vết ở trên mặt trời những quả núi ở ở trên mặt trăng, những cái biến-tượng ngôi sao ở trong sông Ngân-hà cũng là những vị tinh-tú rất xa.. (les nébuleuses).

Những sự phát-minh ấy kế tiếp nhau mau quá, sau muốn cho bác-học-giới biết, ông bèn viết một bài để là Le Nuntius Siderens.

Ông Jansen và ông Galilé có chế ra một cái kính mắt khác nhau, nhưng sau này mới nghĩ ra được. Còn như kính-thiên-lý trong có gương thì ông P. Zucchi chế ra trước nhất, đó là vào hồi năm 1616.

Ngày nay nghề làm kính thiên-văn đã đến ngày đại phát-đạt, bây giờ người ta có cả kính thiên-lý mà đường trung-tâm của cái gương ấy dài đến 2 thước 50 mà có thể soi lớn lên được đến 10.000 lần.

Nhờ có những cái đồ dùng mãnh-liệt ấy mà người ta có thể biết thấu cả đến những sự bí-hiểm ở trong bầu trời.

7. Xe ô-tô (L'automobile)

Chiếc xe ô-tô thứ nhất thì do một viên kỹ-sư chuyên-môn tên là Joseph Cugnot sinh ở Void xứ Lô-Liên ngày 25 tháng chín năm 1725, nghĩ và chế ra năm 1770.

Ông chỉ đoán mà nghĩ ra được thứ xe hơi (voiture à vapeur) của ông, dùng vào việc pháo thủ để phá.

Đem đến cho quan nguyên-soái đại đội pháo thủ là ông Gubeauval xem, những cái kiểu xe của ông Cugnot xét ra có thể làm được, liền ban thưởng cho ông món tiền là 20.000 livres là một thứ tiền của nước Pháp ngày nay đổi là phật-lăng (franc).

Bấy giờ cái máy mới làm ra được, cái máy ấy có bàn (chassis), tất cả có ba bánh, hai bánh đằng sau là bánh để lăn, một bánh trước mới là bánh để lái, chủ ở cái bánh này. Cái máy hơi thì có hai cái ống vặn hơi (cylindres) hàng thường để truyền sức mạnh sang bánh xe trước bằng những thứ bánh xe con có lò xo. (encliquetages) để cho cái bánh xe kia quay. Nồi súp-de (chaudière) thì để kề ếch lên hai cái tay bằng sắt ở đằng trước xe; đó mới là cái sơ-điểm của sự sáng-chế về xe ô-tô vậy.

Dầu thế nào mặc lòng cái xe ấy cũng dựng lên được và cũng tự-động được.

Mỗi giờ cái xe ấy có thể chạy được năm phần dặm, chở được năm tấn hàng là một chiếc súng đại bác và cái đà để kê súng nữa.

Cái máy chế ra trước máy ô-tô càng là máy xe-hỏa, hiện ngày nay hãi còn để ở nhà « Quốc-dân bảo-tồn mỹ-thuật và kỹ-nghệ » ở thành Paris thật là một vật di-dạng đáng xem ở đó.

Lịch-sử của ông Cugnot thì cũng tương-tự như là lịch-sử của các bậc làm « hướng-đạo » trong sự-nghiệp phát-minh khác.

Theo như lời hứa ông có được quan nguyên-soái Gribeauval thưởng cho 600 livres trong một năm. Trong hồi cách-mệnh ông Lavoisier là người gây dựng ra hóa-học bị sử-tử thì bỏ cái lệ thưởng ấy đi, sau nếu ông Cugnot không gặp được một bà nhân-đức người thành Bruxelles nước Bỉ trợ-cấp cho ông, thời ông cũng đến chết. Vua Bonaparte cảm cái lợi của các xe của ông Cugnot chế ra, bèn lập lại cái tiền thưởng hàng năm cho ông là 1.000 livres. Nhà sáng-chế ra cái xe ô-tô trước nhất ấy thọ-trung năm 1804 đúng năm 79 tuổi.

Sự-nghiệp sáng-chế của ông đã « mở được lối » rồi chắc còn phát đạt mãi mãi.

V. L.

VĂN THƠ

THẢO-TRANG THI TẬP

(Của quan Án Lê-Lượng-Thái)

Khổ nhiệt (1)

Lá cây chẳng động, gió đâu rồi?
Nực-nội thay sao nắng với nôi!
Chẻ búp nhấp luôn còn cóc-giọng,
Quạt tây kéo mãi vẫn mồ-hôi.
Giải nòng mưa sớm, mây chưa họp,
Hồng mát sông chiều, nước cũng sôi.
Bực lắm muốn xoay vòng đất lại,
Hồ-tây đem để trước hiên ngồi.

Lục-thập tự-thọ

Lối xưa nghĩ lại, dễ ta nhầm,
Xe ngựa xông pha bụi cát lầm.
Ba khóm cúc tùng nhờ quả phúc,
Sáu mươi mày tóc chửa hoa râm.
Hầu non bốn chị sinh năm một:
Bạn cũ mười anh chết đến năm.
Cũng với non sông vui cảnh lão,
Kìa cây trăm thước, hạc nghìn năm.

Phú đắc: Con gái xứ đông, ăn với chồng nửa bữa, ngủ với chồng nửa đêm.

Con gái kẻ Mía có tiếng ác,
Ăn ở với chồng thực là bạc.
So đũa nửa chừng, đã ỡ-oải,
Chung chăn sang tí, vội xốn-xác.
Lưng-lửng để dạ rồi ăn quà.
Lấm-lét chực đi với thằng khác.
Mất tiền cưới vợ phải già tay,
Đè xuống mà cho mấy cái tát.

Đề núi Dục-thúy

Một bước lên cao, một mảnh tình,
Tuổi già cùng hẹn với non xanh.
Vén mây trông lại chim Hồi-hạc. (1)
Hóng gió hương đưa cúc Hộ-thành. (2)
Thơ ngự (3) rồng phun hàng chữ mới,
Đài câu (4) cá ngợp bóng trăng chênh.
Còn non, còn nước, còn dai-cảnh.
Còn cảnh, còn ta, lắm vẻ sinh. (5)

NGHIÊM-XUÂN-LÂM *sao-lục*

Thầy đồ tự thán

Dạy học lâu nay những chán phè!
Lúc nơi thành-thị, lúc nhà quê.
Ngô-nghê mười cậu, ngày thêm bận,
Bổng-lộnh dăm đồng, tháng vẫn khê.
Buôn-bán đã toan, nhưng vốn ít,
Ruộng-nương không có, đếch ai thuê.
Bây giờ mới biết nghề nho ế,
Biết thế năm xưa học thợ nề.

Cô đầu đi tu

I

Làng-chơi nào phải đã về già,
Nặng kiếp hồng-nhan mới xuất-gia!
Đàn-hát từ nay khan giọng cũ,
Kệ-kinh âu phải thuộc lòng qua.
Cửa chiền dầu trải mùi chay-nhạt,
Bể ái không còn nợ sói-sa,
Nhắn-nhủ tình-chung ai đó tá?
A-bi-đà-phật, chịu thôi mà!

II

Phấn điểm, son tô đã chán rồi,
Dầy nương cửa Phật nguyện làm tôi.

(1) Núi Hồi-hạc gần núi Dục-thúy.
(2) Núi Hộ-thành tức là núi Dục-thúy.
(3) Bia đức Thiệu-trị.
(4) Xưa ông Trương-hán-Siêu có đài-câu ở đấy.
(5) Bấy giờ đương làm Án-sát Ninh-bình.

(1) Lúc làm Án-sát ở Thái-nguyên bị trời nắng dữ.

Kệ-kinh lối mới vừa quen giọng,
Đàn-phách nghề xưa gác một nơi.
Quạt gió, đèn trăng, vui lắm lúc,
Chuông kinh, mõ cá, tỉnh từng hồi.
Chị em ai muốn tu không nhỉ?
Khổ-hạnh nhưng mà rất thảnh-thơi.

Vịnh Thúy-Kiều bán mình chuộc cha

Vì ai xướng-xuất vạ này ra,
Phải bán mình đi để chuộc cha.
Giá đáng nghìn vàng không dám tiếc,
Lễ ba trăm lạng mới cho tha.
Cộ-kè toan bớt, ghê thằng Mã!
Khóc-lóc vì tiền, gớm thói nhà!
Hiếu-thảo như Kiều đời cũng ít.
Gương treo muôn thủa khách quần-thoa.

Nhớ cảnh Thái-bình

Phong-cảnh đâu hơn tỉnh Thái-bình,
Tấm lòng nhớ cảnh những đinh-ninh.
Con đường Tân-đệ, rồng vươn khúc,
Giải nước Bồ-giang, rắn lượn quanh.
Nọ buổi Vũ-tiên luồng gió mát,
Kìa khi Phủ-Kiến mảnh trăng thanh.
Ước gì hóa phép co đường lại,
Những cảnh ta mong để cạnh mình.

NGHIÊM-XUÂN-LÂM

Thăm nhà Giám

Bước tới Thăng-long lắm vẻ xưa,
Này nền Khổng-học dấu ngày xưa.
Trải bao thế-nguyệt còn đây nhỉ?
Giải mấy tang-thương vẫn đó ư?
Cỏ-thụ xanh rì chim xáo-xác,
Danh-bi trắng xóa cỏ lơ-thơ.
Nam-thiên quốc-túy đây chăng tá,
Xui khách văn-nhân luống ngẩn-ngơ!

MỘNG-ĐÀO

Lưu giản quan Huyện Nam-sang

(của quan Án Lê-lượng-Thái)

Hoa-ý mang nghĩnh-lòng, nhân-lình hệ khứ-lưu. Vừa tròn năm đôi-đôi bóng trăng thu, nền quan-bác phết phong-lưu là thế thế. Nơi cố-quận mới gặp người tri-kỷ, trước mười năm hào-khí lại bây giờ. Mái cầm-đường so lại mấy hàng tơ, khúc cựu vũ vẫn vơ chen dịp phách.

Nam-phố vân cao bằng triển cách,
Tuyết-nê lạo lạc trảo lưu hồng.

Kìa Long-xuyên, Nga-chử nơi Vị-thủy Hoàng-giang: bao nhiêu dặm mấy ngày dàng mà xa ngại. Xe ngựa đó vẫn đường đi, lối lại; mảnh tình trăng còn giải với non sông. Hoan-du lắm lúc tương-phùng.

Tặng ông phán Danh khai-phục làm Thông phán Sơn-tây

Danh giả tạo-vật sở kỵ, lẽ đâu mà ghét mãi ghét hoài. Tiết vân-lôi đương buổi nhu-tài, cũng thử chèn chơi cho biết sợ.

Bút hữu ngữ hoa nhưng phán-sự,
Bằng năng nhất cử tức xưng thiên.

Nhờ phấn son tô điểm lại lành duyên, áng hoa liễu vẫn vui miền Lô-Tản. Sức bay nhảy từ đây còn rộng chán: mặc ai hay tám vạn nghìn tư. Chị em đàn phách gửi thư.

NGHIÊM-XUÂN-LÂM *sao lục*

Vợ lẽ tế chồng làm nhà tơ

Bài văn

Than ôi! Sóng vỗ ghềnh Ngàn, phút tan dịp Thước; mưa tuôn giọt ngọc, thêm ngán tình Ngâu!

Chuyện đi-vãng nói ra càng hổ thẹn; kẻ vị-vong không xiết nỗi âu-sầu!

Nhớ chàng xưa:
Từ trời nhã-đạm,
Nết đất ôn-như.

Nhờ tiên-công gây cõi đức vành nhân, vốn dòng đài-các;

Ơn hậu-ấm sẵn ao nghiên bể bút, dự bực phong-lưu.

Trải mấy phen giạo gót thần-kinh,
khi vào vũ-khố, khi tới văn-ban,
trong tử-mạc dã nhường tay vai-vế ;

Ngoài nghìn dặm nối tơ nguyệt-lão, lúc rượu bạch-liên, lúc trà kim-cúc, nghĩa ái-ân đà giải chuyện gót-đầu.

Những mong thầm : ngày còn rộng, tháng còn dài, cùng xum-họp để trọn nguyền non-nước ;

Ai nào tưởng : trăng không lừa gió không lật, bỗng chia-phôi mà nên cuộc bể-dâu !

Một ngày li-biệt,
Chín khúc quặn đau !

Chốn đào-nguyên khói tỏa mây bay, xa xôi bóng hạc khơi chừng, sao nỡ vội làm người thiên-cổ trước ?

Trong khuê-khổn thoa rơi, trâm gãy, lạnh lẽo gương loan chiếc bóng, luống để sầu cho kẻ bách-niên sau !

Cũng toan liều giếng cạn gieo mình, đồng sinh-tử để chọn lời nguyện ước ;

Song còn chút non cao đội đức, phụng thân-hôn cho vẹn đạo phát phu.

Nay nhân , Buổi dương thất-lịch ; Điện tế tam-ngu.

Ngỏ chút lòng thành lưng canh, dĩa muối :

Gọi che mặt thế, áo mà vàng hồ.

Cảm cảnh cầu xích-thổ bách-niên, kẻ ở, người đi, thiếp đành phận mỏng !

Bi-thiết chữ nhất-chiêu thiên-cổ, ân xưa nghĩa cũ chàng thấu tình ru ?

NGHIÊM-XUÂN-LÃM

Hồng lâu thán

Năm năm lần lữa ngày trời,
Nghĩ thân cát dập, sóng vùi mà đau !

Ngán thay ! cái cuộc bể dâu,
Tuổi xanh mấy lúc phai màu tóc xương.

Xót thân vào sổ doạn trường,
Biết bao dạn gió, dầy sương những ngày.

Khi chén rượu, lúc câu cười,
Nào lời hẹn ngọc, nào lời thề non.

Khi dịp phách, lúc cung đàn.
Như than, như oán, chứa chan dạ này !

Nắng, mưa lần lữa tháng ngày,
Xuân thu chốc đã đổi thay mấy lần.

Phong-lưu tới lúc phong-trần,
Nghĩ thân luống xót xa thân giảng-hồ !

Sóng ngàn dành nhỡ cầu Ô,
Sắt son ghi tạc bây giờ những ai ?

Giải đào chan chứa lệ đơi !
Canh tàn, chiếc bóng song mai lạnh lùng.

Rút giây còn vướng tơ đồng.
Tủi cầu bạc mạnh, thẹn cùng nước non.

Sót thân phận mỏng cành chuồn,
Thà liều nát ngọc tan vàng mà hay.

Nợ đời còn giả, còn vay,
Cuộc đời trót đã gián tay thì liều.

Trầm-luân ai thả phù-kiều.
Vớt người bể khổ mà theo bè từ.

Ác tà thương bóng phù-du.
Hoa tàn, ai kẻ hẹn hò hoa chàng ?

Đã toan viễn phận phi thường,
Xót thân cá chậu, chim lồng khó ra.

Đôi phen dưới bóng Thường-nga.
Luống cầm trẻ-tạo, trăng già dở dang !

Tình xưa dạo lại cung đàn,
Đàn xưa giéo-giắt những than thở lời.

Cần răng gượng nói gượng cười,
Gượng vui-vẻ mặt, gượng tươi tỉnh lòng.

Gượng điểm phấn, gượng tô hồng !
Nghĩ câu bất-tái thẹn cùng thanh-xuân

Xưa sao oanh yến đầy sân,
Giờ sao vò võ chiếc thân canh chầy !

Xưa sao bướm liệng, uyên bay,
Giờ sao tan tác trời mây, rạt bèo !

Giây loan chắp nối đã nhiều,
Mảnh tình càng nghĩ, càng khêu mạch sầu !

Ngán thay ! cái kiếp hoa-đào,
Chữ tài, chữ sắc buộc vào mãi thôi !

Nỗi riêng khó tả hết lời,
Nghìn thu mang tiếng một đời tài-hoa.

Hỏi ai, ai biết cho ta ?

Thuyết mai : BÙI-XUÂN-QUANG

La meilleure manière de scruter le cœur et le cerveau d'une nation, amie ou ennemie, est d'étudier sa langue pour mieux l'aimer ou mieux la combattre. Cette précaution vous met en garde contre des agissements hostiles de l'adversaire, agissements qui, sans elle, pourraient demeurer secrets et pourtant devenir néfastes pour vous.

Dans ces circonstances, il vaut toujours être prévenu que surpris.

RAYMOND POINCARÉ

Một cách muốn dò-xét trong lòng trong óc của một nước, không cứ gì là nước bạn hay là nước thù, xem ra thế nào, thì chỉ có cách học tiếng nói của họ là hay hơn cả, học tiếng nói của họ là để biết yêu-mến họ hơn hay là đánh lại họ cho dễ. Cái cách khôn-ngoan cẩn-thận ấy, là để cho các anh biết mà coi chừng những sự hành-động phá-hại của quân cừu-địch mình, nếu không biết tiếng nói của họ, thì sự hành-động của họ ra sao, các anh cứ mờ dặc không biết, có khi hại to cho các anh lắm.

Trong những lúc này, việc gì cũng biết trước còn hơn để mồ thình-lình xảy đến.

Nº 9

TÙY-ĐƯỜNG DIỄN-NGHĨA

NGUYỄN BÍNH-GIAI *dịch-thuật*

Về đến Nhị-hiền-trang, Hùng-tiu giọn riêng một phòng rồi ở luôn đó với Thúc-bảo để trông nom thang-thuốc, chẳng bao lâu Thúc-bảo lại lành mạnh như thường. Hai người ở với nhau rất tương-đắc ; thỉnh-thoảng lại mời cả Ngụy Huyền-thành qua chơi, anh em bàn-bạc chuyện-trò, thật là tâm-đầu ý-hiệp.

Nói về bà mẹ Thúc-bảo ở nhà mong mãi không thấy con, không biết sống chết thế nào, mà phủ-nha thì sai đi đã lâu lắm không thấy về phục-mạnh, cũng đòi-hỏi thân-nhân ở nhà luôn luôn. Bà cụ vừa lo vừa sợ, không biết ra sao, thôi thì đi lễ đi bái, xem bói xem toán khắp các nơi, mà vẫn chẳng thấy tăm hơi gì cả. Lo nghĩ quá thành ra ốm to. May được Thúc-bảo bè-bạn nhiều, thấy bà cụ ở nhà đau-yếu như thế, thì cắt lượt nhau đến trông-nom chạy chữa, phục-dịch thuốc-thang và kiếm lời khuyên-giải, bệnh bà cụ cũng ngày một lui dần. Bữa hôm đó có Giả Nhuận-phủ và hai người bạn đồng-sự với Thúc-bảo là Đường Vạn-nhận và Liễu-minh ở đó, thì thấy Phàn Kiến-uy vào thăm. Bà cụ thấy Kiến-uy đã về, lấy làm mừng lắm, bèn gọi vào hỏi chuyện. — Vợ Thúc-bảo là Trương-thị đứng đằng sau màn để nghe. — Bà cụ hỏi:

— Kìa, bác đã về đấy ư ? em Quỳnh thế nào ? Quan sai nó cùng đi với bác một chuyến, nay bác đã về đây, mà nó thì tuyệt-vô âm-tín ! Đi từ tháng sáu, bây giờ hết tháng chín rồi, mà không thấy về ? . . . Có dễ cũng thế nào đây, không biết có còn sống không ? — bác ạ !

Bà cụ nói đến đấy, khóc nức-nở không nói được nữa. Trương-thị đứng sau màn cũng thổn-thức khóc, rồi chạy ra hỏi chuyện Kiến-uy, mọi người cũng đều mỗi người một điều hỏi nhao-nhao cả lên. Kiến-uy bấy giờ ngơ-ngác bối-rối, không biết trả lời thế nào, ngồi ngẫn người ra một lát, rồi nói :

— Xin cụ với các bác hãy cứ yên tâm, để tôi xin thưa. tôi chắc rằng anh tôi bây giờ dễ có khi còn ở Lộ-châu cũng nên, chỉ không có tiền ăn-đường thì không về được đấy thôi, chớ quyết cũng chẳng có điều gì là đáng lo ngại hết. Số là bữa tháng sáu, chúng tôi ở đây đi lên Trường, chầu-chực ở bộ Binh mãi, đến rằm tháng tám lĩnh được công-văn, anh em mới bắt đầu ra đi ; đi tới Tra-thụ-cương, khỏi Kinh-thành một chút, thì thốt-nhiên gặp Đường-quốc-công bị bọn cường-đạo vây đánh. Bác Tần thấy vậy tới đánh giải vây cho Đường-công, khi cứu được Đường-công xong rồi, anh em lại giải tù đi, ra đến ngoài cửa ải, thì lật-đật mỗi người đi một ngả, bấy giờ vội quá, liu-tiu thế nào thành ra tiền hành-phí ở tôi giữ cả, quên bẵng đi không giao lại giả phần của bác ấy, mãi sau tôi sang tới Trạch-châu, soạn đến rương mới biết như thế. Đường xa việc gấp, không biết làm thế nào, tôi vẫn đinh ninh chắc thế nào khi ở nhà đi, bác ấy cũng có giắt đi ít nhiều, thì sao cũng có tiền để ăn-tiêu mà trở về rồi. Mà cũng là không may, tôi sang tới Trạch-châu phải chầu-chực lâu quá, thành ra món tiền về phần hành-phí của bác ấy tôi cũng tiêu đi mất cả. Đây tôi đã phải thu-nhặt đủ số mang sang nộp trả vào cái số tiền tôi tiêu đây, ấy bây giờ, nếu quả phải là khi bác ấy ở nhà đi không mang thêm tiền đi, thì phải kịp mang tiền này sang Lộ-châu cho bác ấy, là chắc sẽ về được ngay. Tôi quyết rằng chỉ vì có thế đó thôi, không có điều gì là đáng phải lo-ngại chi hết !

Bà cụ nghe xong, liền nói :

— Ấy, khi em ở nhà đi, tôi có bảo mang đi bốn lượng bạc để mua cho tôi ít hàng trữu ở bên ấy, nếu phải là sang đến nơi mà không có tiền tiêu, thì chắc nó cũng biết lấy tiền đó ra mà ăn-đường trở về chớ, có đâu lại mãi nay cũng không về đến nhà là cái gì ?

— Không, cụ ạ ! tôi chắc rằng bác ấy sang đến nơi cũng còn phải chầu-chực lâu, chớ chẳng không. Vì khi tôi sang đến Trạch-châu, thì quan Mã Thứ-sử đã sang Thái-nguyên đón Đường-công rồi, tôi phải ở đợi lại mãi khi quan Thứ-sử về mới giải tù vào nộp được mà về ; cứ tính ngày ra, thì chắc rằng khi bác Tần sang đến Lộ-châu, có để quan Thứ-sử bên ấy cũng sang đón Đường-công vắng rồi, chưa chắc đã kịp giải tù vào nộp mà về ngay được. Nếu quả phải ở chờ lại như thế, thì ít ra cũng phải mất một tháng, mà chỉ có bốn lượng bạc thôi thì ăn-tiêu sao cho đủ được. Tôi cũng chỉ vì phải lui lại chờ-đợi ở Trạch-châu, thành ra tiêu hết nhẵn cả tiền, biết rằng bác Tần ở bên ấy tất thiếu tiền ăn-đường mà khi tôi đã xong việc ở Trạch-châu, cũng không sao sang tìm bác ấy được. Chắc là bác Tần ở bên ấy, chờ khi quan về giải tù vào nộp, xin giấy-má xong được, thì tiền trọ cũng hết mà tiền ăn đường về cũng chẳng còn ; đường xa đất lạ, vay-mượn vào đâu, thế tất phải ở lỳ nhà hàng mà ăn chịu, chờ bao giờ, ở nhà hoặc có cho người đem tiền sang tìm thì bấy giờ mới về. Ấy, tôi chắc bác ấy không về được là chỉ vì thế đó thôi. Vậy bây giờ tôi xin nộp lại cụ với bác gái món tiền này đây, và tôi xin đi sang bên ấy tìm bác Tần về, thế nào cũng là tìm được, xin cụ với bác cứ yên-tâm cho.

Bà cụ và Trương-thị nhất-định không chịu nhận tiền của Kiến-uy đưa trả, cứ một mực trao lại trả và nhờ Kiến-uy mang tiền ấy đi tìm Thúc-bảo, sau anh em cũng mỗi người nói một điều, rồi Kiến-uy cứ để tiền lại đó, từ-biệt trở về để sửa-soạn sang Lộ-châu tìm Thúc-bảo. Bà cụ và Trương-thị cũng cám ơn và dặn-giò dâu đấy, rồi Kiến-uy lui trở ra. Về tới nhà, lập tức xắp-sửa hành-lý và tiền-nong xong, thẳng đường đi sang Lộ-châu.

HỒI THỨ MƯỜI MỘT

Phàn Kiến-uy sang đến Lộ-châu, vào phủ-nha tra sổ xem những chỗ trọ của các người công-sai ở nhà khác đến, biết rằng Thúc-bảo ở trọ tại nhà hàng Vương Tiểu-nhị ; lại hỏi thăm trong nhà, thì họ nói Thúc-bảo lĩnh công-văn trở về đã lâu rồi. Bèn vội-vàng ra hàng Vương Tiểu-nhị hỏi thăm ; Tiểu-nhị nói :

Thưa có, cữ trước ông Tần Thúc-bảo giải tù sang đây trọ hàng tôi, song vì thiếu tiền trả nhà hàng, phải nấn-ná ở lại đấy lâu lắm ; sau chờ mãi không thấy bạn ở bên

Trạch-châu mang tiền sang đón, cùng bất-đắc-dĩ, ngày mồng một tháng mười vừa rồi phải mang ngựa đi bán lấy tiền trả tiền trọ và ăn đường trở về, ngay tối mồng một đã ở đây đi rồi.

Kiến-uy nghe nói Thúc-bảo đã về từ tối mồng một tháng mười rồi, thì hoảng người lên mà rằng :

— Chết nỗi ! thế sao nay vẫn chưa thấy về đến nhà, mà tuyệt cũng không thấy tin-tức chi cả ! có dễ anh tôi nguy mất ! . . . . .

Liễu-thị (vợ Tiểu-nhị) ở nhà trong nghe thấy, vội vàng chạy ra hỏi :

— Thưa ngài, tôi hỏi thế này khi không phải, ngài có phải là ông Phàn Kiến-uy đấy không ? Ông Tần Thúc-bảo về đã lâu rồi ngài ạ. Ngài ở bên nhà ông ấy sang tìm đấy chứ ?

— Sao bà hàng lại biết tôi ?

— Ấy ; thưa ngài, cữ trước ông Thúc-bảo trọ ở đây, thiếu tiền ăn đường, thường vẫn ngày ngày mong ngài sang, sau chờ mãi không thấy ngài sang, thì ngày mồng một tháng mười vừa rồi ông ấy đã phải bán ngựa lấy tiền trả nhà hàng và làm tiền ăn đường, ngay buổi tối ông ấy đã lên đường trở về ngay, chắc là về đến Sơn-đông đã lâu rồi thì mới phải chớ.

— Lạ quá ! không biết ra sao mà tới nay ở nhà vẫn chưa thấy về, nên tôi mới phải bỏ sang đây tìm xem thế nào. Không có lẽ ở đây đi từ đầu tháng mười, mà nay đã sang đầu tháng chạp, hơn hai tháng trời rồi, mà không về đến nơi. Trời ôi ! thôi dễ có khi anh tôi nguy mất rồi ! Chắc là giữa đường xảy gặp tai-nạn chi đây chớ chẳng không !

Nói vậy, rồi bảo nhà hàng giọn cơm ra ăn qua-loa, xong rồi lại vội-vàng đi ngay. Vì thấy nói Thúc-bảo về đã lâu rồi, nên lại đi theo con đường quay về Sơn-đông để tìm, cũng là đi tìm hàng-quơ thôi, chớ đã cách đến hai tháng trời, thì dù Thúc-bảo có mắc nạn giữa đường chăng nữa, bấy giờ chắc cũng chẳng còn tăm-tích gì ở dọc đường mà tìm. Trời đông gió lạnh, tuyết xuống như trút, đường xa đất lạ, một mình ngơ ngác, ôm một tấm lòng tuyệt-vọng, mạo-tuyết mà đi, đi vơ đi vẩn trong lối đường rừng, bấy giờ trời đã sế chiều, tuyết xuống càng dữ, cóng chân quá không gượng đi được nữa, khi đó đã đi khỏi Thập-lý-điếm một quãng, nhìn quanh không có hàng-quán gì, chỉ thấy một tòa đền lớn ở liền ngay bên dệ đường đi, biển đề ngoài miếu là miếu Đông-nhạc, đương ngơ-ngẩn đứng xem định vào đó nghỉ trọ, thì vừa gặp người tiều trong đền ra đóng cửa, liền chạy vào nói với người tiều để xin vào trọ ; người tiều bèn chạy vào bạch với Ngụy Huyền-thành. Ngụy vốn là người tính hào-hiệp rộng-rãi, liền cho vào ngủ nhờ ngay. Người tiều dẫn Kiến-uy vào tới nơi, xếp đặt hành-lý đâu đấy ngồi nghỉ một lát cho lại người, rồi lên chào Ngụy, Ngụy hỏi :

— Chẳng hay thầy ở đâu, trời tuyết cóng vất-vả thế mà thầy cũng chịu khó đi được.

— Bạch Đạo-sư, tôi là Phàn Kiến-uy, người ở Tề-châu bên Sơn-đông, sang Lộ-châu đây tìm người anh em bạn, nhân gặp trời tối, tuyết xuống nhiều quá không thể đi được, xin nhờ Đạo-sư đây một tối, sáng mai tôi sẽ xin đi sớm.

Huyền-thành nghe dứt, có ý ngạc-nhiên mà rằng :

— Thế ra quan bác là bạn của bác Tần Thúc-bảo à ? chết nỗi ! thế mà dệ không biết ! Xin thứ cho nhé!

Kiến-uy thấy Ngụy nói vậy, giật mình, có ý mừng rỡ lắm mà rằng :

— Thưa Đạo-sư, vậy chớ đạo-sư có biết anh Tần Thúc-bảo tôi ?

— Có ; ấy bác Tần ở đây với tôi mãi, tôi thấy thường có nhắc đến quan bác luôn.....

— Vậy thế anh tôi tới thăm đạo-sư khi nào ? đã về chưa ? bây giờ còn ở đây không ạ ?

— Bác Tần ở đây đi rồi ; giờ ở bên bác Đơn Hùng-tín.....

— Thưa đạo-sư, anh tôi ở bên ông Đơn Hùng-tín ? thưa, thế có gần đây không?

— Cũng gần ngay đây, mai quan bác có sang thăm, tôi xin đưa sang. Quan bác sang đây, có lẽ là chỉ cốt sang tìm bác Tần thì phải ?...

— Vâng ! anh tôi đi việc quan đã mấy tháng trời nay không thấy về, ở nhà sợ quá không biết thế nào, nên phải bỏ đi tìm. Chúng tôi vẫn cứ chắc là anh tôi gặp tai-nạn gì đã lâu rồi kia đấy, chao ôi ! còn có tưởng đâu là vẫn còn ở đây ! thật là may quá ! Thưa đạo-sư, vậy chớ anh tôi thường vẫn có sang đây lắm đạo-sư ?

— Phải, chúng tôi ở đây, anh em thời thường vẫn đi lại chơi bời với nhau luôn luôn, không mấy ngày là chúng tôi không gặp mặt nhau. Mà tôi sở-dĩ được biết bác Tần có dễ cũng là cái duyên trời đưa lại ; hay lắm ! quan bác ạ ! Giữa sáng hôm mồng hai tháng mười bác Tần ở Lộ-châu trở về, đường đi qua đây, nhân phải cảm vào nghỉ nhờ nhà-chùa, tôi thấy yếu nặng, phải giữ lại đây thuốc-thang chạy-chữa cho, mãi đến hôm rằm tháng mười mới khỏi, thì tình cờ lại gặp bác Đơn Hùng-tín đến đây làm lễ, liền đón bác Tần về bên Nhị-hiền-trang là nhà bác Đơn, để nghỉ ngơi uống thuốc, đến rằm tháng một thì mới thật được mạnh, song từ đó đến nay gặp cữ trời rét quá, mà bác Tần thì mới yếu khỏi, nên chúng tôi vẫn phải cố giữ ở lại chờ trời ấm lên một chút mới dám cho bác ấy về.

Ngụy mải nói chuyện quá, mãi đến đấy mới sực nghĩ tới, liền gọi pha nước chè và giọn rượu bưng ra. Hai người chén tạc chén thù, trò-chuyện vui vẻ lắm, mãi đến khuya mới bãi cuộc. Hôm sau, Ngụy vì bận việc không đi được, bèn giữ Kiến-uy lại ăn cơm sáng, rồi sai người đưa sang Nhị-hiền-trang.

Bữa đó trời rét, Hùng-tín với Thúc-bảo đương ngồi quây bên cạnh lò sưởi uống rượu thưởng tuyết, chợt thấy gia-đình vào nói có Phàn Kiến-uy ở Sơn-đông sang tìm Thúc-bảo, còn đứng đợi ở cửa ngoài. Thúc-bảo mừng lắm, vội vàng chạy ra đón. Hùng-tín cũng đi theo cùng ra. Anh em gặp nhau, tay bắt mặt mừng, lời tan-hợp nỗi hàn-huyên rối cả lên. Đoạn, Thúc-bảo giới-thiệu Kiến-uy với Hùng-tín, hai người thi lễ xong rồi cùng đi vào nơi thư-phòng.

Hùng-tín bảo gia-đình đốt thêm lò sưởi pha nước chè, giọn rượu bưng ra, rồi ba người cùng ngồi uống rượu. Thúc-bảo được tin mẹ già ở nhà đau nặng, có ý lo buồn, cả bữa rượu cứ ngồi thần người ra, không ăn uống chi được. Ăn xong, liền thu-xếp hành-lý, nói với Hùng-tín toan trở về ngay buổi tối, Hùng-tín nói :

— Cụ ở nhà mệt, bác phải kíp trở về, cái đó dệ đâu dám ngăn-cản, song dệ chắc rằng cụ nhà phải mệt chắc cũng chỉ vì lâu không thấy tin tức bác, lo-sợ quá mà sinh bệnh đó thôi, nay mà được tin đích rằng bác lấy còn ở đây thì chắc là chứng bệnh gì rồi cũng tự tiêu-tán hết ; đấy rồi bác xem ! Bác phải kíp về thăm cụ, là cố-nhiên rồi, làm con ai cũng

phải một lòng như vậy. Nhưng dệ thiết nghĩ chữ *hiếu* cũng có ba bảy đường, không phải rằng cứ tất thế mới là hiếu ; cái thân mình là phải thận-trọng mới được, mà nhất là bác thì lại càng phải thận-trọng lắm nữa. Lệnh-tiên-quân (bố) đường-đường một vị Đại-tướng Bắc-Tề gặp lúc quốc-vận gian-nan, nước tan nhà mất, liều mình mà giữ toàn đại-tiết, cái tấm tinh-trung ấy hẳn trời cũng soi thấu mà không nỡ để cho giòng-dõi người trung-thần đến phải tuyệt-diệt, còn để lại một mình bác dây để mà nối dõi sau này. Vậy thì cái mình bác bây giờ là hệ-trọng lắm, bác phải tự giữ gìn lắm mới được chớ ! Nay bác thấy tin cụ ở nhà yếu mà nhất định đòi kíp về ngay, bác về là phải lắm rồi, dệ đâu lại kiếm cớ ra để mà cố ngăn lại, không để bác về, bây giờ đương tiết đại-hàn, tuyết xuống dữ-dội như thế này, mà bác thì mới đau khỏi, người tiếng thế cũng hãy còn yếu lắm, nếu bác không nghe mà quả-quyết cứ đi liều, tôi thật lấy làm quan ngại lắm ! Bác thử nghĩ kỹ xem, nếu bác không nghe dệ mà đi bây giờ, ngộ vạn-nhất nửa đường xảy ra những sự ý-ngoại gì, có phải là tự mình đem hủi-hoại thân mình, mà lại làm khổ cho cụ ở nhà ra nữa không ? Dệ giữ bác, nhất định không cho về thật đấy ; nhưng là vì bác, mà giữ bác, mà không là phải thật cố giữ đâu, chỉ là xin khuyên bác nên để thư-thả, chờ cho trời ấm lên một chút và người thật mạnh đã, rồi hãy về thì hơn. Vậy thì bây giờ chi bằng bác hãy viết ngay một phong thư kể sự tình đầu-đuôi bác ở bên này trình để cụ biết, nhờ bác Phàn mang về trước hầu cụ, dệ chắc rằng cụ nhận được thủ-thư của bác là cụ sẽ được yên tâm mà vô-sự ngay, bác không phải quan-ngại gì về bệnh cụ nữa. Bây giờ không còn mấy ngày nữa đã tết đến nơi rồi, bác cứ đành lòng ở đây ăn tết với dệ, chờ cho ra giêng thật mạnh rồi hãy về, cũng chẳng phải vội gì kia mà ! Còn như việc quan, cũng chẳng vội gì ; chao ôi ! làm thế thì bác làm làm gì ? chuyến này về rồi bác cứ liệu lời trình cụ mà từ dịch quách đi cho rồi ! À ! mà còn cái công-văn thì bác cứ giao ngay cho bác Phàn đây, nhờ bác Phàn mang về, lên phủ-nha cũng kể sự-tình mình chưa về được, rồi nộp phắt ngay đi là được rồi, cần gì ! Dệ thiết nghĩ bây giờ bác hãy cứ nghe dệ, chỉ thế là ổn cả mọi đường.....

Phàn Kiến-uy nghe cũng lấy làm phải và cũng khuyên Thúc-bảo nên hãy nghe lời Hùng-tin ở lui lại để mình về trước.

Thúc-bảo ngồi thừ người ra nghĩ-ngợi hồi lâu, có ý ngần-ngại mà rằng :

— Thưa bác, bác dạy thế, dệ cũng xin vâng ; nhưng dệ đi làu ngày quá rồi, thật nóng ruột quá, nay mẹ già ở nhà lại phải đau như thế mà không về thăm được, thật không sao yên lòng cho được. Dệ tuy còn yếu thật, mà xem ra cũng đã khá lắm rồi, có thể đi được, vậy xin bác cứ để cho dệ về, dệ chắc trong mình có thể đi được, nên mới dám đi, chớ không phải là đi liều đâu, bác cứ cho thế, không ngại gì, dệ cũng tự mình phải mình giữ lấy mình nhiều.

Hùng-tin nhất-định không nghe ; Kiến-uy cũng khuyên-ngăn mãi. Sau Thúc-bảo tự thấy trong mình cũng còn yếu chưa thể mạo-hiểm đi ngay được thật, nên cũng đành phải nghe vậy mà ở lui lại, để Kiến-uy về trước.

Đoạn Thúc-bảo sang thư-phòng viết thư và soạn tờ công-văn, niêm gói cẩn-thận đưa gửi Kiến-uy ; Hùng-tin cũng vào nhà trong lấy ra 1 tấm trừu, 30 lượng bạc gửi Kiến-uy về biếu bà cụ thân-mẫu Thúc-bảo và 2 tấm trừu và 10 lượng bạc nữa để tiễn-chân Kiến-uy. Thúc-bảo và Kiến-uy cố từ-chối mãi, Hùng-tin nhất-định không nghe, sau hai người nể quá, đành phải nhận vậy. Sửa-soạn sẵn-sàng cả đâu đấy, ba người lại ngồi chuyện-trò mãi đến khuya mới đi ngủ.

Sáng hôm sau, Kiến-uy dạy sớm, uống nước ăn cháo xong, từ-biệt trở ra về. Còn Thúc-bảo thì đành ở lui lại nhà Hùng-tin.

Một hôm, Thúc-bảo ngồi buồn vô-sự, đương dạo quanh vườn hoa xem cây, chợt thấy Hùng-tin ở trong đi ra nét mặt có vẻ lo-nghĩ, hai người đứng nói chuyện phiếm một lúc, Thúc-bảo hỏi :

Chẳng hay hôm nay bác có việc chi, mà trông như có điều gì nghĩ-ngợi thì phải ?

Có ; dệ xưa nay vốn là người phóng-khoáng, không có chi là để bợn lòng hết. Từ bữa trưởng-huynh gặp sự không may xảy ra, thành ra buồn quá, lắm lúc muốn làm khuây đi mà không sao được, ấy cũng may mà giao này nhờ được có bác ở chơi đây, nên cũng khuây được đôi chút, chớ cái cảnh của dệ bây giờ thật lắm lúc nghĩ mà phiền quá ! Mà cũng kỳ thật, trong nhà gặp lúc vận đen nó lại hay rấp, phần thì trưởng-huynh như thế, lại phần thì tiện-nội (1), vợ chồng lấy nhau 6, 7 năm trời không sinh-nở chi cả, gần đây dã có mang, mà tới nay ngoại 11 tháng trời rồi không thấy sinh, vả người cứ một ngày một yếu mòn đi, thuốc-thang chạy-chữa đến mấy cũng cứ thế, các thầy lang cũng không biết ra làm sao mà chữa nữa ! Ở ngoài thì họ cứ cho là chuyện họa-phúc hóa mới có những cái tai-dị thế ; nhưng, bác ạ, dệ nghĩ như dệ thì rất là một người cẩn-thủ, nhất-sinh chưa dám có làm càn cái gì bao giờ, mà tiện-nội cũng vậy, là cháu gái quan cố Đô-đốc Thôi Trường-nhàn đấy, người thật hiền-hậu, có nết lắm, từ khi về với dệ, thật không ở mếch lòng ai bao giờ ; không biết vì sao mà bây giờ lại gặp sự chẳng may như thế này !

Vậy mà bấy nay dệ không thấy bác nói chuyện cho biết ; chẳng hay bây giờ bác gái vẫn uống thuốc ai ? Nhưng dệ tưởng cái đó tuy vẫn không phải là việc thường, mà xét ra từ xưa đến nay, hoài-thai lâu ngày như thế rồi mới sinh cũng đã có thấy, như bác gái bây giờ, tưởng bác cũng không phải quan-ngại, cứ tìm lấy ông lang nào cho thật chắc-chắn cẩn-thận, nhờ xem mạch cho thuốc, cốt bồi-bổ lấy người cho được mạnh lên là hơn ; còn sự sinh nở, thì cứ đành để vậy, như bông hoa đến ngày đến tháng chắc cũng phải nở, chẳng việc chi mà phải ngại.....

Hai người đương nói chuyện, thì thấy tên thủ-hạ chạy vào nói có một vị Phiên-tăng đến đứng ngoài cổng ngoài, nói là đi nhật độ-đường, vào xin cơm ăn. Hùng-tin và Thúc-bảo thấy nói vậy, cùng vội đi ra cổng xem, thì thấy một vị Phiên-tăng ăn-mặc rách-rưới hình-dung diện-mạo coi rất cổ-quái, lưng đeo cái

(1) là người vợ

khăn-gói, một tay cầm gậy chống, một tay cầm cái phèng-phèng, miệng thì lẩm-nhẩm niệm nam-vô phật.....

Hùng-tín mỉm cười mà hỏi đùa rằng :

Sao ? Nhà-sư đi đâu đấy ? Nhà tôi đây không sẵn cơm chay, nhà-sư ăn được cơm mặn vậy ; thì có sẵn lắm.

— A-đi-đà-phật ! tôi lỡ độ-đường tới đây, ngài có bụng cho ăn, thôi thì thế nào cũng xin vâng, tùy lượng ngài !

Hùng-tín sai người nhà lấy một rổ thịt trâu và một rổ xôi ra cho ăn. Phiên-tăng đương đói, ăn loáng cái hết sạch cả, đoạn rồi Hùng-tín hỏi :

Vậy chớ bây giờ nhà-sư đi đâu ?

Thưa ngài bây giờ tôi định sang Thái-nguyên rồi tiện đường tới Tây-kinh.

— Chẳng hay Tây-kinh là nơi liền dưới chỗ cốc-liên (1), nhà-sư có việc chi cần đến đó làm gì ?

— Thưa ngài, tôi nghe nói Thánh-thượng bây giờ mỏi-mệt, phàm các công-việc đều phó-thác cho Thái-tử tạm-nhiếp cả, mà Thái-tử thì vốn là người tinh tàn-ngược hay lắc-sắc lắm ; nên chi tôi có luyện được mấy liều thuốc, định chuyến này đem vào dâng để ngự-dụng.

(Còn nữa)

(1) Nghĩa là chỗ Hoàng-thành

KÍNH - CÁO ĐỘC - GIẢ

Bản-chí có lời kính-cáo cùng các bạn độc-giả có lòng yêu-mến bản-chí mà đọc báo từ đầu đến giờ, nhiều ngài chưa gửi giả tiền cho bản-chí vậy xin gửi ngay về cho bản-chí chủ-nhiệm thì bản-chí lấy làm cảm-tạ các ngài lắm lắm.

HỮU-THANH-TẠP-CHÍ

GÁI PHỤC THÙ CHA

(Cô-lông-ba thiếu-nữ)

Colomba par Prosper Mérimée

Bùi Huy-Cường dịch-thuật

(Tiếp-theo)

....Hai chị em Cô-lông-ba cứ lẳng-lặng bước đi, chẳng ai nói ra miệng song mỗi người ở trong lòng có mang một sự nghĩ riêng. Nhưng đi chưa được bao lâu thì đã tới một khu làng nọ, chị em cùng xuống ngựa vào hàng ăn cơm rồi tới một nhà cố-hữu nghỉ đêm. Nhà nọ tiếp đãi chị em nàng một cách đặc-biệt đến nỗi ai chưa từng qua chơi xứ Coọc thì dẫu nói ra cũng không thể tin được.

Đến hôm sau, người chủ nhà tiễn chị em Cô-lông-ba ra khỏi làng một dặm đất. Khi chia tay, người ấy có bảo Liếp-ba rằng :

— Trung-úy có trông thấy những ma-ky này không ? Ấy là những chỗ ẩn-thân cho những con người phạm luật đó. Một người có tội ở đó chừng mười năm cũng chưa vị tất đã ai là kẻ sen-đầm nã được ! Những ma-ky ấy ăn theo ra mãi rừng *Vi-da-lò*, và nếu ta lại có nhiều nơi quen biết ở quanh miền này thì không bao giờ lại thiếu-thốn một vật gì cả. Trung-úy có khẩu súng tốt nhỉ, súng này bắn tất xa lắm đấy ! Ui-chà ! Đạn ! Đạn lớn nhỉ ? Đạn này tất giết được những giống nên giết hơn là giống lợn-lòi kia đấy.

Liếp-ba chỉ lạnh-lùng trả lời người kia rằng :

— Phải, súng tôi là súng Anh, súng tôi nhắm được xa lắm thật.

Rồi hai người hôn nhau, chia tay từ biệt.

Khi hai chị em Cô-lông-ba đi đến một cái khe cách Bi-trăn-noa chừng nửa dặm nữa thì thấy một toán bảy tám người cầm khí-giới, người thì ngồi trên tảng đá, người thì nằm dưới bãi cỏ, người thì đứng rình một chỗ, người thì đứng nghỉ một nơi. Còn ngựa của họ thì đứng ăn cỏ ở một quãng xa. Cô-lông-ba lấy ống viễn-kính trong túi-da ra nhìn một lát, rồi vui-vẻ reo lên rằng :

« Thủ-hạ của ta đó ! *Lục-xi-ô* đã biết vâng lời ta lắm ! »

Liếp-ba vội hỏi :

— Ai là thủ-hạ của tả đó ?

— Những người chăn-chiên của ta ấy mà ! Chiều hôm kia, trước khi lên đường, chị đã cho Lục-xi-ô đi tụ-họp chúng ở chỗ này để nghênh-tiếp cậu về tận trong sóm. Vì không lẽ để cậu một mình từ ngoài ngàn dặm trở về nơi quê gương mà không có kẻ đưa người đón ! Vả chăng, cậu phải biết rằng quân nhà Bi-ly-sĩ chúng không từ một việc hèn-mạt nào đâu !

Liếp-ba nghiêm sắc mặt, bảo chị rằng :

— Thưa chị, đã bảo phen tôi xin cùng chị đừng nói đến nhà Bi-ly-sĩ và đến những sự nhờ-vực vô bằng cứ của chị với tôi nữa, thế mà chị cũng chẳng tha tôi chút nào, chị lại không bảo trước cho tôi biết, chỉ cho người đi tụ hội một toán vô-lại

kia ở đó để chờ đợi tôi, tôi khi nào lại ngốc đến nỗi để cho lũ khốn ấy cùng tôi vào đi về trong làng được !

— Cậu Liếp-ba ơi ! cậu đã quên xứ Coọc này là một xứ thế nào rồi đó ! Nên chi bổn-phận chị là phải giữ-gìn cho cậu trong khi cậu nhầm nhỡ hay là nhãng quên. Chị tất phải tự-tiện làm lấy những sự gì mà chị tinh nên làm chớ ! »

Đang lúc ấy, lũ mục-đồng nhìn rõ thấy chủ, cùng nhau nhảy lên lưng ngựa, phóng nước đại xuống dia sườn núi. Một lão già nhất trong bọn ấy, đầu bạc phơ mà người còn tráng-kiện, tuy trời nực thế mà trên đầu đội một cái mũ ny, trên vai vắt một cái aó dạ dầy hơn lòng chiên. Lão già ấy trông rõ ra ảnh-tượng của Liếp-ba trung-tá khi xưa. Song có ý to-lớn cứng-cáp hơn ít nhiều. Lão trông thấy Liếp-ba kêu to lên rằng :

— Kìa ! công-tử đã về ! Súng của công-tử hay lắm nhỉ ? Chắc rồi họ truyền-tục chớ chẳng không !

Rồi thì tất cả lũ mục-đồng đồng-thanh hò lên rằng :

— Công-tử ! Công-tử ! Chắc công-tử này làm đến việc chớ chẳng chơi đâu !

Một tên khác người vạm-vỡ, nước da đỏ như sắc gạch mới nung, cũng nói rằng :

— Công-tử ! nếu cụ nhà ta còn sống mà tới đây được nhìn thấy công-tử tráng-kiện nhường ấy cũng phải hởi-tâm đắc-chí như chúng tôi đây ! Con người mới quý-hóa làm sao chớ ! Nếu công-tử tin lời tôi để cho tôi tự-tiện xử nhà luật-sư từ trước thì có phải xong rồi không ? Nhưng mà công-tử lại không tin tôi, nay chắc cũng phải chịu tôi là có lẽ lắm thì phải.

Lão già đáp lại :

— Phải, nhưng để cho nhà luật-sư đợi chết một ít lâu như thế chúng ta cũng chẳng có thiệt gì đâu !

Rồi họ reo ầm cả lên : « Công-tử ! công-tử ! ! » Họ reo xong: họ bắn ra mươi, mười hai phát súng liên-hồi, nghe rất là ngu-ngơ dữ-dội.

Liếp-ba đứng giữa toán người ngựa đó khôn giằng phải chăng, vì họ cứ tranh nhau đưa tay đến bắt, mở miệng ra chào không còn phân-biệt ra làm sao cả, dành phải đứng lặng một lát lâu. Sau, chàng lấy cái oai-quyền khi đứng ở quân-trung truyền lệnh ra mà hò lớn lên rằng :

— Hỡi các bác ! tôi rất lấy làm hàm-mộ tấm lòng luyến-ái mà các bác đã đối-đãi với tôi và với cha tôi thuở nọ, song tôi dợi rằng, tôi muốn rằng các bác đừng khuyên bảo tôi điều gì gọi là có, là vì tôi đã biết những việc tôi nên làm rồi !

Bọn mục-đồng cùng nói :

— Công-tử nói phải đấy, phải phải! Công-tử có thể trông ở chúng tôi việc ấy được !

— Phải, tôi trông mong ở các bác lắm : nhưng hiện bây giờ thì tôi không phiền đến ai hết. Các bác hãy ai về việc người ấy đi, nhà tôi không có việc gì nguy-hiểm cần đến các bác cả. Vả chăng, tôi biết đường đi về Bi-trần-Noa, tôi không cần ai đi rẫn như thế !

Lão già khi nẫy nói tiếp lời trung-úy rằng :

— Phải, bận này Công-tử không sợ chi hết ; chúng chưa dám ra vội đâu. Mãn về thì tất chuột-chi phải chui vào tổ chớ !

Liếp-ba sám mặt mắng rằng :

— Anh là mãn ấy! Đồ già mà láo à! Tên anh là gì đó?

— Kìa, thế nào ? Công-tử không biết tôi ư ? Công-tử không nhớ rằng khi công-tử còn bé, tôi vẫn bế công-tử ngồi cùng lưng ngựa với tôi sao? Tôi là (*Lip-phô*) đây mà ! Cái thân già này dù sống thác cũng không khi nào rời nhà Liếp-ba đâu ! công-tử ạ. Công-tử cứ bắn ra một phát là thấy cái súng già này có trả lời lại ngay, công-tử đừng ngại, công-tử có thể vững-tâm trông ở nó được !

À ! Thế thì hay lắm ! được lắm ! Song hiện bây giờ ta không cần ai hết, các bác lui đi để chị em ta được tự-do đi về nhà chớ !

Lũ chăn cừu cùng đi xa ra rồi cùng theo lối Bi-trần-Noa phóng nhựa chạy ; nhưng đến chỗ đất cao nào chúng cũng leo lên để khám xét chung quanh xem có ai chủ-ý hai chị em Cô-lông-ba chăng ? Chúng tuy đi cách quãng xa, song xa thì xa vậy chớ không hề lúc nào xa đến nỗi chị em Liếp-ba cần đến mà lại không gọi thấu được !

Lão già Lip-phô đi được một quãng ngoảnh lại bảo chúng bạn rằng : « Ta vốn biết tính cậu ta mà ! ta vốn hiểu tính cậu ta mà ! cậu ta không nói những việc cậu ta định làm ra, song cậu ta đã quyết làm rồi kia đó ! Thật là cậu ấy hệt như Liếp-ba Trung-tá khi xưa ! Cậu nói rằng cậu không thù ai, mà chính cậu đã có cầu nguyện thần « Báo-phục » phù-hộ cho cậu rồi. Chà chà là sướng ! chỉ trong một tháng nữa cha con nhà Bi-ly-sĩ kia sẽ biết tay chúng tao, chúng tao chóc xương, lột xác bay ra mà xem ! »

Thế là Liếp-ba trung-úy cứ có một bọn mục-đồng đi trước mãi như thế về đến tận trong làng. Họ nhà Liếp-ba đã lâu vắng chủ, nay thấy trung-úy về, ai nấy kéo ra cổng làng đón đông như hội. Mà người làng thấy Liếp-ba về cũng bán tín, bán nghi kéo nhau ra đứng cổng nhà xem như đám rước. Còn nhà Bi-ly-sĩ luật-sư thì đóng cổng, đứng trong buồng nhìn qua khe cửa sổ trông ra.

Kể từ ngày ấy, Liếp-ba trung-úy trở về quê-hượng ở nơi sinh-trưởng vậy.

Xóm Bi-trần-noa cũng như phần nhiều những xóm khác ở xứ Coọc, nhà cửa đường đất thực không còn có trật tự nào cả. Nhà cửa thì chỗ này mười cái, chỗ kia giăm gian, đường-đất thì phố này một quãng, xóm kia một đoạn, không có thứ-tự hàng-lối, nhưng những nơi đô-hội đã nhiễm thói văn-minh.

Đứng ở một nơi cao, trông vào xóm Bi-trần-noa thì thấy bao những nhà cửa túm-tụm cả ở trên một khu đồi ; giữa khu đồi có một cây Sến xanh rất lớn, gần cây Sến ấy có một cái bể cạn bằng đá ong. Nước ở suối làng-diềng nhờ có một cái cống bằng gỗ chảy đến. Cái bể nước có ích chung cho cả xóm ấy là do nhà Liếp-ba và nhà Bi-ly-sĩ xây lên. Tuy nhiên, nếu ta tưởng rằng hai nhà ấy vì cảm-tình mà chung làm việc đó thì là ta lầm, hai nhà chính đã vì chút ghen-tỵ mà cả xóm được nhờ chút nước ăn vậy.

Nguyên khi còn mồ mả quan trung-úy Liếp-ba, ngài có nhân khi hội-đồng hàng tổng, cúng ra một món tiền để xây bể nước. Bi-ly-sĩ luật-sư thấy vậy sinh lòng ghen-tức cũng bỏ ra một món tiền ngần ấy để xây cống. Thế là hai bên thù-địch tranh nhau nhân đức mà cả xóm được hưởng hạnh-phúc vậy.

Ở chung-quanh cây sến nọ thì có một khoảng đất trống : đó là chỗ vườn hoa. Chiều chiều, những người vô-công rồi-nghề thường tới

đó tiêu phí thì-giờ. Họ cũng thường một đôi khi tới đó đánh bài, đánh bạc, song cứ mỗi năm một lần có hội Carnaval thì chỗ ấy lại là chỗ nhảy múa của khắp hàng tổng.

Hai bên đầu vườn hoa, có hai cái chòi cao ngất trời xanh, ấy là những chòi của nhà Liếp-ba và nhà Bi-ly-sĩ xây lên đối thủ cùng nhau vậy. Hai cái chòi ấy giống nhau như hệt, xây thì cùng xây bằng đá ong và kiểu-mẫu thì cùng một tay hoạ vẽ ra. Hai cái đó chưa phân bên nào thắng phụ cả.

Nay ta cũng cần nói vắn-tắt về hình thể của hai cái chòi ấy mới được. Hình chòi thì vuông bốn bề mà cao trót vót. Ở Bi-trần-noa thì họ gọi là chòi, chớ như ở những xứ khác họ chỉ coi là hai cái chuồng chim thôi. Từ mặt đất lên trên chòi, cách ba thước cao có một cái cửa rất đẹp, muốn lên tới đó phải chèo qua một cái thang rất bé. Trên cái cửa có một cái cửa sổ nhỏ. Cửa sổ ấy chung-quanh có song sắt dào kín, ta có thể đi ra đó chơi được, không nguy-hiểm chi hết. Vào giữa khoảng cửa sổ và cửa cái, có hai cái hình xây bằng vôi-trát. Một cái nữa là hình chữ thập xứ Gênes, nhưng nay mòn gẫy hết rồi ; còn một cái hình các đồ khí-giới ở trong nhà người có chòi có. Song những hình ấy bị nhiều phát súng bắn vào, hiện nay còn dấu vết để lại. À quên, những cái chòi ấy lại ăn liền vào mấy nhà ở, mà thường lại có đường đi ngầm sang nhà ở nữa.

Chòi nhà Liếp-ba thì ở về phía bắc vườn hoa, còn về phía nam là chòi nhà Bi-ly-sĩ. Từ khi vợ Trung-tá Liếp-ba mất, vườn hoa nọ thành tự-dưng chia ra hai khoảng : một khoảng từ gốc cây sến đến chòi phía bắc, một khoảng từ gốc cây sến đến chòi phía nam. Nhà Liếp-ba có đi chơi thì chỉ đi chơi ở trong khoảng chòi mình thôi, mà nhà Bi-ly-sĩ cũng vậy. Ta không từng bao giờ lại thấy một người họ nhà nọ lạc-lõng sang địa-hạn của nhà kia cả.

Khi đó, Liếp-ba trung-úy trở về, muốn đi qua cửa Bi-ly-sĩ cho chóng tới nhà thì Cô-lông-ba đưa mắt co lại, bảo phải đi một con đường hẻm khác, chớ không được qua cửa nhà thù như vậy.

Liếp-ba gắt với chị rằng :

— Sao ta lại phải phiền thế ? Chỗ vườn công này há không phải là chỗ của cả mọi người ư ?

Rồi chàng cứ việc thúc ngựa bước rẫn đi.

Cô-lông-ba thấy thế, bụng bảo dạ rằng :

« Em ta can-đảm thật ! Cha ta ắt rửa hờn được ! »

Khi đi đến chỗ vườn công, Cô-lông-ba đi vào giữa nhà Bi-ly-sĩ và em, có ý để liều mạng che-đỡ cho thân em. Mắt nàng lúc nào cũng không thấy rời xa đôi cánh cửa sổ chòi nhà Bi-ly-sĩ. Nàng lại mới thấy nhà Bi-ly-sĩ khoét những khe chòi, ý để thủ-thế. Những khe chòi đó, bên ngoài có rào cây chông-chất, cốt để người ngoài bắn vào thì vướng mà người trong bắn ra thì không mắt phát nào. Cô-lông-ba thấy vậy bảo em rằng :

« Kìa cậu ! cậu xem chúng nó hèn chửa ! Chúng nó đã giữ thế-thủ rồi đấy ! Nhưng mà đừng có lúc nào chúng phải thò ra ngoài thôi ! »

Liếp-ba đi qua trên khoảng đất thuộc về phía nhà Bi-ly-sĩ như thế, khiến cả sóm Bi-trần-noa ai cũng coi chàng là một kẻ thiếu-niên táo-tợn, khinh thường cái chết như cái

sống vậy. Sự đó thực là gây nên một cuộc đàm-luận vô cùng - tận cho những kẻ bàng-quan chiều chiều lại họp nhau ở dưới gốc cây sến. Họ bảo nhau rằng : « May cho Liếp-ba đấy ! May mà hai người con trai Bi-ly-sĩ chưa về đấy ; chớ như chúng đã về, chúng chẳng nhường-nhịn như luật-sư đâu, chúng thấy Liếp-ba qua địa-hạn nhà chúng như thế, chúng đã đòi *thuế thân* rồi ! »

Một ông lão thầy bói cũng ở tụm người ấy bảo những người khác rằng : « Rồi các bác coi đó mà coi ! Hôm nay ta nhìn mặt ả Cô-lông-ba có vẻ khác thường. Trong óc nàng có một sự nghĩ lạ. Ta ngửi thấy ở trên không-gian có mùi thuốc-đạn ; chắc chẳng bao lâu nữa, trong sóm Bi-trần-noa này lại có thịt tươi bán rẻ hơn đất bùn. »

Liếp-ba khi còn nhỏ đã phải xa-cách phụ-thân, nên chi chàng cũng không được rõ tính cho lắm. Năm 15 tuổi chàng đã phải rời xa quê-hương đi du-học binh-pháp tại Pise. Ấy chính vào khoảng ấy thì phụ-thân chàng đang tung-hoành cờ-sí ở khắp Âu-châu.

Chàng tuy ở nơi Binh-địa mà ít khi được gặp mặt cha lắm. Mãi đến năm 1815 chàng mới được cử sang đạo-binh của phụ-thân cai-quản. Song phụ-thân chàng rất nghiêm-khắc về đường binh-nhung, vì vậy đối-đãi với chàng cũng như với những hạng thiếu-niên trung-úy khác, nghĩa là ngài rất nghiêm-nhặt với chàng.

Chàng sở-dĩ nhớ đến phụ-thân chỉ có hai việc : một là khi còn bé, chàng thường được cha giao gươm cho đi cắt, hay là giao súng cho đi bỏ đạn ; cũng có một lần, chàng lại được cha cho ngồi cùng bàn ăn nữa ; hai là khi chàng tòng-chinh bên Pháp, chàng thường bị cha phạt rất nặng. Cha thường không gọi con là « con » mấy khi chỉ gọi là Trung-úy như những trung-úy khác thôi. Khi chàng phạm điều gì gọi là trái phép một chút, ngài thường ra lệnh rằng : « Trung-úy Liếp-ba ! thầy bỏ chỗ hiểm-yếu, thầy phải phạt ba ngày không được khỏi trại ! » ; hay là : « Lính của thầy để đứng xa nơi phòng bị quá, thầy phải năm ngày phạt ! » ; hay lại là : « Bây giờ 12 giờ 5 phút rồi mà thầy còn chưa bỏ mũ gác, thầy phải phạt tám ngày ! » Chỉ có một lần, chàng được phụ-thân khen một câu rằng : Tốt lắm ! Liếp-ba con ạ ! nhưng lần sau con phải khôn khéo hơn chút nữa nhé ! »

Nhưng những sự chàng nhớ lại kể ở đoạn sau cùng dây không phải là vì chàng về tới đất Bi-trần-noa mà sinh lòng cảm-tưởng đâu ! Chàng về Bi-trần-noa, chàng còn nhớ lại nhiều việc khác đáng nhớ cho chàng hơn lắm kia ! Nào là chàng nhìn thấy những nơi cố-tri với chàng trong khi còn nhỏ, nào là chàng trông thấy những đồ-đạc mà thân-mẫu yêu-quý của chàng dùng đến trong khi còn sống ; những sự nhớ ấy mới thực khiến cho chàng cảm-tình bồi-hồi lai-láng. Nhưng rồi chàng lại tưởng đến cái tương-lai mập-mờ u-ám của chàng : nào là chàng lo về nỗi chị Cô-lông-ba chàng chỉ mục - đích khuyến-rũ chàng vào con đường mọi rợ thôi ; nào là chàng nghĩ tới sự Ni-viên nữ-sĩ nay sắp đến thăm nhà chàng thì chàng lại bồi-hồi bồi-hồi trong dạ. Nhà chàng thì chàng coi bé hẹp quá không đủ cho một con người phong-lưu như Ni-viên nữ-sĩ đến nghỉ chọ một đêm. Chàng sợ

rằng nữ-sĩ thấy vậy mà khinh nhà mình chăng ? Ấy tất cả bao những sự nghĩ đó quấy rối óc chàng như một đám loạn-binh chàng khôn đường mà lui-tới, càng nghĩ lại càng luống những phân-vân buồn-bực...

Đến bữa cơm, chàng ngồi vào cái ghế bành-tượng bằng gỗ sến sơn đen của phụ-thân chàng trước, chàng thấy Cô-lông-ba theo cổ-tục không muốn ngồi đồng bàn cùng chàng thì chàng hơi nhếch mép cười. Cả một bữa ăn, chị chàng không nói một tiếng nào, mà tới khi rọn bàn, chị chàng cũng nghiêm-nhiên đứng dậy như thường, chàng lấy vậy làm sự rất lạ ; là vì chàng yên chí rằng thể nào chị chàng cũng sắp-sẵn lời nói để lừa chàng vào bẫy, chớ chàng có ngờ đâu lại ra như thế ! Thế mới biết rằng Cô-lông-ba không muốn vội quấy chàng, trong khi ăn uống, nàng có ý để chàng tĩnh-tâm hoàn-chỉ đã.

Chàng ngồi lặng yên như tờ, tay thì đỡ trán, óc thì nghĩ lại những truyện trong mười lăm hôm trước. Chàng thấy ai ai họ cũng hình như đợi mình trả-thù để họ xem, thì chàng rùng mình sởn gáy. Cái dư-luận của xóm Bi-trần-noa lúc đó tức là cái dư-luận chung của cả xứ Cọoc, cái dư-luận ấy bắt rằng chàng phải phục thù cho kỳ được, bằng không, ấy là chàng hèn nhát. Song, phục-thù ai? Ai là người giết cha chàng ? Chàng không thể nghi cho Bi-ly-sĩ được ! Vả chăng, chứng-cớ lấy ở đâu làm bằng-tắc ! Nhà Bi-ly-sĩ kia quả có cựu-thù với nhà chàng thật, nhưng nay nghĩ cho nhà ấy giết người thì vừa oan-uổng mà lại vừa quá-đáng.

Cũng có khi chàng giở bùa của Ni-viên nữ-sĩ ra coi, chàng lầm-bầm nói nhỏ trong miệng rằng: « Đời người là cuộc chiến-tranh » ; rồi chàng lại khẳng khái đáp nhỏ lại rằng : « Ta phải giữ sao cho toàn-thắng mới được ! »

Chàng nghĩ vậy, chàng hởi-tâm đắc-chí, chàng đứng phắt dậy, cầm đèn toan bước lên gác nghỉ thì thấy có người gõ cửa. « Bây giờ mà có kẻ đến chơi ! Không lẽ trong lúc đêm hôm này mình ra tiếp khách ! », chàng đương vẩn-vơ chưa biết nhất định thì Cô-lông-ba ở đâu đã tới nói rằng : « Không can chi, cậu ạ ! » ; rồi nàng chạy ra mở cổng.

Nhưng trước khi rút then, nàng cũng có ý hỏi nhỏ rằng : « Ai đấy ? » Bỗng nghe một tiếng thỏ-thẻ đáp lại : « Tôi đây ! ». Cô-lông-ba biết tiếng, chỉ trong hai phút, cửa đã mở rộng, nàng rẫn một đứa bé vào trong phòng khách. Đứa con gái nhỏ này, tuổi chưa đầy mười năm, chân đi đất, mình mặc áo rách tả-tơi, đầu buộc một cái khăn thủng lỗ-chỗ, tóc thì từng nạm bỏ rơi xuống vai, đen nhánh như cánh quạ. Con bé ấy trông thật là xanh-sao gầy-gò, mặt thì dám nắng đen xì, thế mà trông đôi con mắt, tia sáng thông-minh bựt ra như ánh lửa.

Con bé trông thấy Liếp-ba trung-úy, bỗng đứng dừng lại một cách rất quê-mùa, rồi cúi đầu chào xuống một cách rất cục-kịch. Xong, con bé nói nhỏ cùng Cô-lông-ba một vài tiếng và đưa cho nàng một con trĩ vừa mới giết được.

Cô-lông-ba nhận trĩ, nói rằng:

— Cám ơn em Si-lý lắm ! Cám ơn chú em lắm ! Chú em có được mạnh-giỏi không ?

— Chú tôi mạnh-giỏi lắm, thưa cô ạ ! Chú tôi còn mạnh-giỏi nữa để hầu-hạ cô kia ! Tội đến trễ thế này là lỗi tại chủ tôi. Tôi ngồi đợi trong ma-ky vừa đúng ba giờ đồng-hồ mới thấy chủ tôi hiện ra...

— Thế ra em chưa cơm-nước à ?

— Thưa cô, chưa ! Tôi làm gì có thời-giờ ăn kịp được bữa cơm nữa !

— Để chị cho người giọn cơm em ăn. Thế nào ? chủ em còn lương thực chăng ?

— Chủ tôi còn ít lương lắm, cô ạ. Song, lương-thực chưa cần mấy, là vì mùa boa-quả đã tới, chủ tôi có thể lấy tiêu-sài được. Hiện nay chủ tôi chỉ thiếu ít thuốc đạn thôi.

— Để chị đưa bánh và thuốc đạn cho chủ em. Em phải rặn chủ em tằn-tiện thuốc-đạn lắm mới được đấy, vì thuốc-đạn bây giờ khó mua lắm kia !

Liếp-ba đứng nghe truyện, sau dùng tiếng Pháp hỏi chị rằng :

— Chị đem lương và đạn cho ai thế ?

Nàng Cô-lông-ba cũng dùng tiếng Pháp đáp rằng :

— Chị cho một tên cướp khốn-nạn ở trong cùng làng này. Con bé này là cháu tên cướp ấy đó.

— Tôi thiết-tưởng rằng nếu chị dùng lương-thực mà cho những kẻ nghèo đói khác lại con hơn ! Chị đem súng đạn cho một tên cướp rừng để nó phạm nhiều tội sát nhân nữa, thật chị không biết suy nghĩ một chút nào cả. Nếu mà ở làng ta đây không ai đối đãi với quân cướp bóc một cách hèn kém như thế nữa thì chẳng mấy lúc mà xứ Cọoc này sẽ hết các người ngu xuẩn họ theo hủ-tục như dui, như mù vậy.

— Nhưng mà những quân cướp-giặc có phải là những quân khả-bỉ nhất ở nước ta đâu !

— Vậy thì chị lấy lương-thực đem cho nó vì lương-thực thì dẫu ai xin cũng phải nên đem cho cả ; song còn như thuốc-đạn, tôi không bằng lòng chị đem cho nó đâu !

Cô-lông-ba nghiêm sắc mặt đáp rằng :

— Em ơi ! Em nay là chủ nhà nầy, ở trong nhà có vật-thực gì là của em cả ; song chị nói trước cho em biết rằng, nếu chị không có thuốc-đạn cho tên cướp ấy, chị thề rằng sẽ cởi áo này cho nó bán đi, để lấy tiền mua thuốc-đạn lấy vậy. Không gì tệ bằng không cho một tên giặc thuốc-súng nữa. Nếu vậy chẳng thà bắt nó mà trình cho sen-đầm xong. Nếu nó không có súng-đạn, thì hỏi còn lấy ai bênh-vực trở-che cho nó nữa không ?

Hai chị em Cô-lông-ba đang khi trò-chuyện thế, thì con bé kia, miệng nhai lấy nhai để một miếng bánh lớn mà mắt hết nhìn Cô-lông-ba lại nhìn Trung-úy. Nó nhìn thế là chủ để xét dáng điệu hai người kia xem ý muốn nói gì vậy.

Sau Liếp-ba hỏi chị rằng :

— Vậy sao thằng giặc của chị lại phải ẩn-mình trong ma-ky ? Nó phạm tội gì kia đấy ?

— *Ban-lạc-xô* không phạm tội chi hết ! Hắn sở-dĩ phải vào ma-ky trú thân là vì hắn giết tên Mỗ kia đã hại cha hắn trong khi hắn còn đang ở nơi chiến-địa.

Liếp-ba quay đầu ra đàng khác, cầm lấy cây đèn rồi không nói nửa lời nào nữa, cứ lẳng-lặng bước lên phòng ngủ. Còn Cô-lông-ba thì lấy lương và đạn đưa cho con bé, rồi

rắt nó ra cửa mà dặn nó rằng : « Em phải bảo chủ em phải hết sức giữ-gìn cho tính-mệnh Liếp-ba trung-úy mới được nhé ! »

XI

Liếp-ba nằm mãi mới ngủ được, nên chi đến sáng hôm sau dậy trưa quá. Chàng vừa mở mắt nhìn qua cửa sổ, đã trông thấy chòi nhà thù-nhân xây cao trót-vót, mà bao khe chòi đã rào rậu kín như bưng cả. Chàng bước xuống thang, hỏi chị Cô-lông-ba ở đâu, thì một tên con đỏ chạy ra đáp rằng : « Thưa cậu, cô con đang đúc đạn ở dưới bếp ạ ! » Thế là chàng không thể bước một bước chân mà lại không gặp một sự gì nó khiến chàng để tâm đến việc chiến-tranh cả.

Chàng vào bếp thấy chị đang ngồi trên một cái bục gỗ, chung quanh mình đầy những đạn cùng thuốc, mà tay nàng thì đương cắt những mẩu chì bằng một con dao nhọn. Chàng bèn hỏi :

— Chị làm quái gì thế, chị ?

Nàng dịu-dàng đáp :

— Cậu chưa có đạn vừa vào khẩu súng của quan trung-tá cho cậu ; vậy mà may làm sao tôi lại tìm được một cái khuôn đạn bằng thế, tôi liền đúc ngay ít nhiều. Trong nội ngày hôm nay, cậu cho thể lấy được hai mươi bốn viên đạn đó.

— Trời ơi ! tôi cảm ơn chị ! Tôi có dùng đạn mà làm chi đâu !

— Cậu không nên để cho chúng bắt gặp mình mà trong tay mình không có lấy một viên đạn nào !

Cậu há không nhớ rằng cậu ở đây là ở xứ nào và ở chung quanh những người thế nào ư ?

— Tôi chưa kịp quên thì chị đã nhắc lại tôi rồi, sao tôi lại có thể không nhớ đến những sự ấy được ! Này thôi chị ! Có phải trong mấy hôm trước, chị nhận được một cái hòm lớn của em gửi về không ?

— Có, tôi có nhận được, cậu ạ ! Để tôi mang hòm đó lên phòng cậu nhé !

— Chị định mang cái hòm ấy lên à ? Tài nào chị lại có sức mạnh đến như thế được ! Chị dẫu nhấc nó lên một tý cũng không nổi, chớ đừng nói đến sự mang nó nữa ! Ở đây có phu không nhỉ ? chị nhỉ ? Ta phải thuê chúng mới được !

Cô-lông-ba vội đáp :

— Cậu chớ tưởng chị yếu-ớt như thế đâu !

Nàng nói vậy, sắn hai tay áo, cánh tay để hở ra vừa trắng lại vừa tròn, mà coi thật có vẻ vạm-vỡ lạ thường. Nàng tay mó vào hòm, miệng bảo dấy-tớ rằng :

— Đồ, mày mang đỡ tao một đầu thôi !

Liếp-ba chưa kịp đến nơi đỡ chị, chị đã nâng bổng hòm lên rồi. Chàng vừa khiêng với chị, vừa bảo chị rằng :

— Ở trong hòm này, em có mua một thứ quà biếu chị. Song nếu chị thấy nó không được vừa ý lắm, chị cũng nên tha-thứ cho em, là vì rằng tất chị cũng biết lương của một viên trung-úy bị thải-hồi như em đây chẳng to là bao nhỉ ! !

Chàng vừa nói xong, hòm đã đến gác, chàng vội lấy khóa mở hòm cho chị xem...

(Còn nữa)

THỜI-ĐÀM

Cuộc du-ngoạn vụng Hạ-long (1)

Ông Lê-ngọc-Giản Phó Hội trưởng hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp đã tổ chức nên cuộc du-ngoạn cho các Hội-viên cùng thân-bằng quyến-thuộc Hội-viên đi chơi xem những cảnh-trí thiên-nhiên, những nơi hữu-tình sơn-thủy tại vụng Hạ-long (baie d'Along).

Các nhà du-ngoạn cộng được 82 người tối thứ bảy 20 Mai từ Hanoi đi xe hỏa hạng ba xuống Haiphong, các ông Hội-viên cùng các bà Hội-viên Chi-hội Haiphong ra nhà ga đón đông lắm, gặp nhau tay bắt mặt mừng tỏ tình thân-ái.

Bảy giờ sáng hôm chủ-nhật 21 Mai 1923 xuống cả chiếc tàu « Rubis » thuê của công-ty Chalandage tức là nhà P. Roque cũ, là một chiếc tàu một bánh xe, trọng-lực 80 tấn, có sa-loong, phòng ăn, 8 cái phòng riêng có giường nệm, phòng tắm, phòng tối để chụp ảnh, quạt máy, đèn điện, vân v.., thực là đủ cách phong-lưu cho các nhà đi chơi. Hai đầu tàu có hai lá cờ to hiệu « Công-Thương đồng-nghiệp hội », trên mái tàu có treo cờ đồng-minh, xung-quanh tàu có cắm cờ Đại-Pháp và cờ Đại-Việt, trông rất rực-rỡ. Lúc tàu « Rubis » làm-hành ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi và bà Nguyễn-huy-Hợi có việc qua Haiphong, ông Phó Hội-trưởng Chi-hội Haiphong Vũ-đức-Hồi, ông Tổng Thư-ký Chi-hội Haiphong Nguyễn-đức-Hân và bà Nguyễn-đức-Hân, ông Hội-viên Văn và nhiều ông nữa ký-giả không nhớ hết tên, cùng xuống tận dưới tàu tiễn đưa các bạn đi du-lịch. Ông Vũ-đức-Hồi có tặng các du-khách một hòm xàm-banh. Ông Lê-ngọc-Giản, ông Nguyễn-Thống, ông Nguyễn-Long, ông Trần-đức-Mưu là bốn viên-chức trong hai tòa Trị-sự Hanoi và Viétri có thay mặt hết cả các bạn mà cảm ơn ông Nguyễn-huy-Hợi, ông Vũ-đức-Hồi, ông Nguyễn-đức-Hân, ông Văn cùng các ông Hội-viên khác, và bà Lê-ngọc-Giản, bà Nguyễn-Long có cảm ơn các bà Hội-viên đã ra bến tàu tiễn-đưa. Dùng dằng chưa nỡ rời tay, tình hữu-ái nước non này chưa dễ tạc.

Đúng 8 giờ 15 phút, tàu « Rubis » khởi-hành từ bến tàu Tây-điếc mà chạy ra Quảng-yên, đỗ mấy phút rồi lại chạy ; chừng 1 giờ hơn thì bắt đầu trông thấy núi đá, qua hang Muối-cắn, núi Ông Sư, núi Bà Vãi, và nhiều hang cùng núi nhỏ nữa, song tàu chỉ chạy qua thôi. Đến hang Đầu-gỗ (tiếng Pháp gọi là *Grotte des Mer-*

(1) Ông Kính-dài Nguyễn-Thống có định xuất-bản bài « Hạ-long du-ký » có in cả ảnh và nói tường về cuộc du-ngoạn này, vậy các bạn có dự cuộc du-lịch ngài nào có ảnh riêng được cảnh nào đẹp hay có nhận ra sự gì hay xin cứ gửi về cho ông Nguyễn-Thống, Tổng Thư-ký hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp tại hội-quán số 58 Phố Hàng Bông-Hanoi, bài du-ký này sẽ được nhờ các ngài mà nên hoàn-toàn vậy. Ngài nào muốn mua ảnh xin cứ hỏi tại hiệu Hưng-ký Phố Cửa Đông-Hanoi. Giá ảnh 18 x 24 hiệu ấy định 1 p.00 một chiếc, 5 p. 00 nửa tá, 7 p. 00 một tá, cả thảy có tám cảnh, mới in thử mà trông đã đẹp lắm.

veilles) thì mới đỗ lại, du-khách xuống cả xuồng và thuyền bơi vào xem hang. Núi đá chót-vót từng cao, cửa động trông xâu thăm-thẳm. Xem một lúc lâu lại chở thuyền ra tàu đi vòng sang động Thuyền-lườn hay là hang Luồn (tiếng Pháp là *Grotte de la Surprise*) cửa vào hẹp mà trong rất rộng, có lối đi quanh xuống xâu lại có đường đi lên trên đỉnh núi mở rộng trông ra bể, tục gọi là lối lên trời. Nhà chụp-ảnh chuyên-môn Hưng-ký có chụp nhiều tấm ảnh ở hai nơi động này. Xem song động Thuyền-lườn, tàu quanh về Hongay thì đã gần tám giờ tối. Khi tàu về Hongay, đứng trên tàu trông rõ cả những núi Nghĩa-địa, núi Hòn-oán, núi Cô-cò có hang Suốt, hang Đình, núi Bài-thơ vân vân, là các núi cùng hang ở gần miền Hongay. Ông Nguyễn-công-Trực Hội-trưởng Chi-hội Hongay có cho đem thuyền ra đón các viên-chức trong các tòa Trị-sự xuống dự tiệc cơm tây tại nhà nghỉ mát của ông ở chân núi Bài-thơ và các Hội-viên Chi-hội có tiếp đón các bạn đi du-lịch, song phần nhiều các bạn đã dùng bữa cả rồi nên các viên Trị-sự có cử ông Phó Hội-trưởng Lê-ngọc-Giản và ông Tổng Thư-ký Hội-chánh Nguyễn-Thống xuống nhà dự tiệc để đáp lại tấm thịnh-tình ấy và nhân tiện bàn-bạc các công-việc hội cùng các bạn Hongay. Các Hội-viên xuống Hongay vào chơi, ông Hội-trưởng lại thết tiệc xâm-banh, thực là vui-vẻ quá, mãi đến khuya các bạn mới từ-giã nhau để đi tắm nước bể cùng trở đò đi xem quanh-quanh đó vì trăng sáng mùng sáu, ve trời quang-đãng, cảnh tối mờ song cũng đẹp vô-ngần.

Trong ban đêm các bạn ở trên tàu đốt pháo hoa-hồ chơi; sáng rực cả một góc trời những non cùng nước.

Năm giờ sáng hôm thứ hai, các bạn ước hẹn tụ cả lại ở Phố Đường-Xe để đi xem mỏ, song vì tàu hỏa của Sở Mỏ-Than không đủ chỗ ngồi nên phải chờ đến chuyến sau. Trong khi đợi, các bạn đi xem các sở giấy, các nhà máy làm than, các xưởng thợ và phố-xá ở Hongay. Đến chuyến tàu 8 giờ sáng, các bạn phần nhiều lên tàu đi xem các nơi mỏ Hà-sú, Sở-Mới và Núi-Béo, tàu đi vào hai giẫy núi than đá ánh-sáng mặt trời chiếu vào trông lấp-lánh như động lưu-ly. Đến Hà-sú có ông Nguyễn-Thống, ông Thạm Độ, ông Cự-Hiên và ông Hoà xuống tàu thì gặp ngay ông Tổng-ngọc-Mai, soạn-giả quyển văn « Sợi-tơ-đào » xưa nay chỉ biết tên mà chưa biết mặt cùng ông Trần-đông-Bắc làm Thầu-khoán ở Hongay. Hai ông Hội-viên gặp các bạn Hanoi thì vui mừng quá, nhất là ông Nguyễn-Thống và ông Tổng-ngọc-Mai gặp mặt nhau thì tấm cảm-tình lại thêm chan-chứa. Ông Mai và ông Bắc đưa các bạn đi xem nơi mỏ khi đầu mới phá-thiên-hoang, cách 15 phút tàu ở Núi-Béo chạy về, các bạn lại lên tàu cùng ông Mai chia tay. Ông Bắc cũng lên tàu tiễn các bạn về tới Hongay và xuống tàu « Rubis » tỏ tình thân-ái một lúc lâu rồi mới xuống thuyền về.

Trong khi đi xem mỏ cũng có một phần du-khách vì đã mệt nhọc quá nên ở lại Hongay thuê thuyền đi xem các hang núi quanh miền đó.

Đến 10 giờ tàu « Rubis » khởi hành về Haiphong, khi qua Quảng-Yên đã quá 3 giờ chiều, ông Lê-ngọc-Giản mở tiệc xâm-banh mời tất cả Hội-viên gia-quyến cùng các bạn và nói rằng : ông tổ-chức cuộc du-lịch này được anh em đồng-sự cũng biểu-đồng-tình động như thế này lại nhân có ông Phó-Hội-trưởng Chi-hội Haiphong Vũ-đức Hồi có đưa một hòm xâm banh biếu anh em đi du-lịch đã có vẻ hoàn-toàn nên ông xin cảm ơn cả các bạn đồng-nghiệp và tất cả các anh em cùng các bà dự-cuộc du-lịch này và nếu có điều gì sơ-xuất xin tha thứ cho. Các bạn du-lịch đều đồng thanh cảm ơn ông Lê-ngọc-Giản đã tổ-chức ra một cuộc du-lịch này xưa nay không có bao giờ mà lại được một vẻ rất là rực-rỡ cho hội Công-Thương Đồng-Nghiệp.

Tám giờ tối các bạn tựu ra nhà ga để lên Hanoi. Các ông các bà Hội-viên Chi-hội Haiphong cũng ra ga tiễn-biệt các bạn đông lắm, ký-giả chỉ biết tên hai ông Phó Hội-trưởng Nguyễn-xuân-Đài và Vũ-đức-Hồi, ông Tổng Thư-ký Nguyễn-đức-Hân và bà Nguyễn-đức-Hân, ông Vấn-tấn Ủy-viên Nguyễn-thái-Định, ông Phó Thư-ký Đặng-văn-Ngần, các ông Hội-viên Văn, Nguyễn-đình-Kao, Trần-Quý vân v... Ông Phó Hội-trưởng Lê-ngọc-Giản và ông Tổng Thư-ký Hội-chánh Nguyễn-Thống lại thay mặt các nhà đi du-lịch mà cảm ơn các bạn trong Chi-hội Haiphong một lần nữa.

Đây là bản-chí mới nói qua về cuộc du-lịch vịnh Hạ-long này mà thôi, sau sẽ có bài du-ký của ông Kính-dài Nguyễn-Thống xuất-bản nói tường-tận rõ-ràng hơn.

Bắc-kỳ Tư-vấn Nghị-viên kỳ tuyển-cử mới rồi

Danh-sách các ông Nghị-viên Tư-vấn Bắc-kỳ ta kỳ này, tới nay quan Thống-sứ vẫn chưa duyệt-y, vì còn phải xét lại việc bầu-cử ở mấy hạt có người khiếu-nại. Có hạt thì khiếu-nại về sự giật phiếu, mua phiếu, có hạt thì tranh dành nhau đến nỗi sinh ra ẩu-đả, hạt thì người ứng-cử không hợp lệ tuổi, hạt thì mở phiếu trước giờ, hạt thì người ra ứng-cử làm đại-biểu vào ban thương-mại, mà môn-bài chưa có hoặc lấy chậm v...v...

Hiện nay quan Thống-sứ đã cử một Hội-đồng để phúc-thẩm lại việc bầu-cử này, rồi mới duyệt-y và công-bố vào quan-báo.

Số Nghị-viên bầu toàn hạt Bắc-kỳ là 99 ông, 65 đại-biểu thứ-dân và 34 đại-biểu môn bài. Số người ứng cử Nghị-viên là 266, bên thứ-dân 183 người và bên môn-bài 79 người.

Số người dự bầu bên thứ-dân : **26.447.**
môn-bài : **18.833.**

Số người đến bầu về bên
thứ-dân : **17.141.**
môn-bài : **10.178.**

Chỉ nay mai là ta có thể biết đích-xác được những ông nào trúng-cử.

Về một sự bầu-cử Nghị-viên ở nước ta mấy năm nay càng thấy rắc-rối lắm, những ông đi bầu, chưa chắc ai cũng biết hết lệ-luật nước, những ông ứng-bầu, chưa chắc ai cũng biết hết nghĩa-vụ mình; mãn-khóa này đến khóa kia, tưởng đến bây giờ thì dân ta đã thâm-hiểu và thận-trọng lắm rồi, ai ngờ mỗi ngày một tệ, tức như kỳ tuyển-cử mới rồi, có nhiều hạt sinh ra lắm chuyện lôi-thôi, đến nỗi đem cái danh-nghĩa một chức Nghị-viên làm một món đồ « mua được bán được », thanh-giá không còn, nghĩa-vụ không biết, còn nói gì thay mặt cho dân, giúp ích cho nước nữa. Bản-chí cũng không cần gia một lời nghị-luận nào, chỉ xin lược-dịch bài sau này ở trong báo *France-Indochine*, để biết dư-luận người Pháp đối với việc bầu-cử Nghị-viên ta, có một cái thái-độ công-bằng và sốt-sắng lắm.

* * *

« Ngay hôm chưa bầu cử Nghị-viên, tôi đã bày-vẽ cái cách-thức bầu-cử phải cần thế nào. Tôi lại thuyết-minh cả cái ý-kiến của những người An-nam đương sốt-sắng về việc mở mang trong xứ, họ muốn thấy rằng : dân cũng được dự vào các công việc thi-hành có ích-lợi cho cả chúng dân, mà những người thay mặt dân ra dự

vào những công-việc đó tất phải hiểu trách-nhiệm mình là to, thanh-giá mình là lớn, và phải có đủ nghị-lực làm cho xứng chức mình, mới mong có ích cho dân được. Nhân tiện, tôi lại giải rõ cả mọi lẽ rằng : cái tình-trạng bảo-cử bây giờ như thế này, là không còn tin-dụng gì nữa, vậy Chính-phủ phải đảm-nhận một cái trách-nhiệm to ở trong đó. Ấy là tôi mới nói qua-loa đó thôi, chớ thật ra, muốn tổ-chức cái Tư-vấn Nghị-viện cho hoàn-toàn,it ra cũng phải bằng một quyển sách mới đủ. vì cái Nghị-viện này của người Annam còn nhiều chỗ đáng chê, nhiều cái khuyết-điểm cần phải bổ vào, nhiều sự làm càn cần phải trừ bỏ, và nhiều sự trái lệ cần phải sửa lại lắm. Bây giờ là đến lúc phải chấn-chỉnh lại rồi. Cần nhất là mấy người trước-thuật có tài, tất phải hiểu hết tình-hình trong xứ và tâm ý của dân, nhiên-hậu mới bàn đến điều gì trái điều gì phải, để trừ mấy cái tệ về sự bầu-cử Nghị-viên, và phải làm sao cho Nghị-viên được đứng vào cái địa-vị quan-trọng, hợp với chương-trình của nền chính-trị, nghĩa là phải làm cho dân, về mặt xã-hội và chính-trị, đều được cải-lương tiến-bộ cả.

« Đây tôi cũng chỉ kể qua vài việc mà nếu nhà-nước muốn giữ cho Nghị-viên khỏi mất tín-dụng thì nên chú-ý đến. Kỳ bầu - cử ngày 15 Avril mới rồi, nhiều người không dự-bầu, cũng là cái cớ làm sao mà thế, tôi cũng không nói làm gì. Trước nói cũng đã đủ rồi. Nhưng cũng cần phải có mấy lời dược-thạch để thi-hành, mà nếu đem ứng-dụng thì tôi chắc không bao lâu sẽ xửa được những cái tệ nó đã làm cho người ta bình-phẩm chẳng ra gì, các ông ra ứng cử chỉ coi cái chức Nghị-viên hình như là một cái nguồn lợi.

Ở bên Pháp có lệ định rằng các ông Nghị-viên hễ còn đương chức, thì không được hưởng có cái ân-điển đặc-cách gì. Tuy điều đó trong luật không có nói,song lệ định cũng nghiêm lắm, cứ xem như việc thưởng Bắc-đẩu bội-tinh về kỳ Đấu-xảo Marseille mới rồi, thì ta cũng thấy một cái gương rành rành ra đó. Sao đối với các ông đại-biểu lại Nghị-viện bản-xứ lại không làm như thế? Các ông này không có cái quan-hệ trọng-đại như các ông Thứ-dân Nghị-viên hay là Nguyên-lão Nghị-viên bên Pháp, trong việc cầm cái vận-mạnh quốc-gia các ông cũng không có một phần to lớn thực. Song cái lệ kia cũng không phải không thích-hợp, mà nếu có chỉ dủ thi-hành thì chắc cũng không có ngăn trở gì. Giả mà định rằng trong khi các ông Nghị đương tại chức thì không được huy-chương gì, không được phẩm-hàm gì, cũng là không được hưởng có những việc trưng-thầu hoặc cho mình hoặc cho người nhà mình thì chắc rằng trong sự lập ra một cái Nghị-viện hoàn-toàn sẽ tiến-bộ được một bước dài vậy. Những người đi bầu tinh-quái chắc không nói được rằng nhà-nước muốn mua chuộc lòng các ông Nghị cho nên đãi với các ông rộng-rãi ; cũng lại không có thể tiếu-ngạo được rằng ông Nghị này lúc mới ra ứng cử thì nghèo xơ nghèo xác, thế mà ba năm sau đến chốn tuyển-cử thì đã nhờ được có việc trưng này hoặc lô thầu kia trở nên giàu to, rồi khuếnh-khoàng khoe mình để rải-rác cái thế-lực của mình ở những nơi quyền cao chức trọng. Chắc cũng không thấy có những ông đốt đặc một chữ không biết mà ngực deo Hàn-lâm bội-tinh (Palme académique) cũng là những ông bồi cựu-triều cũng cái áo chát những mày-đay Canh-nông (Mérite agricole) cũng là những cái huy-chương rực rỡ khác, vì các ông ấy là Nghị-viên. Những người Annam hay săn-sóc việc người thích tự-do làm việc, tất sẽ vẫn công nào việc ấy. Như vậy họa may mới có những người ra ứng-cử không có bụng tư vị mình, chỉ là bởi tấm lòng thành mong làm nên ích lợi mà muốn ngồi vào cái ghế đại-biểu kia.

Tất cả các người ấy tuy không toàn là vô tư-vị đâu. Song những điều quá lạm cũng sẽ thấy bớt nhiều.

Lại còn một điều cần phải cải-lương bắt khả khuyết nữa, là điều cải-lương làm cho trong sự chia các khu bầu-cử, cái giới-hạn những hạt nào cũng là số người đi dự bầu, đều phải khoảng cả. Hãy xin lấy ngay một thành-phố Haiphong ra mà nói, đủ thấy có điều khuyết-hãm rồi, ở Haiphong có một khu bầu-cử có mười một người dự bầu. Thế mà người ra đại-biểu khu ấy được đến mười vé bầu ! Mà quái lạ thực, không biết Nghị-viện cấm-tình thế nào mà chính cái người được bầu ở khu ấy vẫn được tôn lên làm Nghị-

trưởng đã từ mười năm nay ! Có người quyết đoán rằng năm nay người ấy lại sẽ được làm Nghị-trưởng nữa kia đấy. Các ngoài cái phẩm-cách của người ấy xứng-đáng với cái địa-vị ấy. Nếu những người trúng cử thực biết trọng cái chức-vụ của mình thì khi tìm một người đứng đầu có tư-cách hơn, tất sẽ phải kén chọn lại, không trọng ở những cái danh-vọng hão-huyền, mà chỉ vì những quyền-lợi của quốc-dân để kén lấy người đích-đáng.

Trong các điều quá-lạm khác, lại còn một điều này cũng nên trừ tuyệt đi nữa. Đó là sự mua bán vé bầu mà ta đã thấy ở trong nhiều hạt. Ý-kiến người bản-xứ cho rằng: những người đi bầu nhà-quê học-thức về chính-trị thì chẳng biết gì, mà lắm người đến sự đi bầu cũng không hiểu là nghĩa lý gì cả, đối với những người ấy thì phẩm-vọng hay học-thức cũng chẳng vào đâu : tiền là hơn hết. Cứ theo như lời của nhiều người An-nam thông-tin thì khó mà ức-đặc được cái số bầu-cử mất tiền nhiều là bao nhiêu. Về các phi-khoản của những người ra ứng-cử, họ kể những số tiền rất to. Không lẽ các quan đại-biểu của nhà-nước không biết đến những cách hành-động ấy. Lấy được chứng cớ rõ-ràng thì cũng khó thực, song cũng không phải là không thể lấy được. Nhà nước tra xét cho đích - xác những việc ấy rồi lấy luật-pháp trừng-trị rất nghiêm những kẻ làm sự dan-trá, thì thực là treo gương tày liếp cho ai nấy đều phải soi vào. Như nhà nước cũng tránh khỏi cái tiếng vu oan rằng chỉ muốn có những người đại-biểu ngu-si để muốn làm gì được nấy.

Trong những sự bầu-cử lại cũng còn lắm cấp nữa, họ muốn cho đỡ huyên-náo, sợ có những cái thảm-trạng xảy ra, họ bèn dùng đến những cách dan-trá trăm vành trăm vẻ cũng như ở các thuộc-địa cũ của ta trong những thời-đại đổi-bại. Có nhiều người coi về việc bầu cử ở đấy cũng như những người coi về bầu cử ở Guadeloupe và Inde rất khéo về sự làm cho những kẻ đã chết rồi hoặc là xa-vắng cũng đi bầu. Ấy chính là việc xảy ra ở tỉnh Hà-đông mới rồi, nhất là về khu Thanh-trì, Đan-phượng, Hoàn-long. Ở đó, hôm bầu cử, (15 Avril) không ai xem-xét căn-cước những người đi bầu ; họ dùng những thẻ giả-mạo (người ta đoán chắc rằng những thẻ này phải mua mất tiền) để vận-động cho một người ứng-cử. Một người ứng-cử cạnh-tranh với người có những phiếu-bầu quái-lạ ấy, khi một giờ chiều biết việc đó, liền đến khiếu-nại. Ba người mang những thẻ không phải của mình ấy đến, khi người ta hỏi đến căn-cước thực của mình, luống cuống nghĩ chỉ còn có phương tẩu-thoát là hơn, bèn bỏ thẻ chạy mất. Một tờ khiếu-nại lại mới đệ lên quan Thống-sứ có chứng - cớ xác-thực, nếu muốn làm cho ra lẽ, thì cũng treo được mấy cái gương nghiêm-ngặt cho kẻ khác. Không phải là một nơi thế đâu, các nơi khác cũng khiếu-nại như thế nhiều lắm. Đó là cách dan-trá thông-dụng lắm ở trong các việc tuyển-cử, vì những người ra ứng-cử nghĩ rằng cái gì cũng lấy tiền mua được cả.

Nhà nước có hai cái nghĩa-vụ phải làm đã trừng-trị một cách rất nghiêm khắc những kẻ bày ra những cách dan-trá là những kẻ chắc không đủ cái tư - cách công-dân ; và dậy-dỗ cho nhân-dân, vì nếu những người ứng-cử cần biết giữ cái phẩm-giá của mình, thì những người đi bầu cũng cần phải biết như thế và phải hiểu biết rõ ràng cái nghĩa-vụ của mình quan-trọng là thế nào. Làm cho đạt cái mục-đích ấy thì tự nhà-nước phải tìm lấy phương sách thỏa đáng.....

Quan Toàn-quyền đi kinh-lý

Hồi 6 giờ tối hôm 19 Mai quan Toàn-quyền đi kinh-lý Qui-nhơn đã khởi-hành qua đường An-khê sang Kontum. Hồi 8 giờ ngài đến thăm nhà máy tơ ở Phủ-phòng. Sở này có được 100 bề ươm tơ, mỗi ngày sản đến 1.000 cân kén và dùng đến 600 thợ. Quan Toàn-quyền có hỏi han ân-cần đến việc ươm tơ dệt lụa.

Hồi 10 giờ ngài đến An-khê là nơi nuôi ngựa lợi hơn ở Huế nhiều, hiện nay ở đấy đã nuôi được 140 con ngựa và một ít vừa bò vừa cừu nữa.

Quan Toàn-quyền sơi cơm sáng xong, lại vội-vàng đi Dak-Jappan, và hồi 4 giờ chiều thì ngài tới Kontum. Con đường ấy bây giờ rất tốt, mỗi tháng có đến 600 xe bò qua lại, đường này có lẽ rồi sau sẽ chạy thông với đường từ Huế đi Saigon Dalat và Kontum.

Khi ngài tới Kontum thì quan Cai-trị Kerbrat cùng các quan trong hạt, các cố-đạo và dân-Nam, dân Mọi đến nghênh-tiếp rất đông.

Cả ngày hôm 20, ngài ở lại Kontum để khảo sát xem có thể làm cho đường ấy thông với Quảng-Nam, Quảng-ngãi được không.

Nhân dịp quan Toàn-quyền cùng quan Khâm-sứ Pasquier đi rạo con đường ấy thì có những dân Mọi kéo nhau xin ra thú nhiều lắm.

Ngài có ban thưởng bội-tinh chơ mấy người tù-trưởng Mọi và mấy viên cai, đội khố-xanh đã có công với nhà nước.

Buổi tối dân Mọi ở Kontum có theo tục bản-xứ làm lễ mừng ngài. 6 giờ sáng hôm sau ngài cùng quan Khâm-xứ đã từ-biệt Kontum. Quan Công-sứ Sabatier ở tỉnh Banmé-thuot ra đón ngài tận Kalao. Nhân dân hạt ấy đều bận quần áo ngày tế ra đón ngài. Đến nơi, ngài có thăm các trường học và trại khố xanh.

Suốt buổi sáng hôm 22 Mai, quan Toàn-quyền đi thăm hạt Bandon, có quan trưởng Mọi Phong-Tundjonolé cùng với các tưởng Mọi khác ra nghênh-tiếp ngài.

Bandon là một hạt lớn buôn voi rất nhiều. Khi quan Toàn-quyền tới nơi, ở đó có cho đem riệu ở trước mặt ngài hơn hai trăm con. Mỗi năm hạt Bandon đem xuất-cảng được hơn bốn mươi con. Ở đó nhiều nhà đi săn rất giỏi thường gọi là Pakams mỗi người bắt được đến hơn 200 con voi.

Quan Toàn-quyền đến trưa lại về Banmé-thuột, buổi chiều ngài có tiếp các xã-trưởng các làng chung-quanh và ngài có diễn-dụ cho họ biết cái mục-đích khai-hóa của nước Pháp là thế nào. Các chức-dịch Hadôs và Phong đều tỏ lòng nhớ ơn về những công việc của các quan Đại-lý ở hạt Darlac đối với nhân-dân và có đoàn kết với ngài xin hết mực trung-thành. Nhờ về quan Đại-lý Sabatier đặt ra thứ chữ quốc-ngữ radôs mà nay đã có 200 đứa trẻ đi học biết viết được tiếng của họ rồi.

Quan Khâm-sứ Pasquier đã cho tổ-chức lại việc y-tế, việc tư-pháp.

Ngày 23 Mai, quan Toàn-quyền sang Lào để khảo-sát con đường Lang-biên.

Cuộc sổ số công-thải Đông-Pháp lần thứ năm.

Một hội-đồng có quan chánh sở Tài-chính Détieux làm hội-trưởng. MM. Géhin đại-biểu quan chánh Kho-bạc, quan Lê-trung-Ngọc tổng-đốc tòa Thượng-thẩm làm hội-viên và M. Beau phó chủ-sự sở Tài-chính làm thư-ký, đến ngày 1er Juin 1923 hồi 8 giờ sáng sẽ họp tại tòa Đốc-lý Hanoi (phòng Hội-đồng) để coi việc rút 1.030 số phiếu công-thải Đông-pháp lần thứ năm theo như luật ngày 20 Juin 1921 là :

Một phiếu được hoàn lại		10.000 p.
		10.00 p.
Mười hai phiếu	—	500 p.

Một nghìn mười sáu phiếu được hoàn lại 100 đồng.

Một cuộc đánh số lớn tại Nam-kỳ.

Các hội tương-tế ở Nam-kỳ vừa được phép mở một cuộc đánh số mười vạn đồng (100.000 p.) mỗi vé là 1 đồng.

Số giải định là 348 cái là :

Một	giải	10.000	đồng
Hai	—	5.000	—
Năm	—	1.000	—
Mười	—	500	—
Năm mươi	—	100	—
Tám mươi	—	50	—
Hai trăm	—	20	—

Ai-tín

Cụ Nghiêm-hoàn-Luyến, nguyên Tri-huyện Hưng-nhân là lệnh-nghiêm-đường ông Nghiêm-Nhị và là lệnh-thúc-phụ Bản-chí Chủ-nhiệm mới tạ-thế ngày mùng bốn tháng tư ta tức ngày 19 Mai 1923 tại qui-quán làng Hòa-xá, phủ Ứng-hòa (Hadong).

Ngày mùng 6 Annam tức ngày 21 Mai 1923 an-táng ngay tại làng Hòa-xá có các quan và các thân-bằng đi đưa cùng về viếng đông lắm.

Bản-chí đồng-nhân có lời kính viếng cụ lớn và chia buồn cùng quý-quyến.

CÔNG VIỆC HỘI
CÔNG-THƯƠNG ĐỒNG-NGHIỆP
HỘI-CHÁNH HÀ-NỘI

Đại - hội - đồng

(Tiếp theo)

Biên-bản ngày 22 Avril 1923. — Đến ông Trần - đức - Mưu thay mặt Chi-hội Viétri đọc tờ trình như sau này.

Thưa các quí-hữu.

Chi-hội Viétri chúng tôi sự phát đạt thế nào trong quãng thì giờ ngắn ngủi từ khi thành lập đến giờ (20 Août 1922) kỳ Đại hội đồng thường-niên ngày 25 Mars 1923 ông Nguyễn thế Long Hội-trưởng Chi-hội chúng tôi đã trình tỏ-tường lắm rồi, tờ trình ấy đã đăng vào tạp-chí Hữu-Thanh số 38, chắc hẳn các quí hữu đã xem qua cả rồi nên tôi tưởng không cần phải nói lại đây nữa. Còn tình thế cả toàn thể hội thì cũng hôm ấy ông Lê ngọc Giản đi đại biểu Hội chánh lên dự Đại hội đồng Chi hội chúng tôi đã giải bày các công việc hành động và các điều yêu cầu của ban Trị-sự Hội-chánh mấy Chính phủ cho cả toàn thể hội. Nay lại được nghe ông Chánh Hội trưởng Nguyễn huy Hợi trình công việc từng chi một, làm cho chúng tôi lại được rất vui lòng về sự phát đạt lạ lùng của hội chúng ta, làm cho người ngoài hội ai nghe thấy nói đến sự tương-thân tương-ái của anh em ta cũng phải tắc lưỡi khen thầm, ai trông thấy sự phát đạt của hội chúng ta cũng phải nức lòng, làm cho lắm kẻ ngoài hội cũng phải ghen thay vậy.

Tôi vừa nói tờ trình của Chi-hội chúng tôi ông Nguyễn thế Long đã trình tỏ tường rồi, sự hành động và cơ phát đạt của cả toàn thể hội, ông Lê ngọc Giản và ông Nguyễn huy Hợi đã nói hết cả và lại chính hai ông đã đi dự hội đồng mấy các hội Ái-hữu người Pháp về cuộc sổ số và cùng mấy ban Trị sự Hội-chánh đi yêu cầu các khoản tối cốt yếu tại phủ Toàn quyền khi các Nghị-viên Đại Pháp đi qua Hanoi. Thực đã sứng đáng tấm lòng cảm phục của cả toàn thể hội ta.

Nay chúng tôi được về dự Đại hội đồng Hội-chánh hôm nay, thấy cái quang cảnh rực rỡ cái tình thân ái quyến luyến, cái dây liên lạc buộc chặt anh em ta, cùng hưởng sự vui, cùng chia sự buồn, người trong hội coi nhau như chân tay, như ruột thịt. Mừng lắm thay !

Hội-chánh tức là cái thân cây, rễ càng ngày càng ăn sâu, thế lực ngày

một to. Thân cây có to thì các cành mấy tươi tốt rườm rà được, vậy anh em ta ai chẳng vui lòng vun sới cho sau này nẩy hoa kết quả cho rực rỡ cả vùng Trung Bắc kỳ này, thì cái công các nhà xây nền đắp móng và các ban Trị-sự của cả toàn thể hội lại chẳng đáng chép vào sách vàng của hội hay sao ?

Các Chi hội tức là các cành của một cây kia thì dù to dù nhỏ bao giờ cũng vẫn là cái cành mà vẫn phải nhờ thế lực của thân cây tức là Hội chánh. Cành cây ở gần nhau thường có khi quấn-quít lấy nhau, cành to nhánh nhỏ, ngoài dầu cố-kết, song không thể lìa bỏ thân cây mà tự sinh-hoạt được. Một Chi hội dầu to dầu lớn, dầu có tiền-đồ bát ngát, dầu có thế lực vững vàng, song cái hồn « hữu-ái » vẫn phải gửi vào Hội-chánh là nơi nguồn gốc thì mới mong sinh tồn vĩnh viễn được. Cành kia chẳng ở cõi này mà ra ? Người mà vong bản là người hư, cành cây mà bỏ gốc thì cành cây chết, các Chi hội ta do thế lực của Hội-chánh dào tạo ra, há nào lại dám tự phụ dọc ngang mà bỏ quên điều-lệ ?

Vậy chúng tôi xin thay mặt Chi hội Việt trì có lời nhắn nhủ các anh em trong các Chi hội Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp ta, nên cùng nhau trước sau một dạ, cố kết tình liên lạc với các anh em Hội-chánh mà tiến hành trong các cuộc công ích của hội để mưu đường hạnh phúc cho đồng nhân.

Thôi, ngày nay xem thấy cái cơ sở của toàn thể hội ta đã vững vàng tiền đồ còn mông mênh bát ngát, ta chỉ nên cùng nhau đồng thanh chúc câu :

Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp hội vạn vạn tuế !

Ông Trần đức Mưu trình xong, Đại hội đồng vỗ tay hồi lâu rồi đến ông Đỗ tế Khảm, Phái viên Chi-hội Uông Bí đọc tờ trình của Chi-hội như sau này :

Thưa các ngài,

Tôi là Đại-biểu của toàn thể Chi-hội Uông-bí là Chi-hội mới ra đời được ít lâu về trình Đại-hội-đồng những công việc và tình hình của Chi-hội chúng tôi như sau này.

Ngày 15 tháng tám tây năm 1922 chúng tôi được giấy giao quyền của Hội-chánh từ đấy chúng tôi đã có ban Trị-sự tạm thời để cử động công việc trong hội.

Lúc mới công việc chưa được hoàn toàn, số Hội-viên chưa được là bao nhiêu, không những thế mà thôi về đường tài-chính lại gây cho Chi hội chúng tôi nhiều nỗi khó khan trắc trở. Dần dần công việc một ngày một giạng, số Hội-viên vào hội một ngày một đông, đường tài- chính tuy chẳnh lấy gì làm dư dật song cũng nhờ được cái lòng nhiệt thành của các Hội-viên và lòng nhân từ quảng đại của ông chủ Mỏ-than là M. Barondeau đã giúp cho, mà ngày 15 Avril vừa rồi đã họp được Đại hội-đồng thành lập là ngày kỷ-niệm sự kết quả của Chi hội chúng tôi vậy. Ngày Đại-hội-đồng thành lập ấy rực rỡ huy hoàng thế nào đã có biên-bản sẽ đăng trong Tạp-chí Hữu-Thanh sau.

Xét về tình thế Chi hội chúng tôi thì tôi giám quả-quyết mà thưa mấy các ngài rằng : cũng có cơ khả tiến được.

Sau hết tôi xin các ngài hãi cùng tôi mà mừng cho Chi-hội Uông-bí được lâu giài.

Ông Đỗ-tế-Khảm đọc xong, Đại hội-đồng vỗ tay.

Ông Đỗ-mộng-Tùng, là Hội-viên mà Tòa Trị-sự đã cử vào ban Kiểm-xoát tài-chính đọc tờ trình như sau này :

Thưa các qui hữu

Ngày 11 Avril 1923 chúng tôi có tiếp được thư của ông Phó Hội trưởng Trần đình Quang nói kỳ tiểu-hội-đồng thường-nguyệt ngày 4 Avril 1923 ban Trị-sự Hội chánh có cử bốn anh em chúng tôi đến ngày 13 lại họp tại nhà ông Phó Thủ quỹ Lê ngọc Giản để cùng ban Kiểm-xoát tài-chính khám xét quỹ.

Đúng 7 giờ rưỡi ngày 13 Avril họp tại nhà ông Giản : hội đồng khám quỹ và xem trong các Hội-viên ông nào bỏ đã quá điều lệ hội như khoản thứ 6 mà chưa đóng tiền để trình Đại hội đồng ngày hôm nay.

Hiện có ông Phó Hội trưởng Trần đình Quang, ông Nguyễn văn Kỳ, ông Đỗ mộng Tùng, ông Đặng trần Thiện (ông Trần thanh Khiết bận việc xin cáo từ), ông Nguyễn duy Nho và ông Lê ngọc Giản.

Ông Lê ngọc Giản trình hội-đồng quyển sổ quỹ của hội và các đơn hàng chi tiêu từ 1er Avril 1922 cho đến 31 Mars 1923. Hội-đồng khám thì các khoản chi tiêu điều có giấy phân minh cả, khoản chi tiêu nào cũng là đích đáng và cần kiệm lắm, duy có khoản tiêu về giấy má in thì nhiều hơn cả (p. 472.97) nhưng xem ra thì tiền in điều-lệ hội đã mất p. 228.52 — in Phiếu hội-viên và quyển album dán ảnh 60p.00 - và in một trăm quyển nói về mục-đích và thanh-thế hội để gửi sang đấu-xảo Marseille đơn hàng nhà T.B.T.V. thấy làm 200p.00, song phải giả có p.160 thôi. Chúng tôi có hỏi ông Phó Thủ-quỹ Lê-ngọc-Giản vì sao số tiền đơn hàng và quỹ không giống nhau thì ông trình rằng vì từ khi ông Nguyễn-mạnh-Bổng làm commande cho nhà Trung-Bắc in không hỏi giá trước đến khi in song, đã gửi đi đấu-xảo rồi thì sau hai tháng ông mới thấy nhà Trung-Bắc đòi tiền. Ông Giản thấy đắt quá không chịu giả có thơ đi về mấy lần với ông Bùi-xuân-Thành là chủ-nhiệm nhà in Trung-Bắc, ông điều-đình mãi đến sau ông Thành phải chịu bớt cho 20 l. Vậy, chi tiêu về mấy khoản ấy đã hết p. 448.52 chỉ còn có p. 24.45 về tiền in phong bì và giấy viết thơ v.v.

Số tiền p. 270.11 chi tiêu việc vặt thì ông Lê-ngọc-Giản trình rằng : trong số ấy là gồm cả p. 125.00 giả lại cho hai mươi nhăm ông Sáng-lập Hội-viên đã bỏ ra mỗi ông 5p.00 để chi tiêu lúc đang lập hội vì cũng có một vài ông yêu-cầu giả lại nên ban Trị-sự định giả lại hết cả cho công bằng, vậy số tiền ấy chỉ còn có p.145.11 tiêu về việc vặt.

Còn các khoản chi tiêu khác thì không có gì trọng hệ phải trình Đại-hội-đồng cả.

Tiền nguyệt thu thì xem ra từ tháng Juillet 1922 đến giờ có phần kém những tháng trước, chúng tôi xét ra thì có lẽ vì sự rối loạn một vài ông trong hội làm mất thanh-thế hội, song xem ra thì mấy tháng nay các Hội-viên mới vào hội cũng nhiều mà trong một năm đã thành lập được ba Chi-hội nữa thì đủ biết rằng sự rối loạn ấy chẳng qua cũng là thì-giờ chứ mục-đích hội rất cao - thượng, thanh-thế hội ngày càng trong sáng, tinh-thế hội ngày càng phát đạt, đó cũng bởi tấm lòng liên-lạc và giây

hữu-ái của anh em đồng nghiệp ta vậy.

Ngày 31 Mars 1922 còn lại tại quỹ ông Lê-đình-Khoa p.385.76 đến ngày 1er Août 1922 thì ông Lê-đình-Khoa giao sang quỹ ông Lê-ngọc-Giản p. 52.14, còn ông vẫn giữ p.300.00, chúng tôi hỏi sao để lại quỹ ông Khoa nhiều thế thì ông Phó Hội trưởng Trần-đình-Quang thưa rằng ban Trị-sự đã có thư cho ông Khoa bảo ông phải chịu lãi số tiền ấy từ 1er Avril 1922 là ngày ông giao quỹ sang cho ông Lê-ngọc-Giản cho đến 31 Mars 1923 là một năm lãi cũng như số tiền p. 1000.00 ông đã giữ trước nghĩa là mười hai phần một năm. — Ông lại nói số tiền p. 300.00 ấy gửi ông Lê-đình-Khoa giữ không có hạn nghĩa là khi nào hội dùng đến bao nhiêu thì ông Lê-đình-Khoa phải giả bấy nhiêu.

Chúng tôi xét tường-tận thì quỹ ông Lê-ngọc-Giản làm rất phân minh và cần-kiệm, các khoản chi tiêu thật đã đáng cho toàn-thể hội ta cảm phục tấm lòng nhiệt-thành, công ích của ông.

Dưới này xin trình các quý hữu số lồng cộng xuất nhập từng khoản như sau này :

Còn ở quỹ ngày 31 Mai 1922.	385p.76
Gửi nhà Đông Pháp Ngân-hàng	23. 00
Gửi ông Lê-đình-Khoa sinh tức. . .	1000. 00
Tiền cho.	130. 00
Tiền đóng từng tháng	466. 50
Nộp lệ vào hội . . .	46. 00
Cho thuê xuất bản báo Hữu-Thanh .	100. 00
Tiền lãi	120. 00
A reporter. . .	2265p.26

Report. . .		2265p.26
Hai ông Vĩnh viễn Hội viên	140. 00	
Tiền cấp về việc tang.		30p.00
Lễ phúng về việc tang.		26. 09
In điều lệ và giấy má thư từ. . . .		472. 97
Tiền cấp cho Hội viên yếu		30. 00
Tiền chi tiêu tạp sự		270. 11
Tiền thuê hội quán.		100. 00
Tiền mua sổ sách .		6. 60
Tiền timbres. . . .		15. 22
Lương tùy phái. .		144. 00
Gửi nhà ngân-hàng.		23. 00
Gửi ông Lê-đình-Khoa sinh tức. .		1200. 00
Còn lại quỹ ngày 31 Mars 1923 . .		87. 27
	2405p.26	2405p.26

Chúng tôi khám đến sổ các Hội viên đóng tiền nguyệt cấp thì lấy làm ngạc nhiên, vì số chậm đóng không phải là ít vậy. Đây đã biên chép ra từng ông để trình Đại-hội-đồng định liệu, hoặc chiếu theo điều lệ cứ lệ đăng lên tạp-trí coi như các ông ấy đã tự xin ra hội rồi, hoặc là xem xét viên nào mới chậm trễ đóng mà xưa nay vẫn đóng luôn thì giao cho ông Thủ quỹ đạt giấy đi hỏi ý kiến riêng từng ông.

Sự chậm trễ này xem ra cũng bởi nhiều lẽ, một là ông Hội-viên đổi chỗ ở, không báo cho hội biết nên tên tùy phái hội tìm không thấy, hoặc tên tùy phái lười biếng đến thu, một lần không được, thì không đến nữa, một vài tháng sau cũng cứ thế mãi, thành ra sự lười biếng ấy mà làm mất tấm lòng nhiệt thành liên lạc của Hội-viên. Vậy cứ như ý riêng của chúng tôi, thì hội ta cốt lấy tinh « Ái-hữu » làm đầu, nên chúng tôi thiết tưởng giao cho ông Thủ quỹ đạt giấy cho cả các Hội viên chậm đóng tiền nguyệt cấp ấy một lần sau cùng ngay ngày Đại hội đồng hôm nay, hạn trong ba tháng, không thấy giả lời mà cũng không đóng tiền nữa thì xin cứ đăng tên lên tạp-chí. Sự đăng tạp-chí ấy là việc tối cốt yếu của hội vì ông nào đã chậm đóng tiền thì có ai hỏi đến công việc hội tất ông ấy phải nói xấu hội vì có nợ, vì lẽ kia chứ không bao giờ ông ấy chịu nói vì ông ấy chậm đóng tiền bỏ quá lệ hội, vậy đăng tên lên tạp-chí để công chúng điều biết vì bỏ quá lệ hội, mà có thư nhắc cũng không đóng tiền chứ thanh thế hội bao giờ cũng trong sạch. Điều sau cùng này thì chúng tôi lấy sự công bằng mà nói có điều hơi thô bỉ một chút nhưng là sự thực : thắng hoặc trong số các ông chậm đóng tiền ấy, nay mai có một ông nhà có việc cần đến hội ta phải trợ-cấp, nếu không cấp ra thì tất có điều nọ tiếng kia, mà cấp ra thì trái điều lệ hội. Đấy là toàn những điều thiển nghĩ của chúng tôi ; còn ý kiến đã có Đại-hội-đồng, thế nào xin các quý hữu định liệu.

Ông Đỗ-mộng-Tùng đọc xong, Đại-hội-đồng vỗ tay hồi lâu, và định rằng xin Tòa Trị-sự Hội-chánh hạn đề ba tháng kể từ ngày 22 Avril 1923 mà đạt giấy thu hết tiền nguyệt-cấp của các ông Hội-viên thuộc về Hội-chánh đã chậm đóng tiền. Đến hạn đó, còn ông nào chưa đóng nốt thì Tòa Trị-sự cứ xóa tên trong sổ hội (1). *(Còn nữa, kỳ sau đăng tiếp)*

Biên-bản kỳ Tiền-hội-đồng bất-thường ngày 17 Avril 1923.

— Tại nhà hội-quán số 58 Phố hàng Bông-Hanoi ; hiện-diện có những ông : Nguyễn-huy-Hợi, Trần-đình-Quang, Bùi-thiện-Nhân, Nguyễn-Thống, Nguyễn-Long, Nguyễn-thượng-Huyền, Nguyễn-đình-Liên, Nguyễn-duy-Nho, Phan-văn-Điền.

Vắng mặt có giấy kiếu: M. M. Lưu-đức-Khang, Bạch-thái-Sơ, Đào-trinh-Nhất. Vắng mặt không có giấy kiếu : M. M. Nguyễn-bá-Thiệu, Lê-đình-Khoa, Tạ-công-Viết, Nguyễn-tiến-Ân.

Đúng 8 giờ, ông Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi khai hội-đồng.

Trình về việc Đại-hội-đồng hai Chi-hội Uông-bí và Nam-định. — *Ông Nguyễn-huy-Hợi và ông Nguyễn-thượng-Huyền trình hội-đồng về việc các ông làm Đại-biểu Phái-viên đi dự kỳ Đại-hội-đồng thành-lập Chi-hội Uông-bí. Khi tới Haiphong Chi-hội Haiphong cử ông Thư-ký Ng.-đức-Hân cùng đi với hai ông. Song khi tới Bến đò Rừng bị bão : sóng to gió cả, ô-tô các ông đi không được, vậy ông Nguyễn-huy-Hợi và ông Nguyễn-đức-Hân phải quay trở lại trong lòng lấy làm tiếc lắm. Duy chỉ có một mình ông Nguyễn-thượng-Huyền liều sóng gió sang tàu thủy đi tới Uông-bí. Khi đến nơi thời khi chậm, tiệc Champagne có các quan Tây-Nam đến dự đã gần xong. Chi-hội lại xửa luôn một tiệc Champagne khác để hoan-nghênh ông Đại-*

(1) Đến đây, vì Đại-hội-đồng đã chuẩn-y tờ trình của ông Nguyễn-huy-Hợi, nên ông Nguyễn-Thống mới xin trình về việc ông bị mang tiếng trong hồi hội Ích-Hữu-thư-xã có việc biến-động. Khi ông trình xong, Đại-hội-đồng lấy làm cảm-động, vỗ tay hồi lâu mà công-nhận tấm lòng thành-thực của ông đã giãi-bày. Ông Thư-ký hội-đồng hỏi có nên vào biên-bản không. Ông Nguyễn-Thống nói xin thôi vì là việc riêng của ông, Đại-hội-đồng chuẩn-y.

biểu Hanoi. Đại-lễ Chi-hội làm rất là trọng-thể và vui-vẻ lắm. Hội-đồng đều lấy làm mừng vì thấy Chi-hội Vũng-Bí mới nhóm-lập mà đã thịnh-đạt như vậy.

Ông Nguyễn-Thống và ông Nguyễn duy-Nho trình hội-đồng việc hai ông làm Đại-biểu Phái-viên đi dự Đại-hội-đồng Chi-hội Nam-định thời các viên-chức trong tòa Trị-sự nghênh-tiếp các Phái-viên rất là trọng-thể. Hội đồng họp tại nhà hội-quán mới thuê số 17 Phố Jules Ferry. Chi-hội Nam-định được ông Nguyễn-văn-Thịnh lại có thể về làm Hội-trưởng cho Chi-hội, thời tình-thế Chi-hội lại có thể thịnh đạt lên được. Sau khi dự hội-đồng, hai ông Phái-viên đi thăm nhiều ông Hội-viên trong Chi-hội và ông Thư-ký Chi-hội Khương-quang-Hàn đương đau. Hội đồng đều lấy làm vui-vẻ lắm vì thấy Chi-hội Nam-định lại hưng-thịnh như vậy.

Cử ban Tiểu-hội-đồng trông-nom tiệc Champagne. — Hội-đồng cử những ông Trần-đình-Quang, Lê-ngọc-Giản, Bạch-thái-Sơ, Nguyễn-đình-Liên, Nguyễn-duy-Nho, Lê-sĩ-Mão, Nguyễn-thượng-Huyền, Bùi-thiện-Nhân, Nguyễn-Long, Phan-văn-Điển, mà ông Trần-đình-Quang làm Trưởng-ban.

Cử ban Tiểu-hội-đồng trông nom về việc Đại hội đồng. — Hội đồng cử một ban tiểu-hội-đồng đi nghênh tiếp các Phái-viên các Chi-hội có những ông : Lê-ngọc-Giản, Nguyễn-duy-Nho, Nguyễn-Long, Phan-văn-Điển. Hội-đồng lại cử một ban Tiểu-hội-đồng xửa-sang nhà hội-quán hội Tri-tri để ngày 22 Avril 1923 này hội họp Đại-hội-đồng.

Việc văn tắn. — Ông Lê-ngọc-Giản trình hội đồng giây thép của ông Thư-ký Chi-hội Viétri Trần-đức-Mưu báo tin cụ nhạc phụ ông Hội trưởng Chi-hội Viétri Nguyễn-thế-Long mới tạ-thế ngày 17 Avril 1923 tại nhà số 10 Phố Gia-Long. Hội-đồng định đi viếng một bức đối của riêng các viên chức toà Trị-sự Hội-chánh.

Tiệc mời các Phái viên. — Hội đồng định xửa một tiệc buổi chưa ngày chủ nhật 22 Avril 1923 của riêng tòa Trị-sự Hội-chánh để nghênh tiếp các Đại-biểu Phái-viên các Chi-hội về dự Đại-hội-đồng Hội-chánh. Ông Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi xin xửa một tiệc buổi chiều để mời các Phái-viên, toà Trị-sự cũ và tòa Trị sự mới.

Tiệc hoan-nghênh ông Trần-quang-Nhiêm. — Hội-đồng điều-đình với ông Nghiêm-Vịnh chủ-nhiệm tạp-chí Hữu-Thanh để đến chừa ngày 22 Avril 1923 hội-đồng Trị-sự Hội-chánh với các Phái-viên và tòa soạn tạp chí Hữu Thanh xửa tiệc cơm tây và champagne mời ông Trần quang Nghiêm đến dự để hai cái cơ quan đoàn thể ta được cùng ông đàm đạo về việc lập hội thương-mại Tương-tế Nam Bắc kỳ là mục đích ông ra cổ động ngoài Bắc ta.

Các đơn xin vào hội. Ông Lê ngọc Giản, ông Nguyễn Thống và ông Nguyễn đình Liên trình hội đồng đơn xin vào hội của những ông :

Đoàn-văn-Hiếu, comptable chez Hưng ký et Cie Avenue Général Bichot.

Lê đình Ấn, Cie Chemin de fer du Yunnan, 52 bis Rue des Teinturiers.

Nguyễn mạnh Vỹ, Cie Yunnan.

Phạm xuân Phương, Hàn lâm viện 24 Rue grand Bouddha.

Vũ Liên, Hữu Thanh tạp chí, Rue Rondony.

Hoàng quang Chấn, 14 Rue Jean Dupuis Hanoi.

Hội đồng đều công nhận các ông Hội viên mới.

Đúng 10 giờ không còn việc gì bàn nữa hội đồng giải tán.

Thư-ký : NGUYỄN-THỐNG. Chủ-tọa : NGUYỄN-HUY-HỢI

Biên-bản kỳ Tiểu hội đồng bất thường ngày 27 Avril 1923. — Họp tại nhà hội-quán số 58 Phố Hàng-Bông Hanoi, bàn các việc theo chương-trình như sau này :

1° Cắt-cử các chức-vụ ;

2° Định thể-lệ làm việc cho ban Trị-sự.

Hiện-diện có những ông Nguyễn huy Hợi, Trần đình Quang, Lê ngọc Giản, Nghiêm Vịnh, Mai du Lân, Nguyễn duy Nho, Nguyễn Long, Lê sĩ-Mão, Trần như Chất tức Phong ký, Nguyễn Tiến tức Phái lạc, Nguyễn thượng Huyền, Đào trinh Nhất, Nguyễn đình Liên, Bùi thiện Nhân, Phan văn Điển, Nguyễn Thống.

Ông Bạch thái Sơ vì việc bận có giấy giao-quyền cho ông Nguyễn huy Hợi.

Ông Nguyễn huy Hợi làm Chủ tọa, ông Nguyễn Thống làm Thư-ký hội-đồng.

Đúng tám giờ rưỡi ông Nguyễn huy Hợi khai hội-đồng.

Ông Nguyễn huy Hợi nói : Anh em chúng ta đây được Đại-hội-đồng có lòng tin-nhiệm bầu vào Tòa Trị-sự đại-biểu cho hội để làm việc. Tình thế hội mà vững-mạnh hay không là do Tòa Trị-sự nhiệt-thành làm việc công-ích hay là không vậy. Chúng ta phải đồng-tâm hiệp-lực mà làm cho hội được vững-vàng phát-đạt cho khỏi phụ lòng anh em trong toàn-thể hội tin-cậy.

Hôm nay chúng ta họp lại đây cốt để cắt-cử lấy các chức vụ trong Tòa Trị-sự. Việc Thư-ký can-hệ lắm, tức là hồn của hội, phải giữ giấy-má sổ sách, soạn bài đang tạp-chí Hữu-Thanh, viết thư-từ trong hội, công-việc rất là nặng-nề, phải có người có đủ thì-giờ và rất nhiệt-thành với hội thì mới có thể cáng-đáng nổi được. Vậy xin bầu riêng lấy viên Tổng Thư-ký trước hết.

Ông Trần đình Quang nói : Trong Tòa Trị-sự chức việc nào cũng can-hệ cả, song như ý tôi thiết-tưởng thì việc Thủ-quĩ có trách-nhiệm về lý-tài của hội, việc Văn-tắn thi-hành mục-đích của hội : các viên Văn-tắn ủy-viên nên cử lấy những ông nào lão-thành hay có danh-vọng thì khi làm Đại-biểu đi phúng-viếng thăm-nom các Hội-viên mới có vẻ chân-trọng vậy.

Ông Mai du Lân nói : Đã là Đại-biểu của hội bầu lên làm việc cho hội thì dầu chức-việc nào cũng là can-hệ. Hội ta là hội ái-hữu, việc hội là việc chung, các chức-việc trong tòa Trị-sự là hội đặt ra để chia việc mà làm cho tiện, chứ không có chức-việc nào can-hệ hay sang trọng hơn chức-việc nào cả. Vậy ông nào có đủ thì giờ nhận chức-việc nào xin ngỏ ý cho hội-đồng biết để cắt-cử thì tiện hơn, kẻo về sau bàu làm thì không tiện, như tôi, bận-bịu về Thực-Nghiệp dân-báo rất nhiều, dầu có hết lòng nhiệt-thành với hội cũng không thể nhận được những việc phiền-phức hàng ngày phải cần đến mình như Thư-ký, Thủ-quĩ v. v... Song tôi có thì-giờ tự-do, có thể thi-hành mục-đích của hội là việc thăm-nom Hội-viên ốm đau, hay đi xét về việc trợ cấp, vì hội-đồng ưng bàu tôi vào việc văn-tắn tôi xin hoan nghênh.

Hội đồng công nhận lời của ông Nguyễn huy Hợi, ông Trần đình Quang, ông Mai du Lân, ông nào nói cũng có lẽ phải cả.

Ông Nguyễn huy Hợi xin hội đồng cử các chức vụ.

Ông Đào trinh Nhất nói: Xin cứ bầu miệng cũng đủ.

Ông Nguyễn Thống nói: Xin bỏ vé kín bầu thì hơn, vì để mỗi ông có thì giờ mà suy-nghĩ.

Ông Trần đình Quang, ông Nguyễn duy Nho, ông Lê ngọc Giản, ông Bùi thiện Nhân cũng xin bỏ vé kín bầu luôn cả 16 chức việc vì ông Nguyễn huy Hợi đã được Đại hội đồng bầu đặc-biệt làm Chánh Hội-trưởng rồi không phải bầu lại nữa.

Quá nửa hội đồng ưng thuận bỏ vé kín. Hội đồng cử ông Trần đình Quang và ông Nguyễn Tiến làm kiểm-phiếu-viên và định rằng ông nào được từ 9 phiếu trở lên là quá nửa số phiếu bầu thì mới trúng cử vào chức việc gì. Những ông nào số phiếu bầu linh linh vào các chức việc mà không đủ ở chức việc nào cả, thì hội đồng sẽ phải bầu lại.

Khi mở phiếu được kết-quả như sau này :

Phó Hội-trưởng :

MM. Trần-đình-Quang được 17 phiếu (trúng-cử)
Lê - ngọc - Giản được 10 phiếu (trúng-cử)
Mai - du - Lân được 7 phiếu

Tổng Thư-ký :

MM. Nguyễn - Thống được 12 phiếu (trúng-cử)
Ng.-thượng Huyền được 4 phiếu
Đào - trinh - Nhất được 1 phiếu

Phó Thư-ký :

MM. Nguyễn-đình-Liên được 11 phiếu (trúng-cử)
Bùi - thiện - Nhân được 10 phiếu (trúng-cử)
Nguyễn - Thông được 5 phiếu
Đào - trinh - Nhất được 5 phiếu
Ng.-thượng-Huyền được 3 phiếu

Chánh Thủ-quỹ :

MM. Nguyễn-duy-Nho được 9 phiếu (trúng-cử)
Lê - ngọc - Giản được 7 phiếu
Nguyễn - Long được 1 phiếu

Phó Thủ-quỹ :

MM. Phan - văn - Điền được 9 phiếu (trúng-cử)
Nguyễn-duy-Nho được 8 phiếu

Cố-vấn ủy-viên :

MM. Bạch - thái - Sơ được 17 phiếu (trúng-cử)
Nghiêm - Vịnh được 16 phiếu (trúng-cử)
Mai - du - Lân được 1 phiếu

Kiểm-soát ủy-viên :

MM. Lê - sĩ - Mão được 17 phiếu (trúng-cử)
Nguyễn - Long được 12 phiếu (trúng-cử)
Nguyễn-đình-Liên được 3 phiếu
Nghiêm - Vịnh được 1 phiếu
Trần - như - Chất được 1 phiếu

Văn-tấn ủy-viên

MM. Nguyễn - Tiến được 17 phiếu (trúng-cử)
Trần - như - Chất được 16 phiếu (trúng-cử)
Đào - trinh - Nhất được 11 phiếu (trúng-cử)
Ng.-thượng-Huyền được 10 phiếu (trúng-cử)
Mai - du - Lân được 9 phiếu (trúng-cử)
Phan - văn - Điền được 8 phiếu
Bùi - thiện - Nhân được 7 phiếu
Nguyễn - Long được 4 phiếu
Nguyễn-đình-Liên được 3 phiếu

Hội đồng đều công nhận rằng bầu như vậy là phải lắm và ông nào cũng vui lòng nhận chức-vụ mình. Hội đồng lại cử ông Phó Hội-trưởng Trần đình Quang kiêm chức Chánh-đốc việc tài-chính để trông nom việc tài-chính của hội, và ông Phó Hội trưởng Lê ngọc Giản làm Chính-trị-trưởng trong tòa Trị-sự.

Việc thu tiền nguyệt-cấp. -- *Ông Nguyễn đình Liên nói : Trong hội ta hiện còn nhiều ông Hội - viên chậm đóng tiền lắm, như vậy thì tài chính của hội có phần không được đích-xác. Vả lại tài chính là nền gốc của hội mà các Hội-viên không chịu đóng tiền thì lý tài của hội sao cho rồi rào được ? Hội đồng nói rằng Đại-hội-đồng đã định cho một hạn ba tháng kể từ ngày 22 Avril 1923 để thu tiền nguyệt-cấp, vậy hội-đồng giao cho ông Thủ quỹ Nguyễn duy Nho làm giấy đạt các ông Hội-viên chậm đóng tiền đóng cho hội ngay.*

Đúng 10 giờ rưỡi không còn việc gì bàn nữa hội-đồng giải-tán.

Thư-ký : NGUYỄN THỐNG. *Chủ-toạ:* NGUYỄN-HUY-HỢI.

Kiểm-phiếu-viên :
TRẦN-ĐÌNH-QUANG.
NGUYỄN-TIẾN.

Chi Hội Haiphong

Đại-hội-đồng

Biên-bản (Tiếp-theo)

Ông Phạm cao Kwongue lại nói còn các công việc đã có ông Nguyễn xuân Đài sẽ thay mặt tòa Trị-sự trình để các ngài nghe. Cử tọa đều vỗ tay song, thì ông Nguyễn xuân Đài đọc tờ trình như sau này :

Thưa các quí hữu,

Ban Trị sự cử tôi để thay lời trình các quí hữu những công việc của hội trong năm vừa qua. Vậy tôi xin có mấy lời nói đại lược để các quí hữu rõ :

Công việc Chi-hội ta về năm mới rồi, bớt phiền tạp hơn trước nhiều. Đó là một điều minh chứng cho tôi rằng, công việc hội đã tiềm tiệm có nền nếp thì cơ sở hội đã tiềm tiệm vững vàng.

Ngoài các tỉnh thì các Chi-hội ngày một thêm nhiều; trong số Hội - viên ngày càng thêm lắm thế mấy biết cái nghĩa hợp quần cái tinh hữu-ai của ta càng ngày càng mạnh; hồi trưởng đến 3 năm về trước thì bây giờ hội ta chưa thành lập, anh em ta trừ

những người quen biết nhau cùng nghề cùng nhau cùng xu hướng về cái lợi một mặt giống nhau, nếu ta không biết hợp vào với nhau thì sao ta giữ toàn được cái lợi nhớn, sao ta đỡ nhau được những cái hại chung, từ khi có hội đến giờ tuy rằng ngoài sự giúp đỡ nhỏ mọn ta chưa có thể thi thố được điều gì gọi là khả quan song trong lòng anh em ta đã nẩy ra một mối tương thân, tương ái hơn trước nhiều, kẻ đã quen nhau nhờ tên hội mà ta thân, người chưa quen thì được nhờ tên hội mà được biết nhau rộng, kẻ ở gần thì lấy tên hội mà làm quen nhau, người ở xa thì lấy tên hội mà giới thiệu lẫn nhau nên không bỡ ngỡ thành ra hội như một cái giây buộc ta lại với nhau như một cái hòn núi nam châm nó kéo ta lại gần nhau vậy.

Ấy cái tinh thần của hội là thế.

Còn đến sự hành động của hội, mở mang cho hội dở hay, nay dở là tại ta. Hội là ai ? Hội là Hội viên, ta có cái trách nhiệm duy trì lấy khi mở mang cho hội, hội có điều hay ấy là vì ta, hội có điều dở ấy là lỗi ta, tôi nói đây chắc các ngài bảo rằng công việc đã giao cho tòa Trị sự thì dở hay cũng do tòa Trị sự chủ trương chứ các Hội viên duy chỉ biết đóng tiền, điều ấy mới nghe thì hình như có lẽ mà nghĩ cho kỹ thì thực sai. Ban Trị sự là gì ? Là những người giúp việc cho hội, những người ấy là người của các ngài bầu ra thay các ngài, làm phải các ngài dề, làm trái các ngài có quyền họp Đại hội đồng mà chất vấn, nếu thật trái các ngài có quyền bỏ ban ấy đi bầu lại ban khác. Hội ta là hội ái hữu không có ai được tự nhận được hơn ai, không có ai được giữ quyền riêng người ấy. Vậy thì các ngài dề ban Trị-sự làm không phải cái lỗi đó là tại các ngài dung túng.

Tôi bất đắc dĩ phải nói những lời vừa rồi là vì việc đời, người đời bao giờ cũng có bên yêu bên ghét, điều hay thì ít người bàn điều dở thì nhiều người nói, khiến cho những kẻ phản đối được thích khẩu mà ít suýt ra nhiều, đem phao ngôn mà bỉ bàng làm cho ai ít suy vội nóng sinh lòng nghĩ ngợi rồi việc lớn vì đó mà hư nát.

Chúng tôi xét trong hội ta thì các quí hữu đã rất là nhiệt thành mà lại thực là thuần hậu cho nên hội ta được thịnh đạt chúng ta được yên trí giúp hội mà xếp đặt cho hội có cơ ngũ thật là nhờ ở các quí hữu. Bởi thế cho nên ngoài những việc hành động việc giúp đỡ việc thăm viếng việc giao thiệp chúng tôi hết sức tìm cách mở mang xếp đặt cho hội lấy nền nếp vững vàng cố duy trì cho hội lấy đứng đắn, không phải chúng tôi nói dề mà càng công, nhưng mà nói dề các ngài biết rằng chúng tôi hết sức cho trọn nghĩa vụ cho khỏi thẹn với lương-tâm.

(Còn nữa kỳ sau đăng tiếp).

Chi Hội Nam-định

Biên-bản kỳ Đại-hội-đồng thường-niên Hội Công-Thương đồng-nghiệp ngày 15 Avril 1923.

— *Chiều theo tờ đạt của ông Chi Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thịnh thì các Hội-viên hội Công-Thương đồng-nghiệp Chi-hội Nam-định họp Đại-hội-đồng thường-niên tại Hội-quán số 17 phố Jules-Ferry Nam-định.*

Các Hội-viên đến gần đủ mặt, Hội-chánh có cử hai viên Đại-biểu xuống chứng-kiến là ông Nguyễn-Thống Tổng Thư-ký và ông Nguyễn-duy-Nho Phó Thủ-quĩ.

Hồi 3 giờ rưỡi chiều, ông Chi Hội-trưởng Nguyễn-văn-Thịnh làm Chủ-tọa khai hội-đồng; ông có thay mặt cả anh em mà cảm ơn Hội-chánh cùng các ông Đại-biểu, rồi đọc một tờ trình về tình-thế chi-hội Nam-định trong năm 1922 như sau này :

Thưa các ngài,

Tôi xin thay mặt các anh em trong Chi-hội Nam-định mà cảm ơn các ngài không quản xa-xôi đã thay mặt Hội-chánh Hanoi xuống dự Đại-hội-đồng với anh em chúng tôi để trọn cái chủ-nghĩa hữu-ái của hội ta. Vậy tôi có mấy lời nói về tình-thế ngày nay của Chi-hội chúng tôi để trình các ngài được biết.

Nguyên Chi-hội chúng tôi từ khi thành-lập cho đến ngày nay là cái tuổi lên hai, thực là theo cái gương của Hội-chánh tổ-chức nên, anh em chúng tôi thật lấy làm hoan-nghênh cái chủ-nghĩa của hội, vì hai chữ hữu-ái làm cho anh em chúng ta ngày có thế-lực ngày càng thân mật; tôi nói đây không phải là khoa-chương cái mục-đích của hội ta đâu; các công việc, xin các ngài sẽ lưu-tâm mà nghe các tờ trình của các bạn trong tòa Trị-sự đều là xác thực cả.

Duy trong năm nay sự hành-động của chúng tôi không được bành-trướng bằng năm ngoái, là vì Chi-hội chúng tôi ngày nay đã thành-lập rồi, cho nên các công-việc chỉ theo điều-lệ mà thi-hành thôi, các ông trong ban Trị-sự đều do cái bản-phận và cái trách-thủ của mình mà làm việc, chẳng khác gì trong một nhà ai đều có phận ấy cả. Vậy sự hành-động dẫu tầm-thường, song cơ-sở vẫn vững-chãi, cũ năm ngoái tôi phải đi vắng luôn, đến sau lại định dọn nhà ra Haiphong làm việc, tôi bất-đắc-dĩ phải tạm từ-chức Chi Hội-trưởng mà từ giã anh em trong Chi-hội, tôi lấy làm tiếc vô cùng, khi ấy tôi giao công việc hội cho ông Phó Hội-trưởng Trần-hữu-Phương đảm-nhận, song bấy nhiêu lâu trong Chi-hội chúng tôi cũng không có công việc gì khó khăn, mà có việc gì ra nữa thì tôi chắc rằng anh em trong ban Trị-sự làm cũng song việc. May sao! chẳng bao lâu tôi lại được trở về Nam-định, bấy giờ ông Trần-hữu-Phương và ban Trị-sự lại đem công việc mà trao lại cho tôi, và anh em trong hội lại có lòng yêu, cầu tôi làm Chi Hội-trưởng, tôi cố từ, vì tôi bận nhiều việc lắm, song anh em trong hội cố tình ép tôi, thì tôi không từ chối được mà phải tái nhận chức ấy. Vậy từ khi ấy, tôi lại cùng mấy các anh em trong ban Trị-sự làm việc cho hội. Tôi có ý bàn mấy anh em về việc mua đất làm

hội-quán, nhưng tôi cũng biết rằng, Chi hội hùng thời còn đang phôi thai, người ít của hiếm, thì dầu bàn ra, cũng là việc dự toán mà thôi, chớ trong Hội cũng như trong một nhà, sự sinh lý và sự tiêu dùng, còn lạ chi mà chẳng rõ, thì các anh em trong ban Trị-sự có bàn mấy tôi rằng : bây giờ hội Trung-hòa vẫn có lòng tốt mà cho Hội ta nhờ chỗ đình-sở làm hội-quán, song nơi ấy bây giờ nhà nước lại mượn làm trường ấu học, thì hội ta họp tập không tiện, nếu sự họp tập trễ nải thì không chắc việc hội sau này trở nên thế nào. Tôi cùng mấy ban Trị-sự bàn nhau mở một sổ quyên trong hội, để lấy tiền thuê một nơi làm hội-quán, nhờ được anh em đều có lòng nhiệt thành mà đề quyên ngay, món tiền ấy tuy chưa khởi thu, song lúc thu chắc là thanh thỏa cả. Kế đến một dịp may nữa, là ông Vũ-quang-Khánh Phó Thư-ký Chi-hội ta, viết thơ cho tôi nói rằng: ông ấy có cái nhà của ông nhạc thân ở phố Jules-Ferry số 17, tầng gác trên về phía ngoài có thể tạm dùng làm nơi Hội-quán được, tức là hội-quán đây, tôi lấy làm bằng lòng liền giao thơ ấy sang cho ông Phùng-gia-Huệ là Phó Hội-trưởng thứ hai Chi-hội ta, đi điều-đình về việc ấy, trong ban Trị sự thỏa thuận cả. Hội quán vừa yên ổn thì có tin rằng cụ Thượng Phạm trường-công là Danh-dự Phó Hội trưởng Chi-hội chúng tôi, đắc chỉ lại Kinh sung chức Thượng-thư, thì anh em chúng tôi liền chương đăng kết thái ở hội quán mà làm tiệc tiễn cụ lớn, thượng lộ bình an, khi bấy giờ cụ lớn có ủy lạo mấy lời về cái tình liên-lạc của cụ-lớn mấy Chi-hội ta là quan thiết. Vậy các quan khách và các Hội viên cũng đã công nhận rằng chỗ này là nơi hội quán của anh em chúng tôi tạm dùng trong năm nay rồi.

Vậy nhân tiện đây tôi xin các quí hữu cùng lưu tâm mấy tôi mà trông nom công việc hội, để cho hội ta ngày một phát đạt thêm lên, năm nay hội quán còn phải thuê ; một vài năm sau, ta sẽ có một nơi hội-quán rất vẻ vang, kia Chi Haiphong thật là một cái gương đáng soi vậy, nếu hội quán đã thành thì sự họp tập tiện, chắc là có nhiều sự ích lợi khác nữa, sự đó tôi thật trông cậy ở anh em ta lắm. Tôi lại xin các ngài cổ động cho hội ta lấy số Hội-viên ngày một thêm vào, hễ số Hội viên thêm đông bao nhiêu, tức là hội thịnh vượng bấy nhiêu, và sẽ đạt được cái mục đích của hội chúng ta.

Vậy tôi xin các ngài đồng thanh mấy tôi mà chúc : Bắc-kỳ Công-Thương đồng nghiệp hội vạn tuế.

Tiếng đọc vừa rất thì cử tọa đều vỗ tay.

(Còn nữa kỳ sau đăng tiếp)

NAM HỒNG PHÁT

KHÁCH-LAU

N° 104 et 106, Boulevard Bonnard, (ngang gare xe lửa nhỏ)

Saigon, Cholon Govap, gần chợ mới

Có bán rượu tây, cho mướn phòng ngủ, và mở tiệm hớt tóc, có may y-phục Annam và Langsa, cũng có bán hàng lụa, vải, vân vân...

NAM-HỒNG-PHÁT

CÁC TIN TRONG HỘI

Bản-hội mở ra mục này để đăng-tải các tin buồn, tin mừng, tin thuyên-chuyển, vân vân... của các Hội-viên trong hội. Vậy ngài nào có tin-tức gì, xin gửi thư riêng về cho ông Chánh Hội-trưởng, ngoài bì đề là « Các tin trong hội » để tiện việc bóc thư.

Tòa Thư-ký Hội-chánh.

Tin buồn. — *Bản hội được tin buồn cụ thân sinh ông Nguyễn-văn-Lý. Thư-ký hãng Fiard, Hội-viên Chi hội Tourane, đã tạ-thế ngày 28 Avril và ngày 30 Avril 1923 đã an-táng tại Tourane.*

Bản-hội xin có lời chia buồn cùng ông Hội-viên Nguyễn-văn-Lý và qui-quyến.

* * *

Bản-hội được tin buồn bà cụ thân sinh ra ông Hội-viên Chi-hội Haiphong Lê-đắc-Lộc tạ-thế tại Bần-yên-nhân ngày 16 Mai, đến ngày 17 Mai 1923 thì cất đám.

Tòa Trị-sự Hội-chánh có cử ông Phó Thủ-quĩ Phan-văn-Điển đưa câu đối xuống viếng và đưa đám rất là chu-đáo.

Ông Lê-đắc-Lộc gửi lời ông Phan-văn-Điển về cảm ơn bản-hội, và nói khỏi ít lâu, việc nhà yên-ổn, ông sẽ viết thư đề xin đóng tiền nguyệt-cấp về Hội-chánh vì hiện nay ông đã dời về Gia-lâm rồi.

* * *

Bản-hội được tin buồn bà Nguyễn-văn-Ngọc tạ-thế tại nhà số 180 Phố hàng Bông ngày 17 Mai 1923. Hôm ấy ông Hội-trưởng, Nguyễn-huy-Hợi cùng ông Phó Hội-trưởng, Lê-ngọc-Giản có đến viếng. Đến 8 giờ sáng hôm sau đưa đám an-táng tại chùa Thái-bình. Bản-hội có ông Hợi, ông Giản và ông Tiến đi đưa đám.

Bản-hội xin có lời chia buồn cùng ông Ngọc và qui-quyến.

Chi-hội Tourane. — *Tòa Trị-sự Hội-chánh tiếp được tin mừng rằng đến ngày chủ-nhật 3 Juin 1923 này Chi-hội Tourane sẽ làm lễ Đại-khánh-thành cho Chi-hội, vậy Chi hội nào có cử Phái-viên vào chứng-kiến để tỏ tình liên-lạc cùng anh em chốn Cửa-Hàn xin dự bị trước cho kịp vậy.*

Nhà hộ-sinh quan Docteur Carlerré. — *Bản-hội được quan Y-khoa tiến-sĩ Carlerré có cảm-tình với bản-hội mà bằng lòng tính nửa giá tiền cho các Hội-viên bản-hội đến nhờ ngài khám bệnh, nên ngày thứ năm 17 Mai 1923 ông Chánh Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi và ông Tổng Thư-ký Nguyễn-Thống có đến thăm nhà hộ-sinh của ngài ở phố Hàng Đồng để đáp tấm thịnh-tình ấy.*

Xem trong nhà hộ-sinh bây giờ có vẻ đứng-đắn hơn trước nhiều, người đến nằm càng ngày càng thấy đông thêm.

Hiện bây giờ trông về việc thuốc men thì có ông Vương-hữu-Tấn, cựu-

inh-viên trường Thuốc Cao-đẳng : ông là một người đã lịch-thiệp và am-hiểu nhiều về việc chữa chạy người thai-sản, nên trong nhà hộ-sinh nhỡ có ai gặp bệnh cũng có thể nhờ ông cứu-cấp cho được.

Về việc hộ-sinh thì có bà Nguyễn-thị-Vy trông nom. Bà là một nhà hộ-sinh tòng-sự với nhà-nước đã lâu năm, có tiếng là người có biệt - tài giúp đỡ đờn bà ta trong khi lâm-nậu. Bà là người hiền-hòa nhã-nhặn, thực là có đủ tư-cách để yên - ủi người đau.

Giúp đỡ về việc thuốc men thì có ông Nguyễn-văn-Đường, Hội - viên bản-hội ; ông nguyên là Đội linh thuốc (Sergent d'infirmier) đã tòng-sự với nhà-nước 15 năm, nay hưu-trí về giúp việc nhà hộ-sinh. Nhà-nước đã thưởng công ông hàm lục-phẩm, thực cũng là vẻ-vang lắm vậy.

Nay nhà hộ-sinh được những tay giúp có giá trị như vậy, chắc chẳng bao lâu sẽ nên phát-đạt lắm.

Cuộc du-ngoạn vụng Hạ-long.

— *Ngày 20 và 21 Mai 1923 vừa rồi, các Hội-viên bản-hội có tổ-chức ra một cuộc du-ngoạn tại vụng Hạ-long. Mục thời-đàm tạp-chí Hữu-Thanh kỳ này đã đăng về cuộc du-ngoạn ấy, còn bài Hạ-long du-ký tường thuật rõ ràng thì ông Nguyễn-Thống Tổng Thư-ký bản-hội sẽ xuất - bản sau.*

TIỀN NGUYỆT-CẤP

Kỳ Đại-hội-đồng hội Bắc-Kỳ Công - Thương đồng - nghiệp ngày 22 Avril vừa rồi có định rằng : những ông Hội-viên nào chậm đóng tiền nguyệt-cấp thì hạn cho Tòa Trị-sự thu trong ba tháng, kể từ ngày 22 Avril cho đến ngày 22 Juillet 1923 thì thôi; tới hạn đó, còn ông nào chậm đóng quá hạn trong điều-lệ hội nữa, thì bản-hội sẽ đăng tên lên tạp- chí Hữu-Thanh và không kể là Hội-viên bản-hội nữa.

Vậy ngài nào chậm đóng tiền xin kíp gửi dần về viên Hội-trưởng Nguyễn-huy-Hợi, G. M. R. Hanoi, hay viên Thủ-quĩ Nguyễn-duy-Nho, 75 Phố Hàng Gai Hanoi thu-nhận.

Tòa Trị-sự Hội-chánh *kính-cáo*

Hỡi các bạn tòng-sự các sở Công-Thương!!

Mau mau vào hội!!!

THUỐC CHỮA BỆNH RẤT HAY!!!

Chắc các ngài xem báo Nam-kỳ từng biết tiếng bản-đường có các thứ thuốc trị các bệnh rất hay :

ÍCH-NGƯƠN-ĐƯỜNG LÃO-DƯỢC-PHÒNG

Chủ-nhân : **A-ANH**

ở đường Chợ-cũ số 55, Place Gambetta. — Saigon (Nam-kỳ)

Bản đường từ khai-sáng đến nay đã ngoài 50 năm rồi, chuyên việc bào-chế các thứ thuốc Cao-Đơn Hoàn tán Dược-Dầu, Dược-Thủy *đều chọn ròng thuốc thượng-phẩm và có dùng cái nhãn « Mẫu-Đơn-Phượng » làm ký hiệu, và có cầu chứng nơi tòa Saigon ; cũng có bán dã thuốc thang hoặc muốn làm thuốc tễ vân vân đều được cả, lại có chữa dủ các thứ thuốc thần-hiệu của các danh-y bên* Trung-quốc. *Thuốc của Bản-đường có gởi bán cùng Lục-châu. Những thuốc bán tại Bản-đường đều là thuốc ở bên* Trung-quốc *mỗi kỳ tàu gửi qua, buôn bán dữ mực công bằng khắp nơi trong Lục-châu đều biết. Như quí-vị nào ở xa châu-thành mà muốn hỏi thăm điều chi về việc thuốc men hoặc muốn mua thuốc của Bản-đường xin chịu khó mà viết thơ gởi đến Bản-đường. Bản-đường sẵn lòng hồi-đáp lập-tức, nếu tiếp thư mua thuốc thì Bản-đường sẽ gởi* Contre-remboursement.



Phụ hoa khôn phụng hoàn (số 5)

(*Thuốc điều kinh chưởng từ rất hay*)

Phàm người đàn bà đường kinh-nguyệt có chừng thì được mạnh giỏi hằng ngày, đến gặp cơn xanh đẻ mà được mạnh giỏi cũng bởi nhờ nơi thận thể dung hòa khí-huyết sung túc mà ra. Song ai cũng mong mỏi điều mạnh giỏi việc kinh-nguyệt cho đúng kỳ và cơn sanh đẻ đặng bình an mọi sự, mà chẳng hay tìm phương giữ mình, tìm thuốc hay dùng ngăn-ngừa trước cho khỏi đều hậu hoạn về sau, vì như cây cỏ mà đặng tốt-tươi nhờ bởi khí âm dương hòa hưởn, còn người mà đặng mạnh-mẽ là nhờ khí-huyết đều hòa, nên mọi người lo phòng trước lúc chưa bệnh, hay hơn là đề gặp bệnh mới lo tìm thuốc hay : Xét cho kỷ người sinh thường hay có bệnh không chừng. Đây tóm một đều đại-khái của đờn bà khi kinh-nguyệt và cơn sinh-đẻ là đều rất quan-hệ mà nói, còn kỳ-dư biết bao nhiêu chứng bệnh hay xảy đến thình-lình kể sao cho xiết. Nên Bổn-đường có chế phương thuốc Khôn-Phụng này thiệt là một phương thuốc thượng-hạng thuốc đã hay lại hiệp sức diệu dược và bào-chế kỷ cang, bao sắp làm hoàn-tánh được mỗi mỗi đều trùng theo cách điều kinh chưởng-tử rất nên thần hiệu, thiên-hạ khắp dùng đã lâu, rỏ là một phương thánh-dược trên đời, nếu người đương mạnh mà thường dùng thuốc này thì chắc mạnh giỏi luôn luôn không hay đau vặt, còn đờn bà có chồng thì mau sanh con, chí như đã có thai lại thêm bồi-bổ cho an-thai và giúp sức mạnh-mẽ đến cơn sanh đẻ, chang vậy mà thôi, dầu con gái mới lớn lên dùng thuốc này cũng hữu-hạnh lắm là thêm điều-hòa đường kinh, bồi bổ khí-huyết da thịt mịnh màng, thanh tươi nhan-sắc, thân-thể phương-phi, diệt trừ bá bệnh. Thiệt là một phương thuốc vệ sanh của đờn bà.

Trị những chứng

1 Đàn-bà khí huyết kém suy, đường kinh không tốt chậm con.
2 Đường kinh hư, hoặc khi nhiều khi ít trời sụt không chừng

Bởi đường kinh không tốt biến ra chứng đau bụng.

4 Đường kinh bế, nghịch, hàn ôi máu.

5 Đường kinh xấu huyết dợt dạt hoặc đỏ bầm.

6 Huyết bạch, huyết băng, thân thể ốm o, tinh thần giã được.

7 Hoặc lo-lắng nhiều, mệt nhọc chân tay bãi hoãi.

8 Nghẹn, tức, đau lưng mỏi gối ăn không tiêu, nhức đầu, bụng dạ bàn hoàn, mặt mày xấy xám.

9 Thai bệnh, máy động chẳng êm thân-thể mỏi tê, tứ chi phát thũng.

10 Lúc sinh đẻ huyết dư còn lại, hoặc giau (thai y) ra không hết mà sinh bệnh.

Các chứng nói trên dây dùng đến thuốc Khôn Phụng này tức thì lành dã.

Mỗi một viên giá . . . . 0 p. 40

Nguyên một hộp bốn viên giá. 1 50

Hôm trước tôi mua 5 hộp thuốc «phụ-khoa khôn phụng-hoàn» cho vợ tôi dùng thiệt là mầu-nhiệm. vợ tôi năm nay đã 43 tuổi sinh đặng mười mấy đứa con, bởi thai nghén nhiều chứng bệnh huyết khí suy kém, xây xam mặt mày, thân-thể bần-thần, nóng lạnh nhức đầu, mỏi gối đau lưng, ăn uống không ngon, đêm ngủ không an. Nay nhờ thuốc mầu-nhiệm của ông, vợ tôi dùng hết 5 hộp thì tiêu hết bệnh như tôi đã nói trên đây mà lại khỏe hơn hồi trước thập bội, mạnh-mẽ hơn xưa, thiệt là thuốc của ông rất nên thần-hiệu ; nên tôi chẳng nài quê kịch mà tạm đôi lời tỏ lòng cảm ơn với ông và rất khen ngợi ông khéo lựa thuốc hay mà luyện chế thuốc « phụ-khôn phụng-hoàn » chẳng có thuốc nào bì kịp. Luôn dịp xin ông chịu khó gởi cho tôi mua 15 hộp phụ-khoa khôn phụng-hoàn và 10 hộp kim-y-song- bổ-hoàn gởi contre-remboursement, rất cám ơn.

PHẠM-VĂN-DƯƠNG

Propriétaire à Phước-Thành Bacliêu

Tinh chế huê liễu hoàn *(Số 4)*

(Thuốc tiêu các giống độc)

Hằng tưởng hễ quá vui thì sinh buồn, nên người hay ham vui xấy bệnh chứng sang độc là một chứng rất hiểm-nghèo thì hoặc nhơn nhiệt độc mà sinh, nhiều khi dùng không đúng thuốc, đau đi đau lại mãi mãi, vui một chốc mà chịu nhọc cả đời, khó cho tuyệt chứng sang-độc ấy, muốn cho tuyệt độc phải trừ căn, vì như đốn cây phải đức gốc nên bổn-đường chế phương thuốc tiêu độc này, chẳng luận lâu mau, hoặc mới phát, cả mình mọc mụn hoặc nơi dương-vật mọc mụn, đái gắt xương gối mỏi-mê, châu-thân bãi hoải, lột da chon, các chứng về sang độc, đến thuốc này tức thì hết lại trừ tuyệt nọc độc, khỏi đau đi đau lại nữa, và sức lực trở nên mạnh-mẽ như thường, thực là thần-hiệu hơn các thứ thuốc khác, lại dùng thuốc này sau khỏi lo bề tuyệt-tự, (thuốc này kỵ thai).

Giá bán mỗi lọ 0p. 80

Monsieur Ngô-quang-Sanh

Clerc d'Hussier a Sadec

à Monsieur A-ANH

Ích-Ngươn-Đường Saigon

Lời cho ông rỏ : Tôi lấy làm khen thứ thuốc « Tinh-Chế Huê-Liễu-Hoàn của tiệm ông bào-chế, thiệt là thuốc rất hay. Tôi đã uống thuốc Tây thuốc Nam nhiều thứ mà không thấy hiệu nghiệm chút nào, chừng uống thuốc của ông vô thì bệnh thuyên-giảm rất lạ. Tôi cầu chúc cho mọi người nếu nhầm bệnh như vậy mà gặp thứ thuốc này dặng thiệt là rất có phúc. Nay tôi gửi theo dây một cái mandat 3 p. 20 và xin ông gởi lại lập-tức cho tôi bốn ve thứ thuốc đó đặng tôi uống tiếp theo. Tôi cầu chúc cho qui-đường dặng bền vững lâu dài, thạnh-vượng luôn luôn.

NGÔ-QUANG-SANH

N. B. — Tôi xin hỏi ông, như bệnh đã mạnh rồi muốn uống thuốc bổ lại, có thứ thuốc bổ chi hay, ông chỉ giùm cho tôi mua uống. Thứ thuốc bổ nào về bệnh đó cho thiệt hay, đắt bao nhiêu cũng không sao, miễn là thuốc thiệt hay thì thôi, ông nói cho tôi biết hoặc thuốc nước, thuốc hoàn hay là thuốc rượu cũng dặng.

NG. O. S.

GIA ĐĂNG CAO-BẠCH RAO HANG VÀO HỮU-THANH TẠP-CHI

*Đăng cáo-bạch rao hàng vào «**Hữu-Thanh tạp-chí**» thời cứ mỗi trang giấy chia ra làm sáu ô, nhỏ nhất là một phần sáu trang. Vậy ngài nào đăng một phần chia sáu cũng được, hay một phần chia tư, một phần chia ba, một nửa hay cả trang, Bản-chí sẽ xin tùy giá châm-chước. Song Bản-chí xin nói để các ngài có cửa hàng hay muốn rao báo việc gì thời rõ cho rằng : Bản-chí là một cái cơ-quan chung của hai hội lớn nhất Đông-Pháp này, vả người đọc Bản-chí rất nhiều, nếu đăng vào Bản-chí thật là có ích-lợi cho việc cổ-động của các ngài lắm.*

Ngài nào muốn đăng cáo-bạch hay rao báo việc gì, xin mời các ngài đến Bản-xã hay là gửi thư đến, Bản-xã sẽ xin tính giá phải chăng.

GỬI MANDAT GIẢ TIỀN VÀ GÓP CỔ-PHẦN

Xin các ngài gửi mandat tiền Tạp-chí hay Cáo-bạch cùng là đóng **Cổ-phần** cho **Ích-Hữu-thư-xã**, xin đề phong-bì rõ-ràng cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-Hữu thư-xã** » 58 Rue du Coton, Hanoi.

MUA TẠP-CHÍ, ĐĂNG CÁO-BẠCH VÀ GỬI BÀI LAI-CẢO

Các ngài trong Hội **Ích-Hữu thư-xã** và Hội **Bắc-kỳ Công-Thương đồng-nghiệp** mua **Hữu-Thanh** hay đăng cáo-bạch vào **Hữu-Thanh**, đều được trừ 10 % cả.

Ai mua Tạp-chí, đăng Cáo-bạch vào Tạp-chí, gửi bài lai-cảo hay hỏi việc gì xin viết thơ cho :

M. NGHIÊM-VỊNH

Directeur de la Société « **Ích-Hữu thư-xã** », 58 Rue du Coton, Hanoi (Tonkin)

Imp. Ích-Hữu-Thư-Xã — Le Directeur-Gérant : **NGHIÊM-VỊNH**

友聲雜誌

第四十一號

益友書社發行

Original exact de ce livre en vente dans cet exemplaire
Monsieur Le Président Perpétuel
Hommage
de l'Auteur
Le Directeur Gérant